

CalOptima Health OneCare Flex Plus (HMO D-SNP), a Medicare Medi-Cal Plan

Danh Sách Thuốc Được Đãi Thọ (Danh Sách Thuốc) năm 2025

**XIN ĐỌC KỸ: TÀI LIỆU NÀY CÓ THÔNG TIN VỀ NHỮNG LOẠI THUỐC CHÚNG TÔI ĐÃ ĐÃI THỌ
TRONG CHƯƠNG TRÌNH NÀY**

Danh sách thuốc này được cập nhật vào 10/17/2025.

Để biết thêm thông tin mới hoặc có các thắc mắc khác, xin liên lạc với chúng tôi ở số **1-877-412-2734 TTY (711)** , 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần hoặc vào trang mạng **www.caloptima.org/OneCare**.

CalOptima Health OneCare Flex Plus (HMO D-SNP), a Medicare Medi-Cal Plan | Danh Sách Thuốc Được Đãi Thộ (Danh Sách Thuốc) năm 2025

Giới Thiệu

Tài liệu này được gọi là *Danh Sách Thuốc Được Đãi Thộ* (còn gọi là *Danh Sách Thuốc*). Danh sách cho quý vị biết những loại thuốc theo toa nào được CalOptima Health OneCare Flex Plus đãi thọ. *Danh Sách Thuốc* cũng cho quý vị biết nếu có bất kỳ quy định hoặc giới hạn đặc biệt cho bất kỳ loại thuốc nào được CalOptima Health OneCare Flex Plus đãi thọ. Những thuật ngữ quan trọng và định nghĩa của những thuật ngữ có ở chương cuối của *Cẩm Nang Thành Viên*.

Mục Lục

A. Minh Định	4
B. Những Câu Hỏi Thường Gặp (FAQ).....	11
B1. Những loại thuốc theo toa nào nằm trong <i>Danh Sách Thuốc Được Đãi Thộ</i> ? (Chúng tôi gọi tắt <i>Danh Sách Thuốc Được Đãi Thộ</i> là “ <i>Danh Sách Thuốc</i> ”.)	11
B2. <i>Danh Sách Thuốc</i> có bao giờ thay đổi không?.....	12
B3. Điều gì xảy ra khi có sự thay đổi đối với <i>Danh Sách Thuốc</i> ?	13
B4. Có bất kỳ hạn chế hoặc giới hạn nào về sự đãi thọ thuốc hoặc phải thực hiện bất kỳ việc gì để nhận được một số loại thuốc nhất định?	15
B5. Làm thế nào để quý vị biết liệu loại thuốc quý vị muốn có bị giới hạn hoặc liệu quý vị cần thực hiện những việc gì để được nhận thuốc?	15
B6. Điều gì sẽ xảy ra khi CalOptima Health OneCare Flex Plus thay đổi các quy định về cách đãi thọ cho một số loại thuốc (thí dụ, sự cho phép trước, giới hạn về số lượng, và/hoặc giới hạn về việc trị liệu từng bước)?.....	16
B7. Làm thế nào để quý vị tìm một loại thuốc trong <i>Danh Sách Thuốc</i> ?	16
B8. Nếu loại thuốc quý vị muốn dùng không có trong <i>Danh Sách Thuốc</i> ?	16
B9. Nếu quý vị là một thành viên mới của CalOptima Health OneCare Flex Plus và không thể tìm thấy thuốc của mình trong <i>Danh Sách Thuốc</i> hoặc gặp khó khăn trong việc nhận thuốc của quý vị?	17

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/OneCare.



B10. Quý vị có thể yêu cầu sự ngoại lệ để đài thọ thuốc của quý vị không?.....	19
B11. Làm thế nào để yêu cầu một sự ngoại lệ?.....	19
B12. Phải mất bao lâu mới có được sự ngoại lệ?.....	19
B13. Thuốc tương đương là gì?.....	19
B14. Các sản phẩm sinh học gốc là gì và chúng có liên quan như thế nào đến những sản phẩm tương tự sinh học?.....	20
B15. Thuốc không cần toa (OTC) là gì?.....	20
B16. CalOptima Health OneCare Flex Plus có đài thọ các sản phẩm Không Cần Toa không phải là thuốc không?	20
B17. CalOptima Health OneCare Flex Plus có đài thọ nguồn cung cấp toa thuốc dài hạn không?	20
B18. Quý vị có thể nhận các toa thuốc do một nhà thuốc tại địa phương giao tận nhà không?	21
B19. Tiền phụ phí của quý vị là bao nhiêu?	21
C. Tổng Quan về <i>Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ</i>	22
C1. Danh Sách Thuốc theo Bệnh Trạng	23
D. Mục Lục Các Loại Thuốc Được Đài Thọ.....	I-1

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734** (TTY **711**), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/OneCare**.



A.Minh Định

Đây là danh sách những loại thuốc mà thành viên có thể nhận được trong chương trình CalOptima Health OneCare Flex Plus .

CalOptima Health OneCare (HMO D-SNP), a Medicare Medi-Cal Plan, là một chương trình Medicare Advantage có hợp đồng với Medicare và Medi-Cal. Việc ghi danh gia nhập vào CalOptima Health OneCare tùy thuộc vào việc gia hạn hợp đồng. CalOptima Health OneCare tuân thủ luật dân quyền hiện hành của liên bang và không phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc, màu da, nguồn gốc quốc gia, độ tuổi, khuyết tật hoặc giới tính. Xin gọi cho văn phòng Dịch Vụ CalOptima Health OneCare ở số miễn phí **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Xin vào trang mạng của chúng tôi tại **www.caloptima.org/OneCare**.

- ❖ Quý vị luôn có thể kiểm tra *Danh Sách Thuốc Được Đãi Thọ* cập nhật của CalOptima Health OneCare Flex Plus trên mạng tại www.caloptima.org/OneCare hoặc bằng cách gọi số **1-877-412-2734 (TTY 711)** 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này miễn phí.
- ❖ Quý vị có thể nhận tài liệu này miễn phí bằng những hình thức khác, như chữ in khổ lớn, chữ nổi braille, hoặc đĩa thu âm. Xin gọi số **1-877-412-2734 (TTY 711)** 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này miễn phí.

Thông Báo về Khả Năng Cung Cấp Dịch Vụ Trợ Giúp Ngôn Ngữ và Sự Hỗ Trợ và Dịch Vụ Phụ Trợ

English

ATTENTION: If you need help in your language call **1-877-412-2734 (TTY 711)**. Aids and services for people with disabilities, like documents in braille and large print, are also available. Call **1-877-412-2734 (TTY 711)**. These services are free of charge.

(Arabic) العربية

يُرجى الانتباه: إذا احتجت إلى المساعدة بلغتك، فاتصل بـ **1-877-412-2734 (TTY 711)** توفر أيضًا المساعدات والخدمات للأشخاص ذوي الإعاقة، مثل المستندات المكتوبة بطريقة بريل والخط الكبير. اتصل بـ **1-877-412-2734 (TTY 711)** هذه الخدمات مجانية.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/OneCare**.



Հայերեն (Armenian)

ՈՒՇԱԴՐՈՒԹՅՈՒՆ: Եթե Ձեզ օգնություն է հարկավոր Ձեր լեզվով, զանգահարեք **1-877-412-2734 (TTY 711)**: Կան նաև օժանդակ միջոցներ ու ծառայություններ հաշմանդամություն ունեցող անձանց համար, օրինակ՝ Բրայլի գրատիպով ու խոշորատառ տպագրված նյութեր: Զանգահարեք **1-877-412-2734 (TTY 711)**: Այդ ծառայություններն անվճար են:

ខ្មែរ (Cambodian)

ចំណាំ: បើអ្នក ត្រូវ ការជំនួយ ជាភាសា របស់អ្នក សូម ទូរស័ព្ទទៅលេខ **1-877-412-2734 (TTY 711)** ។ ជំនួយ និង សេវាកម្ម សម្រាប់ ជនពិការ ដូចជាឯកសារសរសេរជាអក្សរផុស សម្រាប់ជនពិការភ្នែក ឬឯកសារសរសេរជាអក្សរពុម្ពធំ ក៏អាចរកបានផងដែរ។ ទូរស័ព្ទមកលេខ **1-877-412-2734 (TTY 711)** ។ សេវាកម្មទាំងនេះមិនគិតថ្លៃឡើយ។

简体中文 (Simplified Chinese)

请注意：如果您需要以您的母语提供帮助，请致电 **1-877-412-2734 (TTY 711)**。我们另外还提供针对残疾人士的帮助和服务，例如盲文和大字体阅读，提供您方便取用。请致电 **1-877-412-2734 (TTY 711)**。这些服务都是免费的。

繁體中文 (Traditional Chinese)

注意：如果您需要以您的語言獲得幫助，請致電 **1-877-412-2734 (TTY 711)**。為殘障人士也提供幫助和服務，例如盲文和大字體的文件。致電 **1-877-412-2734 (TTY 711)**。這些服務是免費的。

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/OneCare.



فارسی (Farsi)

توجه: اگر می‌خواهید به زبان خود کمک دریافت کنید، با **1-877-412-2734** (TTY) تماس بگیرید. کمک‌ها و خدمات مخصوص افراد دارای معلولیت، مانند نسخه‌های خط بریل و چاپ با حروف بزرگ، نیز موجود است. با **1-877-412-2734** (TTY 711) تماس بگیرید. این خدمات رایگان ارائه می‌شوند.

ગુજરાતી (Gujarati)

ધ્યાન આપો: જો તમને તમારી ભાષામાં મદદની જરૂર હોય તો આ નંબર પર કોલ કરો: **1-877-412-2734** (TTY 711). વિકલાંગ લોકો માટે સહાય અને સેવાઓ, જેમ કે બ્રેઇલ અને મોટી પ્રિન્ટમાં પણ દસ્તાવેજો ઉપલબ્ધ છે. કોલ કરો: **1-877-412-2734** (TTY 711). આ સેવા વિનામૂલ્યે ઉપલબ્ધ છે.

हिंदी (Hindi)

ध्यान दें: अगर आपको अपनी भाषा में सहायता की आवश्यकता है तो **1-877-412-2734** (TTY 711) पर कॉल करें। अशक्तता वाले लोगों के लिए सहायता और सेवाएं, जैसे ब्रेल और बड़े प्रिंट में भी दस्तावेज़ उपलब्ध हैं। **1-877-412-2734** (TTY 711) पर कॉल करें। ये सेवाएं निः शुल्क हैं।

Hmoob (Hmong)

CEEB TOOM: Yog koj xav tau kev pab txhais koj hom lus hu rau **1-877-412-2734** (TTY 711). Muaj cov kev pab txhawb thiab kev pab cuam rau cov neeg xiam oob qhab, xws li puav leej muaj ua cov ntawv su thiab luam tawm ua tus ntawv loj. Hu rau **1-877-412-2734** (TTY 711). Cov kev pab cuam no yog pab dawb xwb.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734** (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này miễn phí. Để biết thêm thông tin, xin vào trang mạng www.caloptima.org/OneCare.



日本語 (Japanese)

注意日本語での対応が必要な場合は **1-877-412-2734 (TTY 711)** へお電話ください。

点字の資料や文字の拡大表示など、障がいをお持ちの方のためのサービスも用意しています。 **1-877-412-2734 (TTY 711)** へお電話ください。これらのサービスは無料で提供しています。

한국어 (Korean)

유의사항: 귀하의 언어로 도움을 받고 싶으시면 **1-877-412-2734 (TTY 711)** 번으로 문의하십시오. 점자나 큰 활자로 된 문서와 같이 장애가 있는 분들을 위한 도움과 서비스도 이용 가능합니다. **1-877-412-2734 (TTY 711)** 번으로 문의하십시오. 이러한 서비스는 무료로 제공됩니다.

ພາສາລາວ (Laotian)

ປະກາດ: ຖ້າທ່ານຕ້ອງການຄວາມຊ່ວຍເຫຼືອໃນພາສາຂອງທ່ານໃຫ້ໂທຫາເບີ 1-877-412-2734 (TTY 711).

ຍັງມີຄວາມຊ່ວຍເຫຼືອແລະການບໍລິການສໍາລັບຄົນພິການ ເຊັ່ນເອກະສານທີ່ເປັນອັກສອນນູນແລະມີໂຕພິມໃຫຍ່ ໃຫ້ໂທຫາເບີ 1-877-412-2734 (TTY 711). ການບໍລິການເຫຼົ່ານີ້ບໍ່ຕ້ອງເສຍຄ່າໃຊ້ຈ່າຍໃດໆ.

Mien

LONGC HNYOUV JANGX LONGX OC: Beiv taux meih qiemx longc mienh tengx faan benx meih nyei waac nor douc waac daaih lorx taux **1-877-412-2734 (TTY 711)**. Liouh lorx jauv-louc tengx aengx caux nzie gong bun taux ninh mbuo wuaaic fangx mienh, beiv taux longc benx nzangc-pokc bun hlou mbiutc aengx caux aamz mborqv benx domh sou se mbenc

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/OneCare.



nzoih bun longc. Douc waac daaih lorx **1-877-412-2734** (TTY **711**). Naaiv deix nzie weih gong-bou jauv-louc se benx wang-henh tengx mv zuqc cuotv nyaanh oc.

Português (Portuguese)

ATENÇÃO: Se você precisar de ajuda no seu idioma, ligue para **1-877-412-2734** (TTY **711**). Serviços e auxílio para pessoas com incapacidades, como documentos em braile ou impressos com letras grandes, também estão disponíveis. Ligue para **1-877-412-2734** (TTY **711**). Esses serviços são gratuitos.

ਪੰਜਾਬੀ (Punjabi)

ਧਿਆਨ ਦਿਓ: ਜੇ ਤੁਹਾਨੂੰ ਆਪਣੀ ਭਾਸ਼ਾ ਵਿੱਚ ਮਦਦ ਦੀ ਲੋੜ ਹੈ ਤਾਂ ਕਾਲ ਕਰੋ **1-877-412-2734** (TTY **711**). ਅਪਾਹਜ ਲੋਕਾਂ ਲਈ ਸਹਾਇਤਾ ਅਤੇ ਸੇਵਾਵਾਂ, ਜਿਵੇਂ ਕਿ ਬ੍ਰੇਲ ਅਤੇ ਮੋਟੀ ਛਪਾਈ ਵਿੱਚ ਦਸਤਾਵੇਜ਼, ਵੀ ਉਪਲਬਧ ਹਨ। ਕਾਲ ਕਰੋ **1-877-412-2734** (TTY **711**) ਇਹ ਸੇਵਾਵਾਂ ਮੁਫਤ ਹਨ।

Română (Romanian)

ATENȚIE: În cazul în care aveți nevoie de ajutor în limba dvs., sunați la **1-877-412-2734** (TTY **711**). Sunt disponibile, de asemenea, ajutoare și servicii pentru persoanele cu dizabilități, precum documente în limbaj Braille și cu caractere mărite. Sunați la **1-877-412-2734** (TTY **711**). Aceste servicii sunt gratuite.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734** (TTY **711**), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/OneCare.



Русский (Russian)

ВНИМАНИЕ! Если вам нужна помощь на вашем родном языке, звоните по номеру **1-877-412-2734** (линия TTY **711**). Также предоставляются средства и услуги для людей с ограниченными возможностями, например документы крупным шрифтом или шрифтом Брайля. Звоните по номеру **1-877-412-2734** (линия TTY **711**). Такие услуги предоставляются бесплатно.

Español (Spanish)

ATENCIÓN: si necesita ayuda en su idioma, llame al **1-877-412-2734** (TTY **711**). También ofrecemos asistencia y servicios para personas con discapacidades, como documentos en braille y con letras grandes. Llame al **1-877-412-2734** (TTY **711**). Estos servicios son gratuitos.

Tagalog (Filipino)

ATENSIYON: Kung kailangan mo ng tulong sa iyong wika, tumawag sa **1-877-412-2734** (TTY **711**). Mayroon ding mga tulong at serbisyo para sa mga taong may kapansanan, tulad ng mga dokumento sa braille at malaking print. Tumawag sa **1-877-412-2734** (TTY **711**). Libre ang mga serbisyonang ito.

ภาษาไทย (Thai)

โปรดทราบ: หากคุณต้องการความช่วยเหลือเป็นภาษาของคุณ กรุณาโทรศัพท์ไปที่หมายเลข **1-877-412-2734** (TTY **711**) นอกจากนี้ยังพร้อมให้ความช่วยเหลือและบริการต่าง ๆ สำหรับบุคคลที่มีความพิการ เช่น เอกสารต่าง ๆ ที่เป็นอักษรเบรลล์และเอกสารที่พิมพ์ด้วยตัวอักษรขนาดใหญ่ กรุณาโทรศัพท์ไปที่หมายเลข **1-877-412-2734** (TTY **711**)
ไม่มีค่าใช้จ่ายสำหรับบริการเหล่านี้

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734** (TTY **711**), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/OneCare.



Türkçe (Turkish)

DIKKAT: Kendi dilinizde yardıma ihtiyacınız varsa 1-877-412-2734 (TTY 711) numaralı telefonu arayın. Braille alfabesi ve büyük harflerle yazılmış belgeler gibi engellilere yönelik yardım ve hizmetler de mevcuttur. Call: 1-877-412-2734 (TTY 711). Bu hizmetler ücretsizdir.

Українська (Ukrainian)

УВАГА! Якщо вам потрібна допомога вашою рідною мовою, телефонуйте на номер **1-877-412-2734 (TTY 711)**. Люди з обмеженими можливостями також можуть скористатися допоміжними засобами та послугами, наприклад, отримати документи, надруковані шрифтом Брайля та великим шрифтом. Телефонуйте на номер **1-877-412-2734 (TTY 711)**. Ці послуги безкоштовні.

اردو (Urdu)

توجہ: اگر آپکو اپنی زبان میں مدد کی ضرورت ہے تو کال کریں **1-877-412-2734 (TTY 711)**۔ معذور افراد کے لئے امداد اور خدمات، جیسے بریل اور بڑے پرنٹ میں دستاویزات، بھی دستیاب ہیں۔ کال **1-877-412-2734 (TTY 711)**۔ یہ خدمات مفت ہیں۔

Tiếng Việt (Vietnamese)

CHÚ Ý: Nếu quý vị cần trợ giúp bằng ngôn ngữ của mình, vui lòng gọi số **1-877-412-2734 (TTY 711)**. Chúng tôi cũng hỗ trợ và cung cấp các dịch vụ dành cho người khuyết tật, như tài liệu bằng chữ nổi Braille và chữ khổ lớn (chữ hoa). Vui lòng gọi số **1-877-412-2734 (TTY 711)**. Các dịch vụ này đều miễn phí

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/OneCare.



- ❖ Tài liệu này hiện được cung cấp miễn phí bằng tiếng Ả Rập, tiếng Trung Quốc, tiếng Trung Đông, tiếng Hàn Quốc, tiếng Tây Ban Nha, và tiếng Việt.
- ❖ Quý vị cũng có thể thực hiện yêu cầu thường trực để nhận những tài liệu bằng những ngôn ngữ và/hoặc định dạng thay thế khác:
 - Những ngôn ngữ khác hiện có gồm tiếng Ả Rập, tiếng Trung Quốc, tiếng Trung Đông, tiếng Hàn Quốc, tiếng Tây Ban Nha, và tiếng Việt.
 - Những hình thức khác hiện có gồm chữ in khổ lớn, chữ nổi braille, đĩa dữ liệu, hoặc đĩa thu âm.
 - Yêu cầu sẵn của quý vị sẽ được lưu lại trong hệ thống của chúng tôi cho tất cả các thư từ và liên lạc trong tương lai. Để hủy bỏ hoặc thay đổi yêu cầu sẵn của quý vị, xin gọi văn phòng Dịch Vụ ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này miễn phí.

B. Những Câu Hỏi Thường Gặp (FAQ)

Xin tìm câu trả lời tại đây cho những thắc mắc quý vị có về *Danh Sách Thuốc Được Đãi Thọ* này. Quý vị có thể đọc tất cả Những Câu Hỏi Thường Gặp để tìm hiểu thêm hoặc tìm câu hỏi và câu trả lời.

B1. Những loại thuốc theo toa nào nằm trong *Danh Sách Thuốc Được Đãi Thọ*? (Chúng tôi gọi tắt *Danh Sách Thuốc Được Đãi Thọ* là “*Danh Sách Thuốc*”.)

Những loại thuốc trong *Danh Sách Thuốc Được Đãi Thọ* bắt đầu từ phần C1 là những loại thuốc được CalOptima Health OneCare Flex Plus đãi thọ. Những loại thuốc này có sẵn tại các nhà thuốc trong hệ thống của chúng tôi. Một nhà thuốc nằm trong hệ thống khi họ có thỏa thuận làm việc với chúng tôi và cung cấp các dịch vụ cho quý vị. Chúng tôi gọi những nhà thuốc này là “nhà thuốc trong hệ thống.”

Những loại thuốc khác, như một số loại thuốc không cần toa (over-the-counter, OTC) và một số loại vitamin, có thể được chương trình Medi-Cal Rx đãi thọ. Xin vào trang mạng của Medi-Cal Rx (www.medi-calrx.dhcs.ca.gov) để biết thêm thông tin. Quý vị cũng có thể gọi cho Trung tâm Dịch vụ Medi-Cal Rx ở số 800-977-2273. Xin mang theo Thẻ Xác Định Phúc Lợi (Beneficiary Identification Card, BIC) Medi-Cal của quý vị khi nhận các toa thuốc thông qua chương trình Medi-Cal Rx.

- CalOptima Health OneCare Flex Plus sẽ đãi thọ tất cả những loại thuốc cần thiết về mặt y khoa trong *Danh Sách Thuốc* nếu:
 - bác sĩ hoặc người kê toa khác của quý vị cho biết là quý vị cần thuốc để chữa bệnh hoặc để duy trì sức khỏe,

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/OneCare.



- CalOptima Health OneCare Flex Plus đồng ý rằng loại thuốc này cần thiết về mặt y khoa cho quý vị, và
- quý vị mua thuốc theo toa tại một nhà thuốc trong hệ thống của chương trình CalOptima Health OneCare Flex Plus.
- Trong một số trường hợp, quý vị phải làm một số việc trước khi quý vị có thể nhận được thuốc. Xin tham khảo câu hỏi B4 để biết thêm thông tin.

Quý vị cũng có thể tìm thấy danh sách cập nhật về những loại thuốc mà chúng tôi đài thọ trên trang mạng của chúng tôi tại www.caloptima.org/OneCare hoặc gọi văn phòng Dịch Vụ ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)** 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần

B2. Danh Sách Thuốc có bao giờ thay đổi không?

Có, và CalOptima Health OneCare Flex Plus phải tuân theo các quy định của Medicare và Medi-Cal khi thực hiện các thay đổi. Trong năm, chúng tôi có thể thêm vào hoặc lấy ra những loại thuốc có trong *Danh Sách Thuốc*.

Chúng tôi cũng có thể thay đổi các quy định của chúng tôi về các loại thuốc. Thí dụ, chúng tôi có thể:

- Quyết định sẽ yêu cầu hoặc không yêu cầu một sự chấp thuận trước cho một loại thuốc. (Sự chấp thuận trước là sự cho phép từ CalOptima Health OneCare Flex Plus trước khi quý vị có thể lấy thuốc.)
- Thêm vào hoặc thay đổi số lượng thuốc quý vị có thể lấy (được gọi là giới hạn về số lượng).
- Thêm vào hoặc thay đổi các hạn chế về trị liệu từng bước cho một loại thuốc. (Trị liệu từng bước nghĩa là quý vị phải thử một loại thuốc trước khi chúng tôi đài thọ một loại thuốc khác.)

Để biết thêm thông tin về những quy định về thuốc này, xin tham khảo câu hỏi B4.

Nếu quý vị đang dùng một loại thuốc được đài thọ từ **đầu năm**, chúng tôi thường sẽ không lấy ra hoặc thay đổi sự đài thọ của loại thuốc đó **trong suốt thời gian còn lại của năm** trừ khi:

- một loại thuốc mới, rẻ hơn có mặt trên thị trường mà cũng hiệu quả như loại thuốc hiện có trong *Danh Sách Thuốc*, hoặc
- chúng tôi biết được rằng một loại thuốc không an toàn, hoặc
- một loại thuốc đã bị lấy ra khỏi thị trường.

Câu hỏi B3 và B6 dưới đây có thêm thông tin về điều gì sẽ xảy ra khi *Danh Sách Thuốc* thay đổi.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/OneCare.



- Quý vị luôn có thể kiểm tra *Danh Sách Thuốc* cập nhật của CalOptima Health OneCare Flex Plus trên trang mạng tại www.caloptima.org/OneCare. Những cập nhật trong *Danh Sách Thuốc* được đăng trên trang mạng mỗi tháng.
- Quý vị cũng có thể gọi cho văn phòng Dịch Vụ ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)** 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần để kiểm tra *Danh Sách Thuốc* hiện tại.

B3. Điều gì xảy ra khi có sự thay đổi đối với *Danh Sách Thuốc*?

Một số thay đổi đối với *Danh Sách Thuốc* sẽ xảy ra ngay lập tức. Thí dụ:

- **Thay thế bằng một số phiên bản thuốc mới.** Chúng tôi có thể loại bỏ ngay lập tức những loại thuốc ra khỏi *Danh Sách Thuốc* nếu chúng tôi thay thế chúng bằng một số phiên bản mới nhất định của loại thuốc đó, nhưng chi phí cho loại thuốc mới của quý vị sẽ vẫn là \$0. Khi chúng tôi thêm vào một phiên bản mới của một loại thuốc, chúng tôi cũng có thể quyết định giữ lại loại thuốc chính hiệu hoặc sản phẩm sinh học gốc trong danh sách nhưng thay đổi các quy định hoặc hạn chế về việc đài thọ loại thuốc đó.
 - Chúng tôi có thể không thông báo cho quý vị biết trước khi thực hiện thay đổi này, nhưng chúng tôi sẽ gửi cho quý vị thông tin về thay đổi cụ thể mà chúng tôi đã thực hiện khi thay đổi này xảy ra.
 - Chúng tôi chỉ có thể thực hiện những thay đổi sau đây nếu loại thuốc chúng tôi đang thêm vào:
 - là phiên bản tương đương mới của thuốc chính hiệu, hoặc
 - là phiên bản tương tự sinh học mới của các sản phẩm sinh học gốc trong *Danh Sách Thuốc* (thí dụ như, thêm một chế phẩm tương tự sinh học có thể hoán đổi cho nhau để có thể thay thế cho một sản phẩm sinh học gốc mà không cần toa thuốc mới).
 - Một số những loại thuốc này có thể là mới đối với quý vị. Để biết thêm thông tin, xin tham khảo Phần B14.
 - Quý vị hoặc nhà cung cấp dịch vụ của quý vị có thể yêu cầu một ngoại lệ cho những thay đổi này. Chúng tôi sẽ gửi cho quý vị một thông báo về những bước quý vị có thể thực hiện để yêu cầu sự ngoại lệ. Xin tham khảo câu hỏi từ B10 đến B12 để biết thêm thông tin về những ngoại lệ.
- **Một loại thuốc bị lấy ra khỏi thị trường.** Nếu Cơ Quan Kiểm Soát Thực Phẩm và Dược Phẩm (Food and Drug Administration, FDA) cho biết rằng một loại thuốc quý vị đang dùng không an toàn hoặc nhà sản xuất thuốc lấy loại thuốc đó ra khỏi thị trường, chúng tôi sẽ lấy thuốc đó ra khỏi *Danh Sách Thuốc*. Nếu quý vị đang dùng

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/OneCare.



loại thuốc này, chúng tôi sẽ gửi thông báo cho quý vị sau khi chúng tôi thực hiện việc thay đổi.

- Quý vị có thể làm việc với bác sĩ hoặc người kê toa khác của quý vị để tìm loại thuốc khác cho tình trạng của quý vị. Xin liên lạc với bác sĩ hoặc người kê toa khác của quý vị nếu quý vị cần trợ giúp để tìm một loại thuốc khác.
- Quý vị cũng có thể gọi văn phòng Dịch Vụ CalOptima Health OneCare Flex Plus để được trợ giúp ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)** 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần.

Chúng tôi có thể thực hiện những thay đổi khác có thể ảnh hưởng đến loại thuốc quý vị dùng. Chúng tôi sẽ cho quý vị biết trước về những thay đổi khác trong *Danh Sách Thuốc*. Những thay đổi này có thể xảy ra nếu:

- Cơ Quan Kiểm Soát Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) cung cấp hướng dẫn mới hoặc có những hướng dẫn y khoa mới về một loại thuốc.
- Chúng tôi thêm vào một loại thuốc tương đương và thay thế thuốc chính hiệu hiện có trong *Danh Sách Thuốc*, hoặc
- chúng tôi thêm vào một sản phẩm tương tự sinh học mới để thay thế một sản phẩm sinh học gốc hiện có trong *Danh Sách Thuốc*, hoặc
- chúng tôi thay đổi các quy định hoặc giới hạn đãi thọ cho một loại thuốc chính hiệu

Khi những thay đổi này xảy ra, chúng tôi sẽ:

- cho quý vị biết ít nhất là 30 ngày trước khi chúng tôi thực hiện thay đổi trong *Danh Sách Thuốc* **hoặc**
- cho quý vị biết và cung cấp cho quý vị số lượng thuốc dùng trong 30 ngày sau khi quý vị yêu cầu lấy thêm thuốc.

Việc này sẽ cho quý vị thêm thời gian để nói chuyện với bác sĩ hoặc người kê toa khác của quý vị. Bác sĩ hoặc người kê toa khác của quý vị có thể giúp quý vị quyết định:

- nếu có một loại thuốc tương tự trong *Danh Sách Thuốc* mà quý vị có thể sử dụng để thay thế hoặc
- có nên yêu cầu một ngoại lệ cho những thay đổi này hay không. Xin tham khảo câu hỏi từ B10 đến B12 để tìm hiểu thêm về những ngoại lệ.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/OneCare.



B4. Có bất kỳ hạn chế hoặc giới hạn nào về sự đòi hỏi thuốc hoặc phải thực hiện bất kỳ việc gì để nhận được một số loại thuốc nhất định?

Có, một số loại thuốc có những quy định về đòi hỏi hoặc có giới hạn về số lượng quý vị có thể nhận được. Trong một số trường hợp, quý vị hoặc bác sĩ hoặc người kê toa khác của quý vị phải làm một số việc trước khi quý vị có thể nhận được thuốc. Thí dụ:

- **Chấp thuận trước:** Đối với một số loại thuốc, quý vị hoặc bác sĩ hoặc người kê toa khác của quý vị phải có được sự chấp thuận của CalOptima Health OneCare Flex Plus trước khi quý vị lấy thuốc. Sự chấp thuận trước khác với giấy giới thiệu. Nếu quý vị không được chấp thuận trước, CalOptima Health OneCare Flex Plus có thể sẽ không đòi hỏi loại thuốc này.
- **Giới hạn về số lượng:** Đôi khi CalOptima Health OneCare Flex Plus giới hạn số lượng thuốc quý vị có thể nhận.
- **Trị liệu từng bước:** Đôi khi CalOptima Health OneCare Flex Plus yêu cầu quý vị phải trị liệu từng bước. Điều này có nghĩa là quý vị phải dùng thử các loại thuốc theo một thứ tự nào đó cho bệnh trạng của quý vị. Quý vị có thể phải dùng thử một loại thuốc trước khi chúng tôi đòi hỏi một loại thuốc khác. Nếu bác sĩ của quý vị nghĩ rằng loại thuốc đầu tiên không có tác dụng cho quý vị, lúc đó chúng tôi sẽ đòi hỏi loại thuốc thứ hai.

Quý vị có thể tìm hiểu xem thuốc của quý vị có bất cứ đòi hỏi nào thêm hoặc bất cứ hạn chế nào bằng cách xem các bảng bắt đầu từ phần C1. Quý vị cũng có thể lấy thêm thông tin bằng cách vào trang mạng của chúng tôi tại www.caloptima.org/OneCare. Chúng tôi có đăng trên mạng các tài liệu để giải thích về các giới hạn về việc xin phép trước và trị liệu từng bước của chúng tôi. Quý vị cũng có thể yêu cầu chúng tôi gửi cho quý vị một bản sao.

Quý vị có thể yêu cầu sự ngoại lệ đối với những hạn chế này. Điều này sẽ giúp quý vị có thời gian để trao đổi với bác sĩ hoặc người kê toa khác của quý vị. Họ có thể giúp quý vị quyết định xem có loại thuốc nào tương tự trong *Danh Sách Thuốc* mà quý vị có thể dùng để thay thế hoặc có nên yêu cầu sự ngoại lệ hay không. Xin tham khảo câu hỏi từ B10 đến B12 để biết thêm thông tin về các ngoại lệ.

B5. Làm thế nào để quý vị biết liệu loại thuốc quý vị muốn có bị giới hạn hoặc liệu quý vị cần thực hiện những việc gì để được nhận thuốc?

Bảng trong *Danh Sách Thuốc* theo bệnh trạng có một cột gọi là “Hành động cần thiết, các hạn chế, hoặc giới hạn sử dụng.”

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734** (TTY **711**), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/OneCare.



B6. Điều gì sẽ xảy ra khi CalOptima Health OneCare Flex Plus thay đổi các quy định về cách đài thọ cho một số loại thuốc (thí dụ, sự cho phép trước, giới hạn về số lượng, và/hoặc giới hạn về việc trị liệu từng bước)?

Trong một số trường hợp, chúng tôi sẽ cho quý vị biết trước nếu chúng tôi thêm vào hoặc thay đổi sự cho phép trước, giới hạn về số lượng, và/hoặc hạn chế về việc trị liệu từng bước cho một loại thuốc. Xin tham khảo câu hỏi B3 để biết thêm thông tin về các thông báo trước này và các trường hợp chúng tôi không thể thông báo trước cho quý vị khi các quy định của chúng tôi về các loại thuốc trong *Danh Sách Thuốc* thay đổi.

B7. Làm thế nào để quý vị tìm một loại thuốc trong *Danh Sách Thuốc*?

Có hai cách để tìm một loại thuốc:

- quý vị có thể tìm theo thứ tự bảng chữ cái, **hoặc**
- quý vị có thể tìm theo bệnh trạng **hoặc** loại thuốc.

Để tìm **theo thứ tự bảng chữ cái**, xin tìm loại thuốc của quý vị trong phần Mục Lục Các Loại Thuốc Được Đài Thọ. Quý vị có thể tìm thấy phần này bắt đầu từ trang I-1. Phần Mục Lục cung cấp một danh sách theo thứ tự bảng chữ cái tất cả những loại thuốc được bao gồm trong tài liệu này. Cả hai loại thuốc chính hiệu và thuốc tương đương đều được liệt kê trong phần Mục Lục. Xin xem phần Mục Lục và tìm loại thuốc của quý vị. Bên cạnh loại thuốc của quý vị, quý vị sẽ thấy số trang, nơi quý vị có thể tìm thấy thông tin về sự đài thọ. Xin mở trang được liệt kê trong phần Mục Lục và tìm tên thuốc của quý vị trong cột đầu tiên của danh sách.

Để tìm **theo bệnh trạng**, xin tìm phần có tựa đề “Danh Sách Các Loại Thuốc theo Bệnh Trạng” ở trang 23. Các loại thuốc trong phần này được nhóm theo thể loại dựa vào loại bệnh trạng mà thuốc được dùng để điều trị. Thí dụ, nếu quý vị bị bệnh tim, quý vị nên tìm trong thể loại Thuốc Dành Cho Bệnh Tim (Cardiovascular Agents). Đây là nơi quý vị sẽ tìm thấy các loại thuốc điều trị bệnh tim.

B8. Nếu loại thuốc quý vị muốn dùng không có trong *Danh Sách Thuốc*?

Nếu quý vị không tìm thấy thuốc của mình trong *Danh Sách Thuốc*, xin gọi văn phòng Dịch Vụ ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)** 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần và hỏi về việc này. Nếu quý vị biết được rằng CalOptima Health OneCare Flex Plus sẽ không đài thọ loại thuốc đó, quý vị có thể thực hiện một trong những điều sau:

- Yêu cầu văn phòng Dịch Vụ cung cấp cho quý vị một danh sách các loại thuốc tương tự như loại thuốc quý vị muốn dùng. Sau đó đưa danh sách này cho bác sĩ hoặc người kê toa khác của quý vị. Bác sĩ hoặc người kê toa của quý vị có thể kê toa loại thuốc có trong *Danh Sách Thuốc* tương tự như thuốc quý vị muốn dùng. **Hoặc**

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/OneCare.



- Quý vị có thể yêu cầu CalOptima Health OneCare Flex Plus cho một sự ngoại lệ để đòi hỏi loại thuốc của quý vị. Xin tham khảo câu hỏi từ B10 đến B12 để biết thêm thông tin về các ngoại lệ.

B9. Nếu quý vị là một thành viên mới của CalOptima Health OneCare Flex Plus và không thể tìm thấy thuốc của mình trong *Danh Sách Thuốc* hoặc gặp khó khăn trong việc nhận thuốc của quý vị?

Chúng tôi có thể trợ giúp. Chúng tôi có thể đòi hỏi một số lượng thuốc tạm thời cho 30 ngày trong thời gian 90 ngày đầu tiên kể từ khi quý vị là thành viên của CalOptima Health OneCare Flex Plus. Việc này sẽ giúp quý vị có thời gian để nói chuyện với bác sĩ hoặc người kê toa khác của quý vị. Bác sĩ hoặc người kê toa của quý vị có thể giúp quý vị quyết định xem có loại thuốc nào tương tự trong *Danh Sách Thuốc* quý vị có thể dùng để thay thế hoặc yêu cầu một sự ngoại lệ.

Nếu toa thuốc của quý vị được viết cho ít ngày hơn, chúng tôi sẽ cho phép lấy thuốc nhiều lần để cung cấp tối đa số lượng thuốc cho 30 ngày.

Chúng tôi sẽ đòi hỏi một số lượng thuốc cho 30 ngày nếu:

- quý vị đang sử dụng một loại thuốc không nằm trong *Danh Sách Thuốc* của chúng tôi, **hoặc**
- các quy định của chương trình của chúng tôi không cho quý vị nhận số lượng thuốc mà người kê toa của quý vị yêu cầu, **hoặc**
- thuốc yêu cầu phải có sự chấp thuận trước của CalOptima Health OneCare Flex Plus, **hoặc**
- quý vị đang sử dụng loại thuốc là một phần của giới hạn trị liệu từng bước.

Nếu quý vị đang sử dụng một loại thuốc mà CalOptima Health OneCare Flex Plus không xem như là một loại thuốc thuộc Phần D, và thuốc không có trong *Danh Sách Thuốc*, và quý vị gặp khó khăn trong việc lấy thuốc, Medi-Cal Rx có thể đòi hỏi loại thuốc đó. Nếu một loại thuốc không thuộc phần D yêu cầu một ngoại lệ, và quý vị đang trong tình trạng cấp cứu, Medi-Cal Rx sẽ cho phép cung cấp số lượng thuốc để sử dụng trong 72 tiếng. Xin vào trang mạng của Medi-Cal Rx (www.medi-calrx.dhcs.ca.gov) để biết thêm thông tin. Quý vị cũng có thể gọi cho Trung tâm Dịch vụ của Medi-Cal Rx ở số 800-977-2273. Xin mang theo Thẻ Xác Định Phúc Lợi (Beneficiary Identification Card, BIC) Medi-Cal khi nhận các toa thuốc thông qua chương trình Medi-Cal Rx.

Nếu quý vị đang sống trong viện dưỡng lão hoặc cơ sở chăm sóc dài hạn khác và cần một loại thuốc không có trong *Danh Sách Thuốc*, hoặc nếu quý vị không thể dễ dàng lấy loại thuốc quý vị cần, chúng tôi có thể giúp đỡ. Nếu quý vị đã ở trong chương trình hơn 90 ngày, sống tại một cơ sở chăm sóc dài hạn, và cần thuốc ngay lập tức:

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/OneCare.



- Chúng tôi sẽ đài thọ một lần số lượng thuốc cho 31 ngày cho loại thuốc quý vị cần (trừ khi quý vị có toa thuốc cho ít ngày hơn), cho dù quý vị có phải là thành viên mới của CalOptima Health OneCare Flex Plus hay không.
- Đây là nguồn bổ sung cho số lượng thuốc tạm thời trong thời gian 90 ngày đầu tiên khi quý vị là thành viên của CalOptima Health OneCare Flex Plus.

Nếu quý vị là một thành viên hiện đang chuyển từ một hình thức điều trị này sang một hình thức điều trị khác, việc này được gọi là Thay Đổi Về Mức Độ Chăm Sóc. Thí dụ như:

- Khi chuyển từ một bệnh viện chăm sóc cấp tính sang một cơ sở chăm sóc dài hạn
- Xuất viện về nhà
- Kết thúc việc nằm tại viện điều dưỡng chuyên môn theo Phần A để trở lại với sự đài thọ Phần D
- Từ bỏ tình trạng chăm sóc cho người bệnh ở giai đoạn cuối để trở lại với các phúc lợi Phần A và Phần B căn bản
- Kết thúc việc ở tại một cơ sở chăm sóc dài hạn và trở về với cộng đồng
- Xuất viện từ một bệnh viện tâm thần

Nếu quý vị có Thay Đổi về Mức Độ Chăm Sóc, cho mỗi loại thuốc không nằm trong Danh Sách Thuốc của chúng tôi, hoặc nếu khả năng nhận các loại thuốc của quý vị bị giới hạn, chúng tôi sẽ đài thọ một số lượng thuốc tạm thời cho 30 ngày khi quý vị sử dụng một nhà thuốc trong hệ thống. Sau khi đã cung cấp lượng thuốc cho 30 ngày đầu tiên, chúng tôi sẽ không chi trả cho các loại thuốc này nữa. Trong trường hợp này, quý vị có hai chọn lựa:

- Yêu cầu văn phòng Dịch Vụ cung cấp một danh sách các loại thuốc như loại quý vị muốn sử dụng. Sau đó đưa danh sách này cho bác sĩ hoặc người kê toa khác của quý vị. Bác sĩ hoặc người kê toa của quý vị có thể kê toa một loại thuốc trong Danh Sách Thuốc như loại quý vị muốn, **hoặc**
- Quý vị có thể yêu cầu CalOptima Health OneCare Flex Plus cho một sự ngoại lệ để đài thọ thuốc của quý vị. Xin xem câu hỏi B10 để biết thêm thông tin cho sự ngoại lệ này

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734** (TTY **711**), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/OneCare.



B10. Quý vị có thể yêu cầu sự ngoại lệ để đài thọ thuốc của quý vị không?

Có. Quý vị có thể yêu cầu CalOptima Health OneCare Flex Plus cho một sự ngoại lệ để đài thọ một loại thuốc không có trong *Danh Sách Thuốc*.

Quý vị cũng có thể yêu cầu chúng tôi thay đổi các quy định về thuốc của quý vị.

- Thí dụ, CalOptima Health OneCare Flex Plus có thể giới hạn số lượng của một loại thuốc chúng tôi sẽ đài thọ. Nếu thuốc của quý vị bị giới hạn, quý vị có thể yêu cầu chúng tôi thay đổi mức giới hạn và đài thọ nhiều hơn.
- Các thí dụ khác: Quý vị có thể yêu cầu chúng tôi bỏ những giới hạn về trị liệu từng bước hoặc những yêu cầu về việc chấp thuận trước.

B11. Làm thế nào để yêu cầu một sự ngoại lệ?

Để yêu cầu một sự ngoại lệ, xin gọi văn phòng Dịch Vụ. Văn phòng Dịch Vụ sẽ làm việc với quý vị và nhà cung cấp dịch vụ để giúp quý vị yêu cầu một sự ngoại lệ. Quý vị cũng có thể xem phần G2 trong **Chương 9** của *Cẩm Nang Thành Viên* để tìm hiểu thêm về các ngoại lệ.

B12. Phải mất bao lâu mới có được sự ngoại lệ?

Sau khi chúng tôi nhận được văn bản từ người kê toa của quý vị ủng hộ yêu cầu về sự ngoại lệ của quý vị, chúng tôi sẽ đưa ra quyết định cho quý vị trong vòng 72 tiếng. Để biết thêm thông tin về việc cung cấp văn bản hỗ trợ, xin gọi văn phòng Dịch Vụ CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**.

Nếu quý vị hoặc người kê toa của quý vị nghĩ rằng sức khỏe của quý vị có thể bị tổn hại nếu phải chờ quyết định trong 72 tiếng, quý vị có thể yêu cầu một sự ngoại lệ khẩn cấp. Việc đưa ra quyết định sẽ được thực hiện nhanh hơn. Nếu người kê toa của quý vị ủng hộ yêu cầu của quý vị, chúng tôi sẽ cung cấp cho quý vị một quyết định trong vòng 24 tiếng sau khi nhận được văn bản hỗ trợ từ người kê toa của quý vị.

B13. Thuốc tương đương là gì?

Thuốc tương đương được chế tạo từ các thành phần hoạt chất giống như thuốc chính hiệu. Thuốc tương đương thường rẻ hơn so với thuốc chính hiệu và nói chung là có tác dụng tương tự. Thuốc tương đương thường không có những tên gọi nổi tiếng. Thuốc tương đương được sự chấp thuận của Cơ Quan Kiểm Soát Thực Phẩm và Dược Phẩm (Food and Drug Administration, FDA). Hiện có nhiều loại thuốc tương đương thay thế cho nhiều loại thuốc chính hiệu. Thuốc tương đương thường có thể thay thế cho thuốc chính hiệu tại nhà thuốc mà không cần toa thuốc mới—tùy thuộc vào luật của tiểu bang.

CalOptima Health OneCare Flex Plus đài thọ cả hai loại thuốc tương đương và thuốc chính hiệu.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/OneCare.



B14. Các sản phẩm sinh học gốc là gì và chúng có liên quan như thế nào đến những sản phẩm tương tự sinh học?

Khi chúng tôi nói đến các loại thuốc, điều này có nghĩa là một loại thuốc hoặc sản phẩm sinh học. Sản phẩm sinh học là những loại thuốc phức tạp hơn thuốc thông thường. Vì sản phẩm sinh học phức tạp hơn các loại thuốc thông thường, thay vì có dạng chung, chúng có các hình thức được gọi là thuốc tương tự sinh học. Nói chung, thuốc tương tự sinh học có tác dụng tương tự như sản phẩm sinh học gốc và có chi phí thấp hơn. Có những chọn lựa tương tự sinh học để thay thế cho một số sản phẩm sinh học gốc. Một số thuốc tương tự sinh học là thuốc tương tự sinh học có thể hoán đổi cho nhau và, tùy theo luật của tiểu bang, có thể thay thế cho sản phẩm sinh học gốc tại nhà thuốc mà không cần toa thuốc mới, giống như thuốc tương đương có thể thay thế cho thuốc chính hiệu.

Để biết thêm thông tin về những loại thuốc, xin tham khảo **Chương 5** của *Cẩm Nang Thành Viên*.

B15. Thuốc không cần toa (OTC) là gì?

Thuốc Không Cần Toa, viết tắt là OTC, viết đầy đủ là “over-the-counter.” CalOptima Health OneCare Flex Plus đài thọ một số loại thuốc không cần toa khi nhà cung cấp dịch vụ của quý vị kê toa.

Quý vị có thể đọc **Chương 4** của *Cẩm nang Thành viên* CalOptima Health OneCare Flex Plus để tìm hiểu loại thuốc không cần toa nào được đài thọ.

B16. CalOptima Health OneCare Flex Plus có đài thọ các sản phẩm Không Cần Toa không phải là thuốc không?

CalOptima Health OneCare Flex Plus đài thọ một số sản phẩm Không Cần Toa không phải là thuốc khi các sản phẩm này được nhà cung cấp dịch vụ của quý vị kê toa.

Các thí dụ về các sản phẩm Không Cần Toa không phải là thuốc là các tiếp liệu liên quan đến việc chích insulin.

Quý vị có thể xem *Danh Sách Thuốc* của CalOptima Health OneCare Flex Plus để biết các sản phẩm Không Cần Toa không phải là thuốc nào được đài thọ.

B17. CalOptima Health OneCare Flex Plus có đài thọ nguồn cung cấp toa thuốc dài hạn không?

- **Chương trình Nhà thuốc Bán lẻ 100 Ngày.** Một số nhà thuốc bán lẻ cũng có thể cung cấp số lượng thuốc trong 100 ngày cho những loại thuốc theo toa được đài thọ. Số lượng thuốc cho 100 ngày có cùng khoản tiền phụ phí với số lượng thuốc cho một tháng.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734** (TTY **711**), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/OneCare.



B18. Quý vị có thể nhận các toa thuốc do một nhà thuốc tại địa phương giao tận nhà không?

Nhà thuốc tại địa phương có thể giao toa thuốc đến nhà cho quý vị. Quý vị có thể gọi nhà thuốc để tìm hiểu xem liệu họ có cung cấp dịch vụ giao thuốc tận nhà.

B19. Tiền phụ phí của quý vị là bao nhiêu?

Các thành viên CalOptima Health OneCare Flex Plus có các khoản tiền phụ phí khác nhau cho các loại thuốc theo toa và không cần toa và những sản phẩm không phải là thuốc miễn là các thành viên làm theo các quy định của chương trình. Xin tham khảo các câu hỏi B15 và B16 để có thêm thông tin về các loại thuốc không cần toa và những sản phẩm không phải là thuốc.

Bậc thuốc là nhóm các loại thuốc trong *Danh Sách Thuốc* của chúng tôi.

- Thuốc Bậc 1 là các loại thuốc tương đương. Tiền phụ phí tối đa là \$4.90.
- Thuốc Bậc 2 là các loại thuốc chính hiệu. Tiền phụ phí tối đa là \$12.15.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi văn phòng Dịch Vụ ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)** 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/OneCare**.



C. Tổng Quan về *Danh Sách Thuốc Được Đãi Thọ*

Danh Sách Thuốc Được Đãi Thọ dưới đây cho quý vị biết thông tin về những loại thuốc được CalOptima Health OneCare Flex Plus đãi thọ. Nếu quý vị không tìm thấy loại thuốc của quý vị trong danh sách, xin vào Mục Lục Các Loại Thuốc Được Đãi Thọ bắt đầu từ phần I-1. Phần mục lục liệt kê theo thứ tự bảng chữ cái tất cả các loại thuốc được CalOptima Health OneCare Flex Plus đãi thọ.

Những loại thuốc khác, như một số loại thuốc không cần toa (OTC) và một số loại vitamin, có thể được Medi-Cal Rx đãi thọ. Xin vào trang mạng của Medi-Cal Rx (www.medi-calrx.dhcs.ca.gov) để biết thêm thông tin. Quý vị cũng có thể gọi cho Trung tâm Dịch vụ của Medi-Cal Rx ở số 800-977-2273. Xin mang theo Thẻ Xác Định Phúc Lợi (Beneficiary Identification Card, BIC) Medi-Cal khi nhận các toa thuốc thông qua chương trình Medi-Cal Rx.

Khiếu Nại Trong Phần D

- Khiếu nại là một hành động chính thức để yêu cầu chúng tôi duyệt xét lại một quyết định của chúng tôi về việc đãi thọ cho quý vị và để thay đổi quyết định này nếu quý vị nghĩ rằng chúng tôi đã sai sót.
- Thí dụ, chúng tôi có thể quyết định rằng một loại thuốc quý vị muốn sử dụng không được đãi thọ hoặc không còn được Medicare hoặc Medi-Cal đãi thọ.
- Nếu quý vị hoặc người kê toa của quý vị không đồng ý với quyết định của chúng tôi, quý vị có thể khiếu nại. Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi văn phòng Dịch Vụ ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)** 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần.
- Quý vị cũng có thể đọc **Chương 9** của *Cẩm Nang Thành Viên* để biết cách khiếu nại một quyết định.
- Những loại thuốc không phải là thuốc thuộc Phần D có các quy định khác cho việc khiếu nại.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/OneCare.



C1. Danh Sách Thuốc theo Bệnh Trạng

Các loại thuốc trong phần này được nhóm thành các loại dựa vào loại bệnh trạng mà thuốc được dùng để điều trị. Thí dụ, nếu quý vị bị bệnh tim, quý vị nên tìm trong thể loại, Thuốc Dành Cho Bệnh Tim (Cardiovascular Agents). Đây là nơi quý vị sẽ tìm thấy các loại thuốc điều trị bệnh tim.

Sau đây là ý nghĩa của các từ viết tắt được sử dụng trong cột “Hành động cần thiết, hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng”:

Chữ Viết Tắt	Ý Nghĩa
PA	Quý vị (hoặc bác sĩ của quý vị) được yêu cầu phải có sự cho phép trước từ CalOptima Health OneCare Flex Plus trước khi quý vị lấy thuốc theo toa này. Nếu không có sự chấp thuận trước, CalOptima Health OneCare Flex Plus có thể không đài thọ loại thuốc này.
PA BvD	Loại thuốc này có thể đủ điều kiện để được Medicare Phần B hoặc Phần D chi trả. Quý vị (hoặc bác sĩ của quý vị) được yêu cầu phải có sự cho phép trước từ CalOptima Health OneCare Flex Plus để xác định rằng loại thuốc này được Medicare Phần D đài thọ trước khi quý vị lấy loại thuốc theo toa này. Nếu không có sự chấp thuận trước, CalOptima Health OneCare Flex Plus có thể không đài thọ loại thuốc này.
PA NSO	Nếu quý vị là thành viên mới hoặc nếu trước đây quý vị chưa lấy loại thuốc này, quý vị (hoặc bác sĩ của quý vị) được yêu cầu phải có sự cho phép trước từ CalOptima Health OneCare Flex Plus trước khi quý vị lấy loại thuốc theo toa này. Không có sự chấp thuận trước, CalOptima Health OneCare Flex Plus có thể không đài thọ loại thuốc này.
QL	CalOptima Health OneCare Flex Plus giới hạn số lượng của loại thuốc này được đài thọ theo từng toa thuốc, hoặc trong khoảng thời gian nhất định.
ST	Trước khi CalOptima Health OneCare Flex Plus cung cấp sự đài thọ cho loại thuốc này, quý vị phải sử dụng thử (các) loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Loại thuốc này có thể chỉ được đài thọ khi (các) loại thuốc khác không có tác dụng với quý vị.
LA	Thuốc theo toa này có thể chỉ có tại một số nhà thuốc nhất định. Để biết thêm thông tin, xin tham khảo Danh Sách Các Nhà Thuốc của quý vị hoặc gọi văn phòng Dịch Vụ ở số 1-877-412-2734 và (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/OneCare.



Chữ Viết Tắt	Ý Nghĩa
EX	Thuốc theo toa này thường không được đài thọ trong Chương trình Thuốc theo toa của Medicare. Số tiền quý vị chi trả khi lấy loại thuốc theo toa này không được tính vào tổng các chi phí thuốc của quý vị (đó là số tiền quý vị chi trả nhưng không giúp quý vị đủ điều kiện cho giai đoạn không phải trả tiền phụ phí). Ngoài ra, nếu quý vị đang nhận sự trợ giúp thêm để chi trả cho các toa thuốc của quý vị, quý vị sẽ không nhận bất kỳ sự trợ giúp thêm nào để chi trả cho loại thuốc này.
CB	Áp dụng hạn chế phúc lợi bị giới hạn.
GC	Chúng tôi cung cấp sự đài thọ cho loại thuốc theo toa này trong giai đoạn đài thọ sau giai đoạn đài thọ đầu tiên. Xin tham khảo Cẩm Nang Thành Viên để biết thêm thông tin về sự đài thọ này.

Cột đầu tiên của bảng này liệt kê tên của thuốc. Các loại thuốc tương đương được liệt kê bằng chữ viết thường in nghiêng (thí dụ, *amoxicillin*), thuốc chính hiệu được viết hoa (thí dụ, ELIQUIS), và các loại thuốc không cần toa và các sản phẩm không phải là thuốc được liệt kê bằng chữ viết thường (thí dụ, bút tiêm insulin). Thông tin trong cột “Hành động cần thiết, hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng” cho quý vị biết liệu CalOptima Health OneCare Flex Plus có bất kỳ quy định nào về việc đài thọ thuốc của quý vị.

If you have questions, please call CalOptima Health OneCare Flex Plus at **1-877-412-2734** (TTY **711**), 24 hours a day, 7 days a week. The call is free. **For more information**, visit www.caloptima.org/OneCare.



Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANALGESICS		
ANALGESICS		
JOURNAVX 50 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 14 days)
ANALGESICS COMBINATIONS		
<i>acetaminophen-codeine (#2 tablet, #3 tablet, #4 tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days), PA NSO
<i>acetaminophen-codeine 120-12 mg/5</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (5000 per 30 days), PA NSO
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine 50-325-40 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (60 per 30 days)
ENDOCET (5-325 MG TABLET, 7.5-325 MG TABLET, 10-325 MG TABLET)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>hydrocodone-acetamin 10-325/15</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (5000 per 30 days)
<i>hydrocodone-acetaminophen (5-325 mg, 7.5-325, 10-325 mg)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>hydrocodone-acetaminophen 10-325mg</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANALGESICS		
<i>hydrocodone-acetaminophen 5-325mg</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>hydrocodone-acetaminophen 7.5-325mg</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5-200</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>oxycodone-acetaminophen (oxycodon-acetaminophen 7.5-325, oxycodone-acetaminophen 5-325, oxycodone-acetaminophen 10-325, oxycodone-acetaminophen 7.5-325)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
NONSTEROIDAL ANTI-INFLAMMATORY DRUGS		
<i>celecoxib (100 mg capsule, 400 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>celecoxib (50 mg capsule, 200 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>diclofenac 2% solution pump</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (224 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANALGESICS		
<i>diclofenac epolamine 1.3% ptch</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>diclofenac pot 50 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>diclofenac sod er 100 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>diclofenac sodium (dr 25 mg tab, dr 50 mg tab, dr 75 mg tab, ec 25 mg tab, ec 50 mg tab, ec 75 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>ec-naproxen (dr 375 mg tablet, dr 500 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>etodolac (200 mg capsule, 300 mg capsule, 400 mg tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
IBU (600 MG TABLET, 800 MG TABLET)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>ibuprofen (100 mg/5 ml susp, 400 mg tablet, 600 mg tablet, 800 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANALGESICS		
<i>indomethacin (25 mg capsule, 50 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>meloxicam (7.5 mg tablet, 15 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>nabumetone (500 mg tablet, 750 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>naproxen (125 mg/5 ml suspen, 250 mg tablet, 375 mg tablet, dr 375 mg tablet, 500 mg kit, 500 mg tablet, dr 500 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>piroxicam (10 mg capsule, 20 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>sulindac (150 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
OPIOID ANALGESICS, LONG-ACTING		
<i>fentanyl (12 patch, 25 patch, 50 patch, 75 patch, 100 patch)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (10 per 30 days)
<i>levorphanol tartrate (2 mg tablet, 3 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANALGESICS		
<i>methadone hcl (5 mg/5 ml soln cup, 5 mg/5 ml solution, hcl 5 mg tablet, 10 mg/5 ml solution, hcl 10 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
<i>morphine sulfate er (sulf er 100 mg tablet, sulf er 200 mg tablet, sulfate er 100 mg cap, sulfate er 120 mg cap)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days), PA NSO
<i>morphine sulfate er (sulf er 15 mg tablet, sulf er 30 mg tablet, sulf er 60 mg tablet, sulfate er 10 mg cap, sulfate er 20 mg cap, sulfate er 30 mg cap, sulfate er 45 mg cap, sulfate er 50 mg cap, sulfate er 60 mg cap, sulfate er 75 mg cap, sulfate er 80 mg cap, sulfate er 90 mg cap)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>oxymorphone hcl er (er 5 mg tablet, er 10 mg tab, er 15 mg tab, er 20 mg tab, er 30 mg tab, er 40 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>oxymorphone hcl er 7.5 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANALGESICS		
OPIOID ANALGESICS, SHORT-ACTING		
<i>codeine sulfate (15 mg tablet, 30 mg tablet, 60 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>hydromorphone hcl (1 mg/ml solution, 2 mg tablet, 4 mg tablet, 5 mg/5 ml soln, 8 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>meperidine hcl (25 mg/ml vial, 50 mg/5 ml solution, 50 mg/ml vial, 100 mg/ml vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>morphine sulfate (sulf 10 mg/5 ml cup, sulf 10 mg/5 ml soln, sulf 20 mg/5 ml soln, sulf 100 mg/5 ml conc, sulfate ir 15 mg tab, sulfate ir 30 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>oxycodone hcl ((ir) 5 mg cap, (ir) 5 mg tablet, 5 mg tablet, 5 mg/5 ml cup, 5 mg/5 ml soln, (ir) 10 mg tab, (ir) 15 mg tab, 15 mg tablet, (ir) 20 mg tab, 20 mg tablet, (ir) 30 mg tab, 30 mg tablet, 100 mg/5 ml conc)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANALGESICS		
<i>oxymorphone hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>tramadol hcl 100 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>tramadol hcl 50 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (240 per 30 days)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANESTHETICS		
LOCAL ANESTHETICS		
<i>lidocaine 5% patch</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (90 per 30 days)
<i>lidocaine hcl (2% viscous soln, hcl 4% solution)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>lidocaine hcl viscous (2% 15 ml cup, 2% soln)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>lidocaine-prilocaine cream</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANESTHETICS		
TRIDACAINE 5% PATCH	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (90 per 30 days)
TRIDACAINE II 5% PATCH	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (90 per 30 days)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTI-ADDICTION/SUBSTANCE ABUSE TREATMENT AGENTS		
ALCOHOL DETERRENTS/ANTI-CRAVING		
<i>acamprosate calc dr 333 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>disulfiram (250 mg tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>naltrexone 50 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
OPIOID DEPENDENCE		
<i>buprenorphine hcl (2 mg tablet, 8 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTI-ADDICTION/SUBSTANCE ABUSE TREATMENT AGENTS		
<i>buprenorphine-naloxone (buprenorphin-naloxon 8-2 mg sl, buprenorphine-nalox 2-0.5mg fm, buprenorphine-nalox 2-0.5mg tb, buprenorphine-nalox 4-1mg film, buprenorphine-nalox 8-2 mg tab, buprenorphine-nalox 8-2mg film, buprenorphine-nalox 12-3mg flm, buprenorphn-naloxn 2-0.5 mg sl)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>lofexidine 0.18 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
VIVITROL (380 MG VIAL, 380 MG VIAL-DILUENT)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (1 per 30 days)
OPIOID REVERSAL AGENTS		
KLOXXADO 8 MG NASAL SPRAY	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (2 per 30 days)
<i>naloxone hcl (0.4 mg/ml carpujet, 0.4 mg/ml syringe, 0.4 mg/ml vial, 2 mg/2 ml syringe, 4 mg/10 ml vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTI-ADDICTION/SUBSTANCE ABUSE TREATMENT AGENTS		
OPVEE 2.7 MG NASAL SPRAY	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (2 per 30 days)
SMOKING CESSATION AGENTS		
<i>bupropion hcl sr 150 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
NICOTROL NS 10 MG/ML SPRAY	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
<i>varenicline starting month box</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (53 per 28 days)
<i>varenicline tartrate (apo-varenicline 0.5 mg tablet, apo-varenicline 1 mg tablet, varenicline 0.5 mg tablet, varenicline 1 mg cont month bx, varenicline 1 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIBACTERIALS		
AMINOGLYCOSIDES		
<i>amikacin sulf 500 mg/2 ml vial</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ARIKAYCE 590 MG/8.4 ML VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (252 per 30 days)
<i>gentamicin sulfate (80 mg/2 ml vial, 800 mg/20 ml vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>gentamicin sulfate in ns (60 mg/ns 50 ml pb, iso 100 mg/100 ml, isoton 60 mg/50 ml, 80 mg/ns 100 ml pb, 80 mg/ns 50 ml pb, isoton 80 mg/100 ml, isoton 80 mg/50 ml, 100 mg/ns 100 ml)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>neomycin 500 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>streptomycin sulf 1 gm vial</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>tobramycin sulfate (1.2 gm vial, 1.2 gram/30 ml vial, 10 mg/ml vial, 20 mg/2 ml vial, 40 mg/ml vial, 80 mg/2 ml vial, 1,200 mg/30 ml vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIBACTERIALS		
ANTIBACTERIALS, OTHER		
<i>aztreonam (1 gm vial, 2 gm vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>clindamycin (pedi) 75 mg/5 ml</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>clindamycin hcl (75 mg capsule, 150 mg capsule, 300 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>clindamycin pediater 75 mg/5 ml</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>clindamycin phosphate (2% vaginal cream, ph 9 g/60 ml vial, ph 300 mg/2 ml vl, ph 600 mg/4 ml vl, ph 900 mg/6 ml vl)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>clindamycin phosphate-d5w (300 mg/50 ml-d5w, 600 mg/50 ml-d5w, 900 mg/50 ml-d5w)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>colistimethate 150 mg vial</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
DALVANCE 500 MG VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIBACTERIALS		
<i>daptomycin (350 mg vial, 500 mg vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>fosfomycin 3 gm sachet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>linezolid (100 mg/5 ml susp, 600 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>linezolid 600 mg/300 ml-d5w</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>metronidazole (0.75% cream, 0.75% lotion, top 1% gel pump, topical 0.75% gl, topical 1% gel, vaginal 0.75% gl, 250 mg tablet, 500 mg tablet, 500 mg/100 ml)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>nitrofurantoin (25 mg/5 ml susp, mcr 25 mg cap, mcr 50 mg cap, mcr 100 mg cap)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>nitrofurantoin mono-mcr 100 mg</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>polymyxin b sulfate vial</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIBACTERIALS		
SIVEXTRO (200 MG TABLET, 200 MG VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (6 per 30 days)
SOLOSEC 2 GM GRANULE PACKET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
<i>tigecycline 50 mg vial</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>tinidazole (250 mg tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>trimethoprim 100 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>vancomycin hcl (1 gm add-van vial, 1 gm vial, hcl 5 gm vial, hcl 10 gm vial, hcl 100 gm smartpak, 500 mg a-v vial, 500 mg add-van vial, 500 mg vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>vancomycin hcl 125 mg capsule</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (160 per 30 days)
XIFAXAN (200 MG TABLET, 550 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
BETA-LACTAM, CEPHALOSPORINS		
AVYCAZ 2.5 GRAM VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIBACTERIALS		
<i>cefaclor (250 mg capsule, 500 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>cefadroxil (1 gm tablet, 250 mg/5 ml susp, 500 mg capsule, 500 mg/5 ml susp)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>cefazolin sodium (1 gm add-van vial, 1 gm vial, 10 gm vial, 20 gm bulk vial, sod 100 gm bulk bag, sod 300 gm bulk bag, 500 mg vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>cefdinir (125 mg/5 ml susp, 250 mg/5 ml susp, 300 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>cefepime hcl (1 gm vial, 2 gram vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>cefixime (100 mg/5 ml susp, 200 mg/5 ml susp, 400 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>cefotetan (1 gm vial, 2 gm vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>cefoxitin (1 gm vial, 2 gm vial, 10 gm vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIBACTERIALS		
<i>cefepodoxime proxetil (50 mg/5 ml susp, 100 mg tablet, 100 mg/5 ml susp, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>cefprozil (125 mg/5 ml susp, 250 mg tablet, 250 mg/5 ml susp, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>ceftazidime (1 gm vial, 2 gm vial, 6 gm vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>ceftriaxone (1 gm add-vant vial, 1 gm vial, 2 gm add vial, 2 gm vial, 10 gm vial, 100 gram bulk bag, 250 mg vial, 500 mg vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>cefuroxime (250 mg tab, 500 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>cefuroxime sodium (1.5 gm vial, 750 mg vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>cephalexin (125 mg/5 ml susp, 250 mg capsule, 250 mg tablet, 250 mg/5 ml susp, 500 mg capsule, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIBACTERIALS		
TAZICEF (1 GM ADD-VANTAGE VIAL, 1 GRAM VIAL, 6 GRAM VIAL)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
TEFLARO (400 MG VIAL, 600 MG VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
ZERBAXA 1.5 GRAM VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
BETA-LACTAM, PENICILLINS		
<i>amoxicillin (125 mg tab chew, 125 mg/5 ml susp, 200 mg/5 ml susp, 250 mg capsule, 250 mg tab chew, 250 mg/5 ml susp, 400 mg/5 ml susp, 500 mg capsule, 500 mg tablet, 875 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>amoxicillin-clavulanate potass (200-28.5 mg/5 ml sus, 250-125 mg tablet, 250-62.5 mg/5 ml sus, 400-57 mg/5 ml susp, 500-125 mg tablet, 600-42.9 mg/5 ml sus, 875-125 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>ampicillin 500 mg capsule</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIBACTERIALS		
<i>ampicillin sodium (1 gm add-vantage vial, 1 gm vial, 10 gm bottle, 10 gm vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>ampicillin-sulbactam (ampicillin-sulb 1.5 g add vial, ampicillin-sulb 3 gm add vial, ampicillin-sulbactam 1.5 gm vial, ampicillin-sulbactam 3 gm vial, ampicillin-sulbactam 15 gm btl, ampicillin-sulbactam 15 gm vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
BICILLIN C-R (1.2 MILLION UNIT, 900-300 SYRINGE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
BICILLIN L-A (600,000 UNIT/ML, 1,200,000 UNITS, 2,400,000 UNITS)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>dicloxacillin sodium (250 mg capsule, 500 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>nafcillin sodium (1 gm add-van vial, 1 gm vial, 2 gm add-vant vial, 2 gm vial, 10 gm bottle, 10 gm bulk vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIBACTERIALS		
<i>oxacillin 2 gm/ 50 ml inj</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>oxacillin sodium (1 gm add-vantage vl, 1 gm vial, 10 gm vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>penicillin g na 5 million unit</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>penicillin g potassium (5 million, 20 million)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>penicillin gk-iso-osm dextrose (pen g 2 million unit/50 ml, pen g 3 million unit/50 ml)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>penicillin v potassium (125 mg/5 ml soln, 250 mg tablet, 250 mg/5 ml soln, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>piperacillin-tazobactam (piperacil-tazo 2.25 gm add vl, piperacil-tazo 3.375 gm add vl, piperacil-tazo 4.5 gm add vial, piperacil-tazobact 2.25 gm vl, piperacil-tazobact 3.375 gm vl, piperacil-tazobact 4.5 gm vial, piperacil-tazobact 13.5 gm vl, piperacil-tazobact 40.5 gram)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIBACTERIALS		
CARBAPENEMS		
<i>ertapenem 1 gram vial</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>imipenem-cilastatin sodium (250 mg vial, 500 mg vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>meropenem (iv 1 gm vial, iv 500 mg vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
VABOMERE 2 GRAM VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
MACROLIDES		
<i>azithromycin (100 mg/5 ml susp, 200 mg/5 ml susp, 250 mg tablet, 500 mg add-van vial, 500 mg tablet, i.v. 500 mg vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>azithromycin 250 mg tablet (dose pack)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>azithromycin 500 mg tablet (dose pack)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>azithromycin 600 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIBACTERIALS		
<i>clarithromycin (125 mg/5 ml sus, 250 mg tablet, 250 mg/5 ml sus, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
DIFICID 200 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (20 per 10 days)
DIFICID 40 MG/ML SUSPENSION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (136 per 10 days)
ERYTHROCIN LACTOBIONATE (500 MG ADDVAN VIAL, LACT 500 MG VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>erythromycin (250 mg tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
QUINOLONES		
BAXDELA (300 MG VIAL, 450 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (28 per 14 days)
<i>ciprofloxacin 200 mg/100ml-d5w</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>ciprofloxacin hcl (500 mg tab, 750 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIBACTERIALS		
<i>ciprofloxacin hcl 250 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>levofloxacin (25 mg/ml solution, 250 mg tablet, 250 mg/10 ml soln, 500 mg tablet, 500 mg/20 ml soln, 750 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>levofloxacin-d5w (500 mg/100 ml-d5w, 750 mg/150 ml-d5w)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>moxifloxacin 400 mg/250 ml bag</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>moxifloxacin hcl 400 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>ofloxacin (300 mg tablet, 400 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
SULFONAMIDES		
<i>sodium sulfacetamide 10% lot</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>sulfacetamide sodium (sod 10% top susp, sodium 10% lotn)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIBACTERIALS		
<i>sulfadiazine 500 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim (20 ml cup, ds tablet, ss tablet, susp)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
TETRACYCLINES		
<i>demeclocycline hcl (150 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
DOXY 100 MG VIAL	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>doxycycline hyclate (hyc 100 mg vial, hyclate 100 mg cap, hyclate 100 mg tab, hyclate 100 mg vl)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>doxycycline monohydrate (25 mg/5 ml susp, mono 50 mg tablet, mono 75 mg tablet, mono 100 mg cap, mono 100 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>minocycline hcl (50 mg capsule, 75 mg capsule, 100 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIBACTERIALS		
<i>tetracycline hcl (250 mg capsule, 500 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTICONVULSANTS		
ANTICONVULSANTS, OTHER		
BRIVIACT (10 MG TABLET, 25 MG TABLET, 50 MG TABLET, 75 MG TABLET, 100 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days), PA NSO
BRIVIACT 10 MG/ML ORAL SOLN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (600 per 30 days), PA NSO
DIACOMIT (250 MG CAPSULE, 250 MG POWDER PACKET, 500 MG CAPSULE, 500 MG POWDER PACKET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO
<i>divalproex sodium (dr 125 mg cap sprnk, sod dr 125 mg tab, sod dr 250 mg tab, sod dr 500 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTICONVULSANTS		
<i>divalproex sodium er (er 250 mg tab, er 500 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
EPIDIOLEX 100 MG/ML SOLUTION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO
<i>felbamate (400 mg tablet, 600 mg tablet, 600 mg/5 ml susp, 600 mg/5 ml susp cup)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
FINTEPLA 2.2 MG/ML SOLUTION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (360 per 30 days), PA NSO
FYCOMPA 0.5 MG/ML ORAL SUSP	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (680 per 28 days)
<i>lamotrigine (5 mg disper tablet, 25 mg disper tab, 25 mg tablet, 25 mg tb start kit, 100 mg tablet, 150 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>lamotrigine tab start kit-blue</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>lamotrigine tab start kt-green</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>lamotrigine tab start kt-orang</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTICONVULSANTS		
<i>levetiracetam (100 mg/ml soln, 250 mg tablet, 500 mg tablet, 500 mg/5 ml cup, 500 mg/5 ml soln, 750 mg tablet, 1,000 mg tablet, 1,000mg/10ml cup)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>levetiracetam er 500 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (180 per 30 days)
<i>levetiracetam er 750 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>perampanel (8 mg tablet, 10 mg tablet, 12 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>perampanel 2 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (180 per 30 days)
<i>perampanel 4 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>perampanel 6 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
SPRITAM (250 MG TABLET, 500 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
SUBVENITE (25 MG TABLET, 100 MG TABLET, 150 MG TABLET, 200 MG TABLET)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTICONVULSANTS		
SUBVENITE TAB START KIT (BLUE)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
SUBVENITE TAB START KIT(GREEN)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
SUBVENITE TAB START KT(ORANGE)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>topiramate (15 mg cap, 25 mg cap, 50 mg cap)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>topiramate (25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>topiramate 25 mg/ml solution</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
<i>valproic acid (250 mg capsule, 250 mg/5 ml cup, 250 mg/5 ml soln, 500 mg/10 ml cup, 500 mg/10 ml sol)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
CALCIUM CHANNEL MODIFYING AGENTS		
<i>ethosuximide (250 mg capsule, 250 mg/5 ml soln)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTICONVULSANTS		
<i>methsuximide 300 mg capsule</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
GAMMA-AMINOBUTYRIC ACID (GABA) MODULATING AGENTS		
<i>clobazam (2.5 mg/ml suspension, 10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
<i>clonazepam (0.25 mg odt, 2 mg odt)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>clonazepam (0.5 mg tablet, 1 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>clonazepam 0.125 mg odt</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>clonazepam 0.5 mg odt</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>clonazepam 1 mg odt</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>clonazepam 2 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (300 per 30 days)
<i>clorazepate dipotassium (3.75 mg tablet, 7.5 mg tablet, 15 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (180 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTICONVULSANTS		
<i>diazepam (2.5 mg rectal gel, 2.5 mg rectal gel sys, 2.5mg rectal gel(2pk), 10 mg rectal gel, 10 mg rectal gel syrg, 10 mg rectal gel syst, 10mg rectal gel (2pk), 20 mg rectal gel, 20 mg rectal gel syrg, 20 mg rectal gel syst, 20mg rectal gel (2pk))</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>gabapentin (100 mg capsule, 300 mg capsule, 600 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (180 per 30 days)
<i>gabapentin (250 mg/5 ml soln, 250 mg/5ml soln cup, 300 mg/6 ml soln, 300 mg/6ml soln cup)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (2400 per 30 days)
<i>gabapentin 400 mg capsule</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (300 per 30 days)
<i>gabapentin 800 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
NAYZILAM 5 MG NASAL SPRAY	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (10 per 28 days), PA NSO
<i>phenobarbital (15 mg tablet, 16.2 mg tablet, 20 mg/5 ml cup, 20 mg/5 ml elix, 20 mg/5 ml soln, 30 mg tablet, 30 mg/7.5 ml cup, 32.4 mg tablet, 60 mg tablet, 60 mg/15 ml cup, 64.8 mg tablet, 97.2 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTICONVULSANTS		
<i>pregabalin (150 mg capsule, 200 mg capsule, 225 mg capsule, 300 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>pregabalin (25 mg capsule, 50 mg capsule, 75 mg capsule, 100 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>pregabalin 20 mg/ml solution</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (960 per 30 days)
<i>primidone (50 mg tablet, 125 mg tablet, 250 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
SYMPAZAN (5 MG FILM, 10 MG FILM, 20 MG FILM)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days), PA NSO
<i>tiagabine hcl (2 mg tablet, 4 mg tablet, 12 mg tablet, 16 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
VALTOCO (5 MG NASAL SPRAY, 10 MG NASAL SPRAY, 15 MG NASAL SPRAY, 20 MG NASAL SPRAY)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (10 per 28 days), PA NSO
<i>vigabatrin 500 mg powder packt</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTICONVULSANTS		
<i>vigabatrin 500 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
VIGADRONE 500 MG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
VIGAFYDE 100 MG/ML ORAL SOLN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO
VIGPODER 500 MG POWDER PACKET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
ZTALMY 50 MG/ML SUSPENSION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (1100 per 30 days), PA NSO
SODIUM CHANNEL AGENTS		
<i>carbamazepine (100 mg tab chew, 100 mg/5 ml susp, 200 mg tab chew, 200 mg tablet, 200 mg/10 ml cup)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>carbamazepine er (er 100 mg cap, er 100 mg tablet, er 200 mg cap, er 200 mg tablet, er 300 mg cap, er 400 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
DILANTIN (30 MG CAPSULE, 50 MG INFATAB, 100 MG CAPSULE)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTICONVULSANTS		
DILANTIN 125 MG/5 ML SUSP	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>eslicarbazepine 800 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days), PA NSO
<i>eslicarbazepine acetate (200 mg tablet, 400 mg tablet, 600 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days), PA NSO
<i>lacosamide (10 mg/ml solution, 50 mg/5 ml cup, 100 mg/10 ml cup, 150 mg/15 ml cup, 200 mg/20 ml cup)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>lacosamide (50 mg tablet, 100 mg tablet, 150 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>oxcarbazepine (150 mg tablet, 300 mg tablet, 300 mg/5 ml cup, 300 mg/5 ml susp, 600 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
PHENYTEK (200 MG CAPSULE, 300 MG CAPSULE)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTICONVULSANTS		
<i>phenytoin (50 mg infatab chew, 50 mg tablet chew, 100 mg/4 ml susp cup, 125 mg/5 ml susp)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>phenytoin sod ext 100 mg cap</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>rufinamide (40 mg/ml suspension, 200 mg tablet, 400 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
XCOPRI (12.5-25 MG PK, 50-100 MG PAK, 150-200 MG PK)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (28 per 28 days), PA NSO
XCOPRI (150 MG TABLET, 200 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days), PA NSO
XCOPRI (25 MG TABLET, 50 MG TABLET, 100 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO
XCOPRI (250 MG DAILY PACK, 350 MG DAILY PACK)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (56 per 28 days), PA NSO
ZONISADE 100 MG/5 ML ORAL SUSP	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (900 per 30 days), PA NSO
<i>zonisamide (25 mg capsule, 50 mg capsule, 100 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIDEMENTIA AGENTS		
CHOLINESTERASE INHIBITORS		
ADLARITY (5 MG/DAY PATCH, 10MG/DAY PATCH)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (4 per 28 days)
<i>donepezil hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet, 23 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>donepezil hcl odt (odt 5 mg tablet, odt 10 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>galantamine 4 mg/ml oral soln</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (200 per 30 days)
<i>galantamine er (er 8 mg capsule, er 16 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>galantamine er 24 mg capsule</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>galantamine hbr (4 mg tablet, 8 mg tablet, 12 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>rivastigmine (1.5 mg capsule, 3 mg capsule, 4.5 mg capsule, 6 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>rivastigmine (4.6 mg/24hr patch, 9.5 mg/24hr patch, 13.3 mg/24hr ptch)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIDEMENTIA AGENTS		
N-METHYL-D-ASPARTATE (NMDA) RECEPTOR ANTAGONIST		
<i>memantine hcl (2 mg/ml solution, 10 mg/5 ml cup)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (480 per 30 days)
<i>memantine hcl (5-10 mg titration pk, hcl 5 mg tablet, hcl 10 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>memantine hcl er (er 14 mg capsule, er 21 mg capsule, er 28 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>memantine hcl er 7 mg capsule</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIDEPRESSANTS		
ANTIDEPRESSANTS, OTHER		
AUVELITY ER 45-105 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days), PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIDEPRESSANTS		
<i>bupropion hcl 100 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>bupropion hcl 75 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>bupropion hcl sr (sr 100 mg tablet, sr 150 mg tablet, sr 200 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>bupropion xl (150 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>mirtazapine (7.5 mg tablet, 15 mg odt, 15 mg tablet, 30 mg odt, 30 mg tablet, 45 mg odt, 45 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>olanzapine-fluoxetine hcl (3-25 mg, 6-25 mg, 6-50 mg, 12-25 mg, 12-50 mg)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>perphenazine-amitriptyline (2 mg-10 mg tab, 2 mg-25 mg tab, 4 mg-10 mg tab, 4 mg-25 mg tab, 4 mg-50 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIDEPRESSANTS		
ZURZUVAE (20 MG CAPSULE, 25 MG CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (28 per 180 days), PA NSO
ZURZUVAE 30 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (14 per 180 days), PA NSO
MONOAMINE OXIDASE INHIBITORS		
EMSAM (6 MG/24 PATCH, 9 MG/24 PATCH, 12 MG/24 PATCH)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO
MARPLAN 10 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>phenelzine sulfate 15 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>tranylcypromine sulf 10 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
SSRIS/SNRIS (SELECTIVE SEROTONIN REUPTAKE INHIBITOR/SEROTONIN AND NOREPINEPHRINE REUPTAKE INHIBITOR)		
<i>citalopram hbr (10 mg tablet, 20 mg tablet, 40 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>citalopram hbr (10 mg/5 ml soln, 20 mg/10 ml cup)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (600 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIDEPRESSANTS		
<i>desvenlafaxine er (er 50 mg tab, er 50 mg tablet)</i>	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO
<i>desvenlafaxine er 100 mg tab</i>	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (120 per 30 days), PA NSO
<i>desvenlafaxine succinate er (er 25 mg, er 50 mg)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>desvenlafaxine succnt er 100mg</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
DRIZALMA SPRINKLE (DR 20 MG CAP, DR 30 MG CAP, DR 40 MG CAP, DR 60 MG CAP)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days), PA NSO
<i>duloxetine hcl (dr 20 mg cap, dr 30 mg cap, dr 60 mg cap)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>escitalopram oxalate (5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>escitalopram oxalate (oxalate 5 mg/5 ml, 10 mg/10 ml cup)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
FETZIMA (ER 20 MG CAPSULE, ER 40 MG CAPSULE, ER 80 MG CAPSULE, ER 120 MG CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIDEPRESSANTS		
FETZIMA 20-40 MG TITRATION PAK	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (28 per 28 days), PA NSO
<i>fluoxetine hcl (10 mg capsule, 10 mg tablet, 40 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>fluoxetine hcl (20 mg capsule, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>fluoxetine hcl (20 mg/5 ml soln cup, 20 mg/5 ml solution)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (600 per 30 days)
<i>fluvoxamine maleate (25 mg tab, 50 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>fluvoxamine maleate 100 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>nefazodone hcl (50 mg tablet, 100 mg tablet, 200 mg tablet, 250 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>nefazodone hcl 150 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>paroxetine hcl (10 mg tablet, 20 mg tablet, 40 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days), PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIDEPRESSANTS		
<i>paroxetine hcl 10 mg/5 ml susp</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
<i>paroxetine hcl 30 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days), PA NSO
<i>pmdd fluoxetine 10mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>pmdd fluoxetine 20mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
RALDESY 10 MG/ML SOLUTION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO
<i>sertraline 20 mg/ml oral conc</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (300 per 30 days)
<i>sertraline hcl (25 mg tablet, 50 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>sertraline hcl 100 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>trazodone hcl (50 mg tablet, 100 mg tablet, 150 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIDEPRESSANTS		
TRINTELLIX (5 MG TABLET, 10 MG TABLET, 20 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO
<i>venlafaxine bes er 112.5 mg tb</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days), PA NSO
<i>venlafaxine hcl (25 mg tablet, 37.5 mg tablet, 50 mg tablet, 75 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>venlafaxine hcl er (er 37.5 mg cap, er 75 mg cap, er 150 mg cap)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>venlafaxine hcl er (er 37.5 mg tab, er 75 mg tab, er 225 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	ST, QL (30 per 30 days)
<i>venlafaxine hcl er 150 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	ST, QL (60 per 30 days)
<i>vilazodone hcl (10 mg tablet, 20 mg tablet, 40 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days), PA NSO
TRICYCLICS		
<i>amitriptyline hcl (10 mg tab, 25 mg tab, 50 mg tab, 75 mg tab, 100 mg tab, 150 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIDEPRESSANTS		
<i>amoxapine (25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet, 150 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>clomipramine hcl (25 mg capsule, 50 mg capsule, 75 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
<i>desipramine hcl (10 mg tablet, 25 mg tablet, 50 mg tablet, 75 mg tablet, 100 mg tablet, 150 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
<i>doxepin hcl (10 mg capsule, 10 mg/ml oral conc, 25 mg capsule, 50 mg capsule, 75 mg capsule, 100 mg capsule, 150 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
<i>imipramine hcl (10 mg tablet, 25 mg tablet, 50 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
<i>nortriptyline hcl (10 mg/5 ml soln, hcl 10 mg cap, 20 mg/10 ml soln, hcl 25 mg cap, hcl 50 mg cap, hcl 75 mg cap)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIDEPRESSANTS		
<i>protriptyline hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>trimipramine maleate (25 mg cap, 50 mg cap)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>trimipramine maleate 100 mg cp</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIEMETICS		
ANTIEMETICS, OTHER		
GIMOTI 15 MG NASAL SPRAY	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (9.8 per 28 days)
<i>meclizine hcl (12.5 mg tablet, 25 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>metoclopramide hcl (5 mg tablet, 5 mg/5 ml soln, 10 mg tablet, 10 mg/10 ml cup, 10 mg/10 ml sol)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIEMETICS		
<i>prochlorperazine 25 mg supp</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>prochlorperazine maleate (5 mg tablet, 10 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
<i>promethazine hcl (12.5 mg suppos, 25 mg suppository)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>promethazine hcl (6.25 mg/5 ml cup, 6.25 mg/5 ml soln, 6.25 mg/5 ml syrps, 12.5 mg tablet, 12.5 mg/10 ml cup, 25 mg tablet, 50 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
PROMETHEGAN (25 MG, 50 MG)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>scopolamine 1 mg/3 day patch</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (10 per 30 days)
<i>trimethobenzamide 300 mg cap</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
EMETOGENIC THERAPY ADJUNCTS		
<i>aprepitant (80 mg capsule, 125 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (12 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIEMETICS		
<i>aprepitant 125-80-80 mg pack</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>aprepitant 40 mg capsule</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (10 per 30 days)
<i>dronabinol (2.5 mg capsule, 5 mg capsule, 10 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>granisetron hcl 1 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>ondansetron hcl (4 mg tablet, 8 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>ondansetron hcl (4 mg/5 ml soln cup, 4 mg/5 ml solution)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>ondansetron odt (odt 4 mg tablet, odt 8 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIFUNGALS		
ANTIFUNGALS		
<i>amphotericin b 50 mg vial</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIFUNGALS		
<i>amphotericin b liposome 50 mg</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>casposungin acetate (50 mg vial, 70 mg vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>clotrimazole (1% solution, 1% solution spray, 1% topical cream, 10 mg lozenge, 10 mg troche)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ERAXIS (50 MG VIAL, 100 MG VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
<i>fluconazole (10 mg/ml susp, 40 mg/ml susp, 50 mg tablet, 100 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>fluconazole 150 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (4 per 30 days)
<i>fluconazole-nacl (200 mg/100 ml, 400 mg/200 ml)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>fluconazole-ns 200 mg/100 ml</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>flucytosine (250 mg capsule, 500 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIFUNGALS		
<i>griseofulvin (125 mg/5 ml susp, micro 500 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>griseofulvin ultramicrosize (125 mg tab, 250 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>itraconazole (10 mg/ml solution, 100 mg capsule, 100 mg/10 ml cup)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>ketoconazole (2% cream, 2% shampoo, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
KLAYESTA 100,000 UNIT/GM POWD	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>micafungin (50 mg vial, 100 mg vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>miconazole 3 200 mg vag supp</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
NYAMYC 100,000 UNIT/GM POWDER	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>nystatin (100,000 unit/gm cream, 100,000 unit/gm oint, 100,000 unit/gm powd, 100,000 unit/ml susp, 500,000 unit oral tab, 500,000 unit/5 ml cup, 500,000 unit/5 ml sus)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIFUNGALS		
NYSTOP 100,000 UNIT/GM POWDER	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>posaconazole (dr 100 mg tablet, 200 mg/5 ml susp)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>terbinafine hcl 250 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>terconazole (0.4% cream, 0.8% cream, 80 mg suppository)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>voriconazole (40 mg/ml susp, 50 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>voriconazole 200 mg vial</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIGOUT AGENTS		
ANTIGOUT AGENTS		
<i>allopurinol (100 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIGOUT AGENTS		
<i>colchicine (0.6 mg capsule, 0.6 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
GLOPERBA 0.6 MG/5 ML SOLUTION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (300 per 30 days)
<i>probenecid 500 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>probenecid-colchicine tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIMIGRAINE AGENTS		
ANTIMIGRAINE AGENTS		
ELYXYB 120 MG/4.8 ML SOLUTION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (28.8 per 6 days)
CALCITONIN GENE-RELATED PEPTIDE (CGRP) RECEPTOR ANTAGONISTS		
AIMOVIG AUTOINJECTOR (70 MG/ML, 140 MG/ML)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (1 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIMIGRAINE AGENTS		
AJOVY 225 MG/1.5 ML AUTOINJECT	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (1.5 per 28 days)
AJOVY 225 MG/1.5 ML SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (1.5 per 28 days)
AJOVY 225MG/1.5ML AUTOINJ (X3)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (1.5 per 28 days)
EMGALITY 120 MG/ML PEN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (2 per 28 days)
EMGALITY 120 MG/ML SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (2 per 28 days)
EMGALITY 300 MG (100 MG X 3 SYRINGE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (3 per 28 days)
NURTEC ODT 75 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (18 per 30 days)
UBRELVY (50 MG TABLET, 100 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (16 per 30 days)
ZAVZPRET 10 MG NASAL SPRAY	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (8 per 30 days)
ERGOT ALKALOIDS		
<i>dihydroergotamine 4 mg/ml spry</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIMIGRAINE AGENTS		
MIGERGOT (, 2-100 MG)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (24 per 30 days)
SEROTONIN (5-HT) RECEPTOR AGONISTS		
<i>naratriptan 1 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (12 per 30 days)
<i>naratriptan 2.5 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (12 per 30 days)
<i>rizatriptan (5 mg odt, 5 mg tablet, 10 mg odt, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (18 per 28 days)
<i>sumatriptan (5 mg nasal spray, 20 mg nasal spray)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (12 per 30 days)
<i>sumatriptan succinate (25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (9 per 30 days)
<i>sumatriptan succinate (4 mg/0.5 ml cart, 4 mg/0.5 ml inject, 6 mg/0.5 ml vial, 6 mg/0.5ml autoinj)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (4 per 28 days)
<i>zolmitriptan (2.5 mg tablet, 5 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (6 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIMIGRAINE AGENTS		
<i>zolmitriptan odt (2.5 mg odt, 5 mg odt)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (6 per 30 days)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIMYASTHENIC AGENTS		
PARASYMPATHOMIMETICS		
<i>pyridostigmine bromide (br 30 mg tablet, 60 mg/5 ml cup, 60 mg/5 ml soln, br 60 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>pyridostigmine er 180 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
VYVGART HYTRULO 1,000MG-10,000	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (20 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIMYCOBACTERIALS		
ANTIMYCOBACTERIALS, OTHER		
<i>dapsone (25 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>rifabutin 150 mg capsule</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ANTITUBERCULARS		
<i>ethambutol hcl (100 mg tablet, 400 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>isoniazid (50 mg/5 ml solution, 100 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
PRIFTIN 150 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>pyrazinamide 500 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>rifampin (150 mg capsule, 300 mg capsule, iv 600 mg vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
SIRTURO (20 MG TABLET, 100 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTINEOPLASTICS		
ALKYLATING AGENTS		
<i>cyclophosphamide (25 mg capsule, 25 mg tablet, 50 mg capsule, 50 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
GLEOSTINE (10 MG CAPSULE, 40 MG CAPSULE, 100 MG CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO
LEUKERAN 2 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
MATULANE 50 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
ANTIANDROGENS		
<i>abiraterone acetate 250 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days), PA NSO
<i>abiraterone acetate 500 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days), PA NSO
ABIRTEGA 250 MG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days), PA NSO
<i>bicalutamide 50 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTINEOPLASTICS		
ERLEADA 240 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO
ERLEADA 60 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (120 per 30 days), PA NSO
EULEXIN 125 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (180 per 30 days), PA NSO
<i>nilutamide 150 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
NUBEQA 300 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (120 per 30 days), PA NSO
XTANDI (40 MG CAPSULE, 40 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (120 per 30 days), PA NSO
XTANDI 80 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (90 per 30 days), PA NSO
YONSA 125 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (120 per 30 days), PA NSO
ANTIANGIOGENIC AGENTS		
<i>lenalidomide (2.5 mg capsule, 5 mg capsule, 10 mg capsule, 15 mg capsule, 20 mg capsule, 25 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	LA, PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTINEOPLASTICS		
POMALYST (1 MG CAPSULE, 2 MG CAPSULE, 3 MG CAPSULE, 4 MG CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO
THALOMID (50 MG CAPSULE, 100 MG CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO
ANTIESTROGENS/MODIFIERS		
ORSERDU 345 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO
ORSERDU 86 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (90 per 30 days), PA NSO
SOLTAMOX (10 MG/5 ML SOLN, 20 MG/10 ML SOLN)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>tamoxifen citrate (10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>toremifene citrate 60 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
ANTIMETABOLITES		
<i>mercaptopurine (20 mg/ml suspen, 50 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTINEOPLASTICS		
ONUREG (200 MG TABLET, 300 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO
TABLOID 40 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
ANTINEOPLASTICS		
AVMAPKI-FAKZYNJA CO-PACK	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (66 per 28 days), PA NSO
ANTINEOPLASTICS, OTHER		
AUGTYRO 160 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days), PA NSO
AUGTYRO 40 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (240 per 30 days), PA NSO
<i>hydroxyurea 500 mg capsule</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
INQOVI 35 MG-100 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (5 per 28 days), PA NSO
IWILFIN 192 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (240 per 30 days), PA NSO
KISQALI FEMARA 400 MG CO-PACK	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (70 per 28 days), PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTINEOPLASTICS		
KISQALI FEMARA 600 MG CO-PACK	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (91 per 28 days), PA NSO
LONSURF (15 MG-6.14 MG TABLET, 20 MG-8.19 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO
LYSODREN 500 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
OGSIVEO (100 MG TABLET, 150 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days), PA NSO
OGSIVEO 50 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (180 per 30 days), PA NSO
ORGOVYX 120 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (32 per 30 days), PA NSO
REVUFORJ 110 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (120 per 30 days), PA NSO
REVUFORJ 160 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days), PA NSO
REVUFORJ 25 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (240 per 30 days), PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTINEOPLASTICS		
TABRECTA (150 MG TABLET, 200 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (120 per 30 days), PA NSO
TEPMETKO 225 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days), PA NSO
ZOLINZA 100 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
AROMATASE INHIBITORS, 3RD GENERATION		
<i>anastrozole 1 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>exemestane 25 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>letrozole 2.5 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
MOLECULAR TARGET INHIBITORS		
AKEEGA (50-500 MG TABLET, 100-500 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days), PA NSO
ALECENSA 150 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (240 per 30 days), PA NSO
ALUNBRIG (90 MG TABLET, 90 MG-180 MG TAB PACK, 180 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTINEOPLASTICS		
ALUNBRIG 30 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (180 per 30 days), PA NSO
AYVAKIT (25 MG TABLET, 50 MG TABLET, 100 MG TABLET, 200 MG TABLET, 300 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO
BALVERSA 3 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (90 per 30 days), PA NSO
BALVERSA 4 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days), PA NSO
BALVERSA 5 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO
BOSULIF (100 MG CAPSULE, 100 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (180 per 30 days), PA NSO
BOSULIF (50 MG CAPSULE, 400 MG TABLET, 500 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO
BRAFTOVI 75 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (180 per 30 days), PA NSO
BRUKINSA 80 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTINEOPLASTICS		
CABOMETYX (20 MG TABLET, 40 MG TABLET, 60 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO
CALQUENCE 100 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days), PA NSO
CAPRELSA 100 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
CAPRELSA 300 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
COMETRIQ (60 MG PACK, 100 MG PK, 140 MG PK)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO
COPIKTRA (15 MG CAPSULE, 25 MG CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days), PA NSO
COTELLIC 20 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (63 per 21 days), PA NSO
DANZITEN (71 MG TABLET, 95 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (120 per 30 days), PA NSO
<i>dasatinib (20 mg tablet, 50 mg tablet, 80 mg tablet, 100 mg tablet, 140 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days), PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTINEOPLASTICS		
<i>dasatinib 70 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days), PA NSO
DAURISMO 100 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO
DAURISMO 25 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days), PA NSO
ERIVEDGE 150 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>erlotinib hcl (25 mg tablet, 100 mg tablet, 150 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days), PA NSO
<i>everolimus (2 mg tab for susp, 2.5 mg tablet, 3 mg tab for susp, 5 mg tab for susp, 5 mg tablet, 7.5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
FOTIVDA (0.89 MG CAPSULE, 1.34 MG CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (21 per 21 days), PA NSO
FRUZAQLA 1 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (84 per 28 days), PA NSO
FRUZAQLA 5 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (21 per 28 days), PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTINEOPLASTICS		
GAVRETO 100 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (120 per 30 days), PA NSO
<i>gefitinib 250 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days), PA NSO
GILOTRIF (20 MG TABLET, 30 MG TABLET, 40 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO
GOMEKLI 1 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (126 per 28 days), PA NSO
GOMEKLI 1 MG TABLET FOR SUSP	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (168 per 28 days), PA NSO
GOMEKLI 2 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (84 per 28 days), PA NSO
HERNEXEOS 60 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (90 per 30 days), PA NSO
IBRANCE (75 MG CAPSULE, 75 MG TABLET, 100 MG CAPSULE, 100 MG TABLET, 125 MG CAPSULE, 125 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (21 per 28 days), PA NSO
IBTROZI 200 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (90 per 30 days), PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTINEOPLASTICS		
ICLUSIG (10 MG TABLET, 15 MG TABLET, 30 MG TABLET, 45 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO
IDHIFA (50 MG TABLET, 100 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO
<i>imatinib mesylate (100 mg tab, 400 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
IMBRUVICA (70 MG CAPSULE, 140 MG TABLET, 280 MG TABLET, 420 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO
IMBRUVICA 140 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (120 per 30 days), PA NSO
IMBRUVICA 70 MG/ML SUSPENSION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (216 per 30 days), PA NSO
IMKELDI 80 MG/ML SOLUTION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (300 per 30 days), PA NSO
INLYTA 1 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO
INLYTA 5 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (120 per 30 days), PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTINEOPLASTICS		
INREBIC 100 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (120 per 30 days), PA NSO
ITOVEBI 3 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days), PA NSO
ITOVEBI 9 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO
JAKAFI (5 MG TABLET, 10 MG TABLET, 15 MG TABLET, 20 MG TABLET, 25 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days), PA NSO
JAYPIRCA 100 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days), PA NSO
JAYPIRCA 50 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO
KISQALI 200 MG DAILY DOSE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (21 per 28 days), PA NSO
KISQALI 400 MG DAILY DOSE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (42 per 28 days), PA NSO
KISQALI 600 MG DAILY DOSE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (63 per 28 days), PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTINEOPLASTICS		
KOSELUGO 10 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (240 per 30 days), PA NSO
KOSELUGO 25 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (120 per 30 days), PA NSO
KRAZATI 200 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (180 per 30 days), PA NSO
<i>lapatinib 250 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
LAZCLUZE (80 MG TABLET, 240 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO
LENVIMA (12 MG DAILY, 18 MG DAILY, 24 MG DAILY)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (90 per 30 days), PA NSO
LENVIMA (4 MG CAPSULE, 8 MG DAILY DOSE, 10 MG DAILY DOSE, 20 MG DAILY DOSE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days), PA NSO
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO
LORBRENA 100 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTINEOPLASTICS		
LORBRENA 25 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (90 per 30 days), PA NSO
LUMAKRAS 120 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (240 per 30 days), PA NSO
LUMAKRAS 240 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days), PA NSO
LUMAKRAS 320 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (90 per 30 days), PA NSO
LYNPARZA (100 MG TABLET, 150 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (120 per 30 days), PA NSO
LYTGOBI 12 MG DOSE (3X 4MG TB)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (84 per 28 days), PA NSO
LYTGOBI 16 MG DOSE (4X 4MG TB)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (112 per 28 days), PA NSO
LYTGOBI 20 MG DOSE (5X 4MG TB)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (140 per 28 days), PA NSO
MEKINIST (0.05 MG/ML SOLUTION, 0.5 MG TABLET, 2 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTINEOPLASTICS		
MEKTOVI 15 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (180 per 30 days), PA NSO
MODEYSO 125 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (20 per 28 days), PA NSO
NERLYNX 40 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (180 per 30 days), PA NSO
NINLARO (2.3 MG CAPSULE, 3 MG CAPSULE, 4 MG CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (3 per 28 days), PA NSO
ODOMZO 200 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO
OJEMDA (100 MG TAB (500MG DOSE), 100 MG TAB (600MG DOSE))	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (24 per 28 days), PA NSO
OJEMDA 100 MG TAB (400MG DOSE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (16 per 28 days), PA NSO
OJEMDA 25 MG/ML ORAL SUSP	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (96 per 28 days), PA NSO
OJJAARA (100 MG TABLET, 150 MG TABLET, 200 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTINEOPLASTICS		
<i>pazopanib hcl 200 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days), PA NSO
PEMAZYRE (4.5 MG TABLET, 9 MG TABLET, 13.5 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (14 per 21 days), PA NSO
PIQRAY (250 MG DAILY PACK, 300 MG DAILY PACK)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (56 per 28 days), PA NSO
PIQRAY 200 MG DAILY DOSE PACK	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (28 per 28 days), PA NSO
QINLOCK 50 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (90 per 30 days), PA NSO
RETEVMO (80 MG TABLET, 120 MG TABLET, 160 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days), PA NSO
RETEVMO 40 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (90 per 30 days), PA NSO
REZLIDHIA 150 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days), PA NSO
ROMVIMZA (14 MG CAPSULE, 20 MG CAPSULE, 30 MG CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (8 per 28 days), PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTINEOPLASTICS		
ROZLYTREK 100 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (180 per 30 days), PA NSO
ROZLYTREK 200 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (90 per 30 days), PA NSO
ROZLYTREK 50 MG PELLET PACKET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (360 per 30 days), PA NSO
RUBRACA (200 MG TABLET, 250 MG TABLET, 300 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (120 per 30 days), PA NSO
RYDAPT 25 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (240 per 30 days), PA NSO
SCEMBLIX 100 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (120 per 30 days), PA NSO
SCEMBLIX 20 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days), PA NSO
SCEMBLIX 40 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (300 per 30 days), PA NSO
<i>sorafenib 200 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days), PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTINEOPLASTICS		
STIVARGA 40 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (84 per 28 days), PA NSO
<i>sunitinib malate (12.5 mg cap, 25 mg capsule, 37.5 mg cap, 50 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days), PA NSO
TAFINLAR (10 MG TABLET FOR SUSP, 50 MG CAPSULE, 75 MG CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO
TAGRISSO (40 MG TABLET, 80 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO
TALZENNA (0.1 MG CAPSULE, 0.1 MG SOFTGEL, 0.35 MG CAPSULE, 0.35 MG SOFTGEL, 0.5 MG CAPSULE, 0.5 MG SOFTGEL, 0.75 MG CAPSULE, 0.75 MG SOFTGEL, 1 MG CAPSULE, 1 MG SOFTGEL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO
TALZENNA (0.25 MG CAPSULE, 0.25 MG SOFTGEL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (90 per 30 days), PA NSO
TASIGNA (50 MG CAPSULE, 150 MG CAPSULE, 200 MG CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (120 per 30 days), PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTINEOPLASTICS		
TAZVERIK 200 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (240 per 30 days), PA NSO
TIBSOVO 250 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days), PA NSO
TORPENZ (2.5 MG TABLET, 5 MG TABLET, 7.5 MG TABLET, 10 MG TABLET)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
TRUQAP (160 MG TABLET, 200 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (64 per 28 days), PA NSO
TUKYSA 150 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (120 per 30 days), PA NSO
TUKYSA 50 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (300 per 30 days), PA NSO
TURALIO 125 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (120 per 30 days), PA NSO
VANFLYTA (17.7 MG TABLET, 26.5 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (28 per 14 days), PA NSO
VENCLEXTA 10 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days), PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTINEOPLASTICS		
VENCLEXTA 100 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (120 per 30 days), PA NSO
VENCLEXTA 50 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO
VENCLEXTA STARTING PACK	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (42 per 28 days), PA NSO
VERZENIO (50 MG TABLET, 100 MG TABLET, 150 MG TABLET, 200 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days), PA NSO
VIJOICE (50 MG GRANULE PACKET, 50 MG TABLET, 125 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (28 per 28 days), PA NSO
VIJOICE 250 MG DAILY DOSE PACK	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (56 per 28 days), PA NSO
VITRAKVI 100 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days), PA NSO
VITRAKVI 20 MG/ML SOLUTION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (300 per 30 days), PA NSO
VITRAKVI 25 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (180 per 30 days), PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTINEOPLASTICS		
VIZIMPRO (15 MG TABLET, 30 MG TABLET, 45 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO
VONJO 100 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (120 per 30 days), PA NSO
VORANIGO (10 MG TABLET, 40 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO
XALKORI (200 MG CAPSULE, 250 MG CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days), PA NSO
XALKORI 150 MG PELLETT	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (180 per 30 days), PA NSO
XALKORI 20 MG PELLETT	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (240 per 30 days), PA NSO
XALKORI 50 MG PELLETT	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (120 per 30 days), PA NSO
XOSPATA 40 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (90 per 30 days), PA NSO
XPOVIO (40 MG TWICE, 80 MG ONCE, 100 MG ONCE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (8 per 28 days), PA NSO
XPOVIO (40 MG, 60 MG)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (4 per 28 days), PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTINEOPLASTICS		
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY DOSE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (24 per 28 days), PA NSO
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY DOSE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (32 per 28 days), PA NSO
ZEJULA (100 MG TABLET, 200 MG TABLET, 300 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO
ZELBORAF 240 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (240 per 30 days), PA NSO
ZYDELIG (100 MG TABLET, 150 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days), PA NSO
ZYKADIA 150 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO
RETINOIDS		
<i>bexarotene (1% gel, 75 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
PANRETIN 0.1% GEL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>tretinoin 10 mg capsule</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTINEOPLASTICS		
TREATMENT ADJUNCTS		
HEMADY 20 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO
<i>leucovorin calcium (calcium 5 mg tab, calcium 10 mg tab, calcium 15 mg tab, calcium 25 mg tab, lederle 5 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>mesna 400 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIPARASITICS		
ANTHELMINTHICS		
<i>albendazole 200 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>ivermectin 3 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIPARASITICS		
<i>praziquantel 600 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ANTIPROTOZOALS		
<i>atovaquone (750 mg/5 ml susp, 750 mg/5ml susp cup, 1,500 mg/10 ml cup)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>atovaquone-proguanil hcl (62.5-25, 250-100)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>chloroquine phosphate (250 mg tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
COARTEM TABLETS	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (24 per 3 days)
<i>hydroxychloroquine 200 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
IMPAVIDO 50 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (84 per 28 days)
KRINTAFEL 150 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (4 per 30 days)
<i>mefloquine hcl 250 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIPARASITICS		
<i>nitazoxanide 500 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>pentamidine isethionate (300 mg inhal powdr, 300 mg inject vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>primaquine 26.3 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>pyrimethamine 25 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>quinine sulfate 324 mg capsule</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIPARKINSON AGENTS		
ANTICHOLINERGICS		
<i>benztropine mesylate (0.5 mg tab, 1 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>trihexyphenidyl hcl (2 mg tablet, 2 mg/5 ml soln, 5 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIPARKINSON AGENTS		
ANTIPARKINSON AGENTS, OTHER		
<i>amantadine (50 mg/5 ml solution, 100 mg capsule, 100 mg tablet, 100 mg/10 ml cup, 100 mg/10 ml soln)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone (50, 75, 100, 125, 150, 200)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>entacapone 200 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (240 per 30 days)
NOURIANZ (20 MG TABLET, 40 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
ONGENTYS (25 MG CAPSULE, 50 MG CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>tolcapone 100 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
DOPAMINE AGONISTS		
<i>bromocriptine mesylate (2.5 mg tablet, 5 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
NEUPRO (1 MG/24 HR PATCH, 2 MG/24 HR PATCH, 3 MG/24 HR PATCH, 4 MG/24 HR PATCH, 6 MG/24 HR PATCH, 8 MG/24 HR PATCH)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIPARKINSON AGENTS		
ONAPGO 98 MG/20 ML CARTRIDGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (600 per 30 days)
<i>pramipexole 0.75 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (180 per 30 days)
<i>pramipexole dihydrochloride (0.125 mg tablet, 0.25 mg tablet, 0.5 mg tablet, 1 mg tablet, 1.5 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>ropinirole hcl (0.25 mg tablet, 0.5 mg tablet, 1 mg tablet, 2 mg tablet, 3 mg tablet, 4 mg tablet, 5 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
DOPAMINE PRECURSORS AND/OR L-AMINO ACID DECARBOXYLASE INHIBITORS		
<i>carbidopa 25 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>carbidopa-levodopa (carbidopa-levodopa 10-100 mg odt, carbidopa-levodopa 25-100 mg odt, carbidopa-levodopa 25-250 mg odt, carbidopa-levodopa 10-100 tab, carbidopa-levodopa 25-100 tab, carbidopa-levodopa 25-250 tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIPARKINSON AGENTS		
<i>carbidopa-levodopa er (er 25-100 tab, er 50-200 tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
MONOAMINE OXIDASE B (MAO-B) INHIBITORS		
<i>rasagiline mesylate (0.5 mg tab, 1 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>selegiline hcl (5 mg capsule, 5 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIPSYCHOTICS		
1ST GENERATION/TYPICAL		
<i>chlorpromazine hcl (10 mg tablet, 25 mg tablet, 30 mg/ml conc, 50 mg tablet, 100 mg tablet, 100 mg/ml conc, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>fluphenazine dec 125 mg/5 ml</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIPSYCHOTICS		
<i>fluphenazine hcl (1 mg tablet, 2.5 mg tablet, 2.5 mg/5 ml elix, 2.5 mg/ml vial, 5 mg tablet, 5 mg/ml conc, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>haloperidol (0.5 mg tablet, 1 mg tablet, 2 mg tablet, 5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>haloperidol dec 100 mg/ml amp</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>haloperidol decanoate (50 mg/ml ampul, 50 mg/ml vial, 100 mg/ml amp, 100 mg/ml vial, 250 mg/5 ml vl, 500 mg/5 ml vl)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>haloperidol lactate (2 mg/ml conc, 5 mg/ml ampul, 5 mg/ml vial, 10 mg/5 ml cup, 50 mg/10 ml vl)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>loxapine (5 mg capsule, 10 mg capsule, 25 mg capsule, 50 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>molindone hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet, 25 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIPSYCHOTICS		
<i>perphenazine (2 mg tablet, 4 mg tablet, 8 mg tablet, 16 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>pimozide (1 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>thioridazine hcl (10 mg tablet, 25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>thiothixene (1 mg capsule, 2 mg capsule, 5 mg capsule, 10 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>trifluoperazine hcl (1 mg tablet, 2 mg tablet, 5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
2ND GENERATION/ATYPICAL		
ABILIFY ASIMTUFII 720 MG/2.4ML	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (2.4 per 42 days)
ABILIFY ASIMTUFII 960 MG/3.2ML	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (3.2 per 42 days)
ABILIFY MAINTENA (ER 300 MG SYR, ER 300 MG VL, ER 400 MG SYR, ER 400 MG VL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (1 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIPSYCHOTICS		
<i>aripiprazole (2 mg tablet, 5 mg tablet, 10 mg tablet, 15 mg tablet, 20 mg tablet, 30 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>aripiprazole 1 mg/ml solution</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (900 per 30 days)
<i>aripiprazole odt (odt 10 mg tablet, odt 15 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
ARISTADA ER 1064 MG/3.9 ML SYR	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (3.9 per 14 days)
ARISTADA ER 441 MG/1.6 ML SYRN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (1.6 per 14 days)
ARISTADA ER 662 MG/2.4 ML SYRN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (2.4 per 14 days)
ARISTADA ER 882 MG/3.2 ML SYRN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (3.2 per 14 days)
ARISTADA INITIO ER 675 MG/2.4	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (4.8 per 365 days)
<i>asenapine maleate (2.5 mg tablet, 5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days), PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIPSYCHOTICS		
CAPLYTA (10.5 MG CAPSULE, 21 MG CAPSULE, 42 MG CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO
ERZOFRI 117 MG/0.75 ML SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (0.75 per 28 days)
ERZOFRI 156 MG/ML SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (1 per 28 days)
ERZOFRI 234 MG/1.5 ML SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (1.5 per 28 days)
ERZOFRI 351 MG/2.25 ML SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (2.25 per 28 days)
ERZOFRI 39 MG/0.25 ML SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (0.25 per 28 days)
ERZOFRI 78 MG/0.5 ML SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (0.5 per 28 days)
FANAPT (1 MG TABLET, 2 MG TABLET, 4 MG TABLET, 6 MG TABLET, 8 MG TABLET, 10 MG TABLET, 12 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days), PA NSO
FANAPT (PACK, PACK A)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIPSYCHOTICS		
INVEGA HAFYERA 1,092 MG/3.5 ML	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (3.5 per 166 days)
INVEGA HAFYERA 1,560 MG/5 ML	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (5 per 166 days)
INVEGA SUSTENNA 117 MG/0.75 ML	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (0.75 per 21 days)
INVEGA SUSTENNA 156 MG/ML SYRG	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (1 per 21 days)
INVEGA SUSTENNA 234 MG/1.5 ML	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (1.5 per 21 days)
INVEGA SUSTENNA 39 MG/0.25 ML	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (0.25 per 21 days)
INVEGA SUSTENNA 78 MG/0.5 ML	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (0.5 per 21 days)
INVEGA TRINZA 273 MG/0.88 ML	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (0.88 per 70 days)
INVEGA TRINZA 410 MG/1.32 ML	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (1.32 per 70 days)
INVEGA TRINZA 546 MG/1.75 ML	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (1.75 per 70 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIPSYCHOTICS		
INVEGA TRINZA 819 MG/2.63 ML	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (2.63 per 70 days)
<i>lurasidone hcl (20 mg tablet, 40 mg tablet, 60 mg tablet, 120 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>lurasidone hcl 80 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
LYBALVI (5-10 MG TABLET, 10-10 MG TABLET, 15-10 MG TABLET, 20-10 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO
NUPLAZID (10 MG TABLET, 34 MG CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO
<i>olanzapine (2.5 mg tablet, 5 mg tablet, 7.5 mg tablet, 10 mg tablet, 10 mg vial, 15 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>olanzapine odt (odt 5 mg tablet, odt 10 mg tablet, odt 15 mg tablet, odt 20 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
OPIPZA (2 MG FILM, 5 MG FILM)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIPSYCHOTICS		
OPIPZA 10 MG FILM	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (90 per 30 days), PA NSO
<i>paliperidone er (er 1.5 mg tablet, er 3 mg tablet, er 9 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>paliperidone er 6 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
PERSERIS ER 120 MG SYRINGE KIT	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (1 per 30 days), PA NSO
PERSERIS ER 90 MG SYRINGE KIT	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (1 per 30 days), PA NSO
<i>quetiapine fumarate (fumarate 25 mg tab, fumarate 50 mg tab, fumarate 100 mg tab, 150 mg tablet, fumarate 200 mg tab, fumarate 300 mg tab, fumarate 400 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>quetiapine fumarate er (er 150 mg tablet, er 200 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>quetiapine fumarate er (er 50 mg tablet, er 300 mg tablet, er 400 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIPSYCHOTICS		
REXULTI (0.25 MG TABLET, 0.5 MG TABLET, 1 MG TABLET, 2 MG TABLET, 3 MG TABLET, 4 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO
<i>risperidone (0.25 mg tablet, 0.5 mg tablet, 1 mg tablet, 2 mg tablet, 3 mg tablet, 4 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>risperidone 1 mg/ml solution</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (240 per 30 days)
<i>risperidone er (er 12.5 mg vial, er 25 mg vial, er 37.5 mg vial, er 50 mg vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (2 per 28 days)
<i>risperidone odt (0.25 mg odt, 0.5 mg odt, 1 mg odt, 2 mg odt, 3 mg odt, 4 mg odt)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
SECUADO (3.8 MG/24 HR PATCH, 5.7 MG/24 HR PATCH, 7.6 MG/24 HR PATCH)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PA NSO
UZEDY (ER 150 MG/0.42 ML SYRING, ER 200 MG/0.56 ML SYRING, ER 250 MG/0.7 ML SYRINGE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (1 per 56 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIPSYCHOTICS		
UZEDY (ER 50 MG/0.14 ML SYRINGE, ER 75 MG/0.21 ML SYRINGE, ER 100 MG/0.28 ML SYRING, ER 125 MG/0.35 ML SYRING)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (1 per 28 days)
VRAYLAR (1.5 MG CAPSULE, 3 MG CAPSULE, 4.5 MG CAPSULE, 6 MG CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days), PANSO
<i>ziprasidone 20 mg/ml vial</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>ziprasidone hcl (20 mg capsule, 40 mg capsule, 60 mg capsule, 80 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
ANTIPSYCHOTICS		
COBENFY (50 MG-20 MG CAPSULE, 100 MG-20 MG CAPSULE, 125 MG-30 MG CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
COBENFY STARTER PACK	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (52 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIPSYCHOTICS		
TREATMENT-RESISTANT		
<i>clozapine (25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>clozapine odt (odt 12.5 mg tablet, odt 25 mg tablet, odt 100 mg tablet, odt 150 mg tablet, odt 200 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
VERSACLOZ 50 MG/ML SUSPENSION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTISPASTICITY AGENTS		
ANTISPASTICITY AGENTS		
<i>baclofen (5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>dantrolene sodium (25 mg cap, 50 mg cap, 100 mg cap)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTISPASTICITY AGENTS		
<i>tizanidine hcl (2 mg tablet, 4 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIVIRALS		
ANTI-CYTOMEGALOVIRUS (CMV) AGENTS		
LIVTENCITY 200 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (336 per 28 days)
PREVYMIS (240 MG TABLET, 480 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>valganciclovir 450 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (102 per 30 days), PA NSO
<i>valganciclovir hcl 50 mg/ml</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ANTI-HEPATITIS B (HBV) AGENTS		
<i>adefovir dipivoxil 10 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIVIRALS		
BARACLUDE 0.05 MG/ML SOLUTION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
<i>entecavir (0.5 mg tablet, 1 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>lamivudine 100 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
<i>tenofovir disop fum 300 mg tb</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
VEMLIDY 25 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
VIREAD (150 MG TABLET, 200 MG TABLET, 250 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
VIREAD POWDER	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (240 per 30 days)
ANTI-HEPATITIS C (HCV) AGENTS		
EPCLUSA (150-37.5 MG PELLET PKT, 200-50 MG PELLET PACK, 400 MG-100 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (28 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIVIRALS		
EPCLUSA 200 MG-50 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (56 per 28 days)
<i>ledipasvir-sofosbuvir 90-400mg</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (28 per 28 days)
MAVYRET 100-40 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (84 per 28 days)
MAVYRET 50-20 MG PELLET PACKET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (140 per 28 days)
<i>ribavirin (200 mg capsule, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>sofosbuvir-velpatasvir 400-100</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (28 per 28 days)
SOVALDI (150 MG PELLET PACKET, 200 MG PELLET PACKET, 200 MG TABLET, 400 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (28 per 28 days)
VOSEVI 400-100-100 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (28 per 28 days)
ZEPATIER 50-100 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIVIRALS		
ANTI-HIV AGENTS, INTEGRASE INHIBITORS (INSTI)		
BIKTARVY (30-120-15 MG TABLET, 50-200-25 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
DOVATO 50-300 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
GENVOYA TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
ISENTRESS (25 MG TABLET CHEW, 100 MG POWDER PACKET, 100 MG TABLET CHEW)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
ISENTRESS 400 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
ISENTRESS HD 600 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
JULUCA 50-25 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
STRIBILD TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIVIRALS		
TIVICAY 50 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
TIVICAY PD 5 MG TAB FOR SUSP	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (180 per 30 days)
ANTI-HIV AGENTS, NON-NUCLEOSIDE REVERSE TRANSCRIPTASE INHIBITORS (NNRTI)		
DELSTRIGO 100-300-300 MG TAB	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
EDURANT 25 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
EDURANT PED 2.5MG TAB FOR SUSP	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>efavir-emtri-tenof 600-200-300</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>efavirenz 600 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>efavirenz-lamivu-tenofof disop (400-300-300, 600-300-300)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>emtricit-rilp-tenof 200-25-300</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIVIRALS		
<i>etravirine (100 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
INTELENCE 25 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
<i>nevirapine (50 mg/5 ml susp, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>nevirapine er 400 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
PIFELTRO 100 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
ANTI-HIV AGENTS, NUCLEOSIDE AND NUCLEOTIDE REVERSE TRANSCRIPTASE INHIBITORS (NRTI)		
<i>abacavir 20 mg/ml solution</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (900 per 30 days)
<i>abacavir 300 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>abacavir-lamivudine 600-300 mg</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
CIMDUO 300-300 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIVIRALS		
DESCOVY (120-15 MG TABLET, 200-25 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>emtricitabine 200 mg capsule</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>emtricitabine-tenofovir disop (100-150mg, 133-200mg, 167-250mg)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>emtricitabine-tenofv 200-300mg</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
EMTRIVA 10 MG/ML SOLUTION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>lamivudine (10 mg/ml oral soln, 150 mg tablet, 300 mg tablet, 300 mg/30ml sol cup)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>lamivudine-zidovudine tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ODEFSEY TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
TRIUMEQ 600-50-300 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIVIRALS		
TRIUMEQ PD 60-5-30 MG TAB SUSP	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (180 per 30 days)
<i>zidovudine (50 mg/5 ml syrup, 100 mg capsule, 300 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ANTI-HIV AGENTS, OTHER		
<i>maraviroc 150 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>maraviroc 300 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
RUKOBIA ER 600 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
SELZENTRY 20 MG/ML ORAL SOLN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (1840 per 30 days)
SUNLENCA 300 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
SUNLENCA 4- 300 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (4 per 2 days)
SUNLENCA 5- 300 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (5 per 8 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIVIRALS		
TYBOST 150 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
ANTI-HIV AGENTS, PROTEASE INHIBITORS (PI)		
APTIVUS 250 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>atazanavir sulfate (150 mg cap, 200 mg cap, 300 mg cap)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>darunavir (600 mg tablet, 800 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
EVOTAZ 300 MG-150 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>fosamprenavir 700 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
KALETRA 80 MG-20 MG/ML SOLN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>lopinavir-ritonavir (100-25mg tb, 200-50mg tb)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
NORVIR 100 MG POWDER PACKET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIVIRALS		
PREZCOBIX 800 MG-150 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
PREZISTA (75 MG TABLET, 100 MG/ML SUSPENSION, 150 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
REYATAZ 50 MG POWDER PACKET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>ritonavir 100 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
SYMTUZA 800-150-200-10 MG TAB	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
VIRACEPT (250 MG TABLET, 625 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
ANTI-INFLUENZA AGENTS		
<i>oseltamivir 6 mg/ml suspension</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (1050 per 180 days)
<i>oseltamivir phos 30 mg capsule</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (84 per 180 days)
<i>oseltamivir phosphate (45 mg capsule, 75 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (42 per 180 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIVIRALS		
RELENZA 5 MG DISKHALER	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 180 days)
<i>rimantadine hcl 100 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
XOFLUZA (40 MG TAB (80 MG DOSE), 40 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (2 per 30 days)
XOFLUZA 80 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (1 per 30 days)
ANTIHERPETIC AGENTS		
<i>acyclovir (200 mg capsule, 200 mg/5 ml susp, 400 mg tablet, 800 mg tablet, 800 mg/20ml susp cup)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>acyclovir sodium (500 mg/10 ml vial, 1,000 mg/20 ml vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>famciclovir (250 mg tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>famciclovir 125 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANTIVIRALS		
<i>penciclovir 1% cream</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (5 per 30 days)
<i>valacyclovir (1 gram tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ANTIVIRAL, CORONAVIRUS AGENTS		
PAXLOVID 150-100 MG (MODERATE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (20 per 5 days)
PAXLOVID 300-100 MG DOSE PACK	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 5 days)
PAXLOVID 300/150-100MG(SEVERE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (11 per 5 days)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANXIOLYTICS		
ANXIOLYTICS, OTHER		
<i>buspirone hcl (5 mg tablet, 7.5 mg tablet, 10 mg tablet, 15 mg tablet, 30 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANXIOLYTICS		
<i>hydroxyzine 2 mg/ml oral solution</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>hydroxyzine hcl (10 mg/5 ml soln, hcl 10 mg tablet, hcl 25 mg tablet, hcl 50 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>hydroxyzine pamoate (25 mg cap, 50 mg cap, 100 mg cap)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>meprobamate (200 mg tablet, 400 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
BENZODIAZEPINES		
<i>alprazolam (0.25 mg tablet, 0.5 mg tablet, 1 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>alprazolam 2 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (150 per 30 days)
<i>chlordiazepoxide hcl (5 mg capsule, 10 mg capsule, 25 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>diazepam (2 mg tablet, 5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANXIOLYTICS		
<i>diazepam (5 mg/5 ml oral cup, 5 mg/5 ml solution, 5 mg/ml oral conc, 25 mg/5 ml oral conc)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>lorazepam (0.5 mg tablet, 1 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>lorazepam 2 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (150 per 30 days)
LORAZEPAM INTENSOL 2 MG/ML	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>oxazepam (10 mg capsule, 15 mg capsule, 30 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (120 per 30 days)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BIPOLAR AGENTS		
MOOD STABILIZERS		
<i>lithium carbonate (150 mg cap, 300 mg cap, 300 mg tab, 600 mg cap)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BIPOLAR AGENTS		
<i>lithium carbonate er (er 300 mg tb, er 450 mg tb)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>lithium citrate (8 meq/5 ml soln cup, 8 meq/5 ml solution)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (1000 per 30 days)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BLOOD GLUCOSE REGULATORS		
ANTIDIABETIC AGENTS		
<i>acarbose (25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>alogliptin (6.25 mg tablet, 12.5 mg tablet, 25 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>alogliptin-metformin (12.5-1000, 12.5-500)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>colesevelam hcl 3.75 g packet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
FARXIGA (5 MG TABLET, 10 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BLOOD GLUCOSE REGULATORS		
<i>glimepiride (1 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>glimepiride 4 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>glipizide 10 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>glipizide 5 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>glipizide er (er 2.5 mg tablet, er 5 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>glipizide er 10 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>glipizide xl (2.5 mg tablet, 5 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>glipizide xl 10 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>glipizide-metformin (2.5-500 mg, 5-500 mg)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>glipizide-metformin 2.5-250 mg</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BLOOD GLUCOSE REGULATORS		
<i>glyburid-metformin 1.25-250 mg</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (90 per 30 days)
<i>glyburide (1.25 mg tablet, 2.5 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (120 per 30 days)
<i>glyburide 5 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (240 per 30 days)
<i>glyburide-metformin hcl (2.5-500 mg, 5-500 mg)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (120 per 30 days)
INVOKAMET (50-1,000 MG TABLET, 50-500 MG TABLET, 150-1,000 MG TABLET, 150-500 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
INVOKAMET XR (50-1,000 MG TAB, 50-500 MG TABLET, 150-1,000 MG TAB, 150-500 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
INVOKANA (100 MG TABLET, 300 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
JANUMET (50-1,000 MG TABLET, 50-500 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BLOOD GLUCOSE REGULATORS		
JANUMET XR (50-500 MG TABLET, 100-1,000 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
JANUMET XR 50-1,000 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
JANUVIA (25 MG TABLET, 50 MG TABLET, 100 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
JARDIANCE (10 MG TABLET, 25 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>metformin hcl (750 mg tablet, 850 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>metformin hcl 1,000 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>metformin hcl 500 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>metformin hcl er 500 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>metformin hcl er 750 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BLOOD GLUCOSE REGULATORS		
MOUNJARO (2.5 MG/0.5 ML PEN, 5 MG/0.5 ML PEN, 7.5 MG/0.5 ML PEN, 10 MG/0.5 ML PEN, 12.5 MG/0.5 ML PEN, 15 MG/0.5 ML PEN)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (2 per 28 days)
<i>nateglinide (60 mg tablet, 120 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
OZEMPIC (0.25-0.5 PEN, 1 (4 MG/3 ML), 2 (8 MG/3 ML))	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (3 per 28 days)
<i>pioglitazone hcl (15 mg tablet, 30 mg tablet, 45 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>repaglinide (1 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (240 per 30 days)
<i>repaglinide 0.5 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
RYBELSUS (3 MG TABLET, 7 MG TABLET, 14 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
SYMLINPEN 120 PEN INJECTOR	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
SYMLINPEN 60 PEN INJECTOR	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BLOOD GLUCOSE REGULATORS		
SYNJARDY (5-1,000 MG TABLET, 5-500 MG TABLET, 12.5-1,000 MG TABLET, 12.5-500 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
SYNJARDY XR (5-1,000 MG TABLET, 10-1,000 MG TABLET, 12.5-1,000 MG TAB)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
SYNJARDY XR 25-1,000 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
TRULICITY (0.75 MG/0.5 ML PEN, 1.5 MG/0.5 ML PEN, 3 MG/0.5 ML PEN, 4.5 MG/0.5 ML PEN)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (2 per 28 days)
XIGDUO XR (2.5 MG-1,000 MG TAB, 5 MG-1,000 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
XIGDUO XR (5 MG-500 MG TABLET, 10 MG-1,000 MG TAB, 10 MG-500 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
GLYCEMIC AGENTS		
BAQSIMI (3 MG SPRAY, 3 MG SPRAY ONE PACK, 3 MG SPRAY TWO PACK)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (4 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BLOOD GLUCOSE REGULATORS		
<i>diazoxide 50 mg/ml oral susp</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
GLUCAGON 1 MG EMERGENCY KIT	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (4 per 28 days)
GVOKE (1 MG/0.2 ML KIT, 1 MG/0.2 ML VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (0.8 per 28 days)
GVOKE HYPOPEN 1-PK 1 MG/0.2 ML	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (0.8 per 28 days)
GVOKE HYPOPEN 1PK 0.5MG/0.1 ML	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (0.4 per 28 days)
GVOKE HYPOPEN 2-PK 1 MG/0.2 ML	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (0.8 per 28 days)
GVOKE HYPOPEN 2PK 0.5MG/0.1 ML	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (0.4 per 28 days)
GVOKE PFS 1-PK 1 MG/0.2 ML SYR	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (0.8 per 28 days)
GVOKE PFS 2-PK 1 MG/0.2 ML SYR	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (0.8 per 28 days)
VYKAT XR 150 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (90 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BLOOD GLUCOSE REGULATORS		
VYKAT XR 25 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (120 per 30 days)
VYKAT XR 75 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (210 per 30 days)
ZEGALOGUE 0.6 MG/0.6 ML SYRING	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (2.4 per 28 days)
ZEGALOGUE 0.6 MG/0.6ML AUTOINJ	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (2.4 per 28 days)
INSULINS		
HUMALOG (100 CARTRIDGE, 100 VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMALOG 100 UNIT/ML KWIKPEN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMALOG 200 UNIT/ML KWIKPEN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMALOG JR 100 UNIT/ML KWIKPEN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMALOG MIX 50-50 KWIKPEN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BLOOD GLUCOSE REGULATORS		
HUMALOG MIX 75-25 KWIKPEN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMALOG MIX 75-25 VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMULIN 70-30 (70-30 VIAL, RELION 70-30 VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMULIN 70/30 KWIKPEN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMULIN N (N 100 VIAL, RELION N 100)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMULIN N 100 UNIT/ML KWIKPEN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMULIN R (R 100 VIAL, RELION R 100)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>insulin aspart 100 unit/ml crt</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>insulin aspart 100 unit/ml pen</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>insulin aspart 100 unit/ml vl</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BLOOD GLUCOSE REGULATORS		
<i>insulin aspart prot mix 70-30 (mix70-30 pn, mix70-30 vl)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>insulin glargine max solo u300</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>insulin glargine solostar u300</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>insulin glargine-yfgn (u100 pen, u100 vl)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>insulin lispro 100 unit/ml pen</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>insulin lispro 100 unit/ml vl</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>insulin lispro jr 100 unit/ml</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>insulin lispro mix 75-25 kwkpn</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
LANTUS 100 UNIT/ML VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	ST, QL (60 per 30 days)
LANTUS SOLOSTAR 100 UNIT/ML	\$0-\$12.15 (Tier 2)	ST, QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BLOOD GLUCOSE REGULATORS		
LYUMJEV 100 UNIT/ML KWIKPEN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
LYUMJEV 100 UNIT/ML VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
LYUMJEV 200 UNIT/ML KWIKPEN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLIN 70-30 (70-30 100 UNIT/ML VIAL, RELION 70-30 VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLIN 70-30 FLEXPEN (70-30, RELION 70-30)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLIN N (N 100 VIAL, RELION N 100)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLIN N FLEXPEN (N 100 UNIT/ML, RELION N U-100)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLIN R (R 100 VIAL, RELION R 100)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLIN R FLEXPEN (R 100 UNIT/ML, RELION R U-100)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BLOOD GLUCOSE REGULATORS		
NOVOLOG (100 VIAL, RELION 100 VL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLOG FLEXPEN (100 UNIT/ML, RELION U-100)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLOG MIX 70-30 (70-30 VIAL, RELION 70-30 VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLOG MIX 70-30 FLEXPEN (70-30 FLEXPEN, RELION 70-30 FLXPN)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLOG PENFILL 100 UNIT/ML	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BLOOD PRODUCTS AND MODIFIERS		
ANTICOAGULANTS		
<i>dabigatran etexilate (75 mg cap, 110 mg cp, 150 mg cp)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BLOOD PRODUCTS AND MODIFIERS		
ELIQUIS (2.5 MG TABLET, 5 MG TABLET, DVT-PE TREAT START 5MG)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>enoxaparin 30 mg/0.3 ml syr</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (8.4 per 30 days)
<i>enoxaparin 40 mg/0.4 ml syr</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (11.2 per 30 days)
<i>enoxaparin 60 mg/0.6 ml syr</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (16.8 per 30 days)
<i>enoxaparin sodium (100 mg/ml syringe, 150 mg/ml syringe)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (28 per 30 days)
<i>enoxaparin sodium (80 mg/0.8 ml syr, 120 mg/0.8 ml syr)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (22.4 per 30 days)
<i>fondaparinux sodium (2.5 mg/0.5 ml syr, 5 mg/0.4 ml syr, 7.5 mg/0.6 ml syr, 10 mg/0.8 ml syr)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
FRAGMIN (10,000 UNIT/ML SYRINGE, 10,000 UNITS/ML SYRING)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
FRAGMIN (12,500 UNIT/0.5 ML SYR, 12,500 UNITS/0.5 ML)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (15 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BLOOD PRODUCTS AND MODIFIERS		
FRAGMIN (15,000 UNIT/0.6 ML SYR, 15,000 UNITS/0.6 ML)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (18 per 30 days)
FRAGMIN (18,000 UNIT/0.72 ML, 18,000 UNITS/0.72 ML)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (22 per 30 days)
FRAGMIN (2,500 UNIT/0.2 ML SYR, 2,500 UNITS/0.2 ML SYR)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (6 per 30 days)
FRAGMIN (25,000 UNITS/ML VIAL, 95,000 UNIT/3.8 ML VL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (22.8 per 30 days)
FRAGMIN (5,000 UNIT/0.2 ML SYR, 5,000 UNITS/0.2 ML SYR)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (12 per 30 days)
FRAGMIN (7,500 UNIT/0.3 ML SYR, 7,500 UNITS/0.3 ML SYR)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (9 per 30 days)
<i>heparin sodium (sod 1,000 unit/ml vial, sod 5,000 unit/ml vial, 10,000 unit/10 ml vial, sod 10,000 unit/ml vl, sod 20,000 unit/ml vl, 30,000 unit/30 ml vial, 40,000 unit/4 ml vial, 50,000 unit/10 ml vial, 50,000 unit/5 ml vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BLOOD PRODUCTS AND MODIFIERS		
<i>jantoven (1 mg tablet, 2 mg tablet, 2.5 mg tablet, 3 mg tablet, 4 mg tablet, 5 mg tablet, 6 mg tablet, 7.5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>rivaroxaban (1 mg/ml suspension, 2.5 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>warfarin sodium (1 mg tablet, 2 mg tablet, 2.5 mg tablet, 3 mg tablet, 4 mg tablet, 5 mg tablet, 6 mg tablet, 7.5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
XARELTO (1 MG/ML SUSPENSION, 2.5 MG TABLET, 10 MG TABLET, 15 MG TABLET, 20 MG TABLET, DVT-PE TREAT START 30D)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
BLOOD PRODUCTS AND MODIFIERS, OTHER		
<i>anagrelide hcl (0.5 mg capsule, 1 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BLOOD PRODUCTS AND MODIFIERS		
<i>eltrombopag 50 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>eltrombopag 75 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>eltrombopag olamine (12.5 mg susp pkt, 12.5 mg tablet, 25 mg susp packet, 25 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (90 per 30 days)
EPOGEN (2,000 UNITS/ML VIAL, 3,000 UNITS/ML VIAL, 4,000 UNITS/ML VIAL, 20,000 UNIT/2 ML VIAL, 20,000 UNITS/ML VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
FULPHILA 6 MG/0.6 ML SYRINGE	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
FYLNETRA 6 MG/0.6 ML SYRINGE	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
GRANIX (300 MCG/0.5 ML SAFE SYR, 300 MCG/0.5 ML SYRINGE, 300 MCG/ML VIAL, 480 MCG/0.8 ML SAFE SYR, 480 MCG/0.8 ML SYRINGE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BLOOD PRODUCTS AND MODIFIERS		
NEULASTA 6 MG/0.6 ML SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
NEUPOGEN (300 MCG/0.5 ML SYR, 300 MCG/ML VIAL, 480 MCG/0.8 ML SYR, 480 MCG/1.6 ML VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
NIVESTYM (300 MCG/0.5 ML SYRING, 300 MCG/ML VIAL, 480 MCG/0.8 ML SYRING, 480 MCG/1.6 ML VIAL)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
NYVEPRIA 6 MG/0.6 ML SYRINGE	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
PROCRIT (2,000 UNITS/ML VIAL, 3,000 UNITS/ML VIAL, 4,000 UNITS/ML VIAL, 10,000 UNITS/ML VIAL, 20,000 UNIT/2 ML VIAL, 20,000 UNITS/ML VIAL, 40,000 UNITS/ML VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
RELEUKO (300 MCG/0.5 ML SYRINGE, 480 MCG/0.8 ML SYRINGE)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BLOOD PRODUCTS AND MODIFIERS		
RETACRIT (2,000 UNIT/ML VIAL, 3,000 UNIT/ML VIAL, 4,000 UNIT/ML VIAL, 10,000 UNIT/ML VIAL, 20,000 UNIT/2 ML VIAL, 20,000 UNIT/ML VIAL, 40,000 UNIT/ML VIAL)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
STIMUFEND 6 MG/0.6 ML SYRINGE	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
UDENYCA 6 MG/0.6 ML AUTOINJECT	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
UDENYCA 6 MG/0.6 ML SYRINGE	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
XOLREMDI 100 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (120 per 30 days)
ZARXIO (300 MCG/0.5 ML SYRINGE, 480 MCG/0.8 ML SYRINGE)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
ZIEXTENZO 6 MG/0.6 ML SYRINGE	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
HEMOSTASIS AGENTS		
<i>tranexamic acid 650 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BLOOD PRODUCTS AND MODIFIERS		
PLATELET MODIFYING AGENTS		
<i>aspirin-dipyridam er 25-200 mg</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
BRILINTA (60 MG TABLET, 90 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
CABLIVI 11 MG VIAL KIT	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>cilostazol (50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>clopidogrel 75 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>dipyridamole (25 mg tablet, 50 mg tablet, 75 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
DOPTELET ((10 TAB PK) 20 MG TAB, (15 TAB PK) 20 MG TAB)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (15 per 5 days)
DOPTELET (30 TAB PK) 20 MG TAB	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
<i>prasugrel hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BLOOD PRODUCTS AND MODIFIERS		
TAVALISSE (100 MG TABLET, 150 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CARDIOVASCULAR AGENTS		
ALPHA-ADRENERGIC AGONISTS		
<i>clonidine (0.1 patch, 0.2 patch, 0.3 patch)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (4 per 28 days)
<i>clonidine hcl (0.1 mg tablet, 0.2 mg tablet, 0.3 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>droxidopa (100 mg capsule, 200 mg capsule, 300 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (84 per 14 days)
<i>guanfacine hcl (1 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>midodrine hcl (2.5 mg tablet, 5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ALPHA-ADRENERGIC BLOCKING AGENTS		
<i>doxazosin mesylate (1 mg tab, 2 mg tab, 4 mg tab, 8 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CARDIOVASCULAR AGENTS		
<i>phenoxybenzamine hcl 10 mg cap</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>prazosin hcl (1 mg capsule, 2 mg capsule, 5 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>terazosin hcl (1 mg capsule, 2 mg capsule, 5 mg capsule, 10 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ANGIOTENSIN II RECEPTOR ANTAGONISTS		
<i>candesartan cilexetil (4 mg tab, 8 mg tab, 16 mg tb, 32 mg tb)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>irbesartan (75 mg tablet, 150 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>losartan potassium (25 mg tab, 50 mg tab, 100 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>olmesartan medoxomil (5 mg tab, 20 mg tab, 40 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>telmisartan (20 mg tablet, 40 mg tablet, 80 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>valsartan (40 mg tablet, 80 mg tablet, 160 mg tablet, 320 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CARDIOVASCULAR AGENTS		
ANGIOTENSIN-CONVERTING ENZYME (ACE) INHIBITORS		
<i>benazepril hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>benazepril hcl 40 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>enalapril maleate (2.5 mg tab, 5 mg tablet, 10 mg tab, 20 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>fosinopril sodium (10 mg tab, 20 mg tab, 40 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>lisinopril (2.5 mg tablet, 5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet, 30 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>lisinopril 40 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>moexipril hcl (7.5 mg tablet, 15 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>perindopril erbumine 2 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>perindopril erbumine 4 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CARDIOVASCULAR AGENTS		
<i>perindopril erbumine 8 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>quinapril hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet, 40 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>ramipril (1.25 mg capsule, 2.5 mg capsule, 5 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>ramipril 10 mg capsule</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>trandolapril (1 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>trandolapril 4 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
ANTIARRHYTHMICS		
<i>amiodarone hcl (100 mg tablet, 200 mg tablet, 400 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>digoxin 0.05 mg/ml solution</i>	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>digoxin 125 mcg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CARDIOVASCULAR AGENTS		
<i>digoxin 250 mcg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>disopyramide phosphate (100 mg capsule, 150 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>dofetilide (125 mcg capsule, 250 mcg capsule, 500 mcg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>flecainide acetate (50 mg tab, 100 mg tab, 150 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>mexiletine hcl (150 mg capsule, 200 mg capsule, 250 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
MULTAQ 400 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>propafenone hcl (150 mg tablet, 225 mg tab, 300 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>propafenone hcl er (er 225 mg cap, er 325 mg cap, er 425 mg cap)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>quinidine gluc er 324 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CARDIOVASCULAR AGENTS		
<i>quinidine sulfate (200 mg tab, 300 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>sotalol (80 mg tablet, 120 mg tablet, 160 mg tablet, 240 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
SOTALOL AF (80 MG TABLET, 120 MG TABLET, 160 MG TABLET)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
BETA-ADRENERGIC BLOCKING AGENTS		
<i>acebutolol hcl (200 mg capsule, 400 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>atenolol (25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>betaxolol hcl (10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>bisoprolol fumarate (5 mg tab, 10 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>carvedilol (3.125 mg tablet, 6.25 mg tablet, 12.5 mg tablet, 25 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CARDIOVASCULAR AGENTS		
<i>labetalol hcl (100 mg tablet, 200 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>metoprolol succ er 200 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>metoprolol succinate (er 25 mg tab, er 50 mg tab, er 100 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>metoprolol tartrate (25 mg tab, 37.5 mg tb, 50 mg tab, 75 mg tab, 100 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>nadolol (20 mg tablet, 40 mg tablet, 80 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>nebivolol hcl (2.5 mg tablet, 5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>pindolol (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>propranolol hcl (10 mg tablet, 20 mg tablet, 20 mg/5 ml soln, 40 mg tablet, 40 mg/5 ml soln, 60 mg tablet, 80 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CARDIOVASCULAR AGENTS		
<i>propranolol hcl er (er 60 mg capsule, er 80 mg capsule, er 120 mg capsule, er 160 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>timolol maleate (5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
CALCIUM CHANNEL BLOCKING AGENTS, DIHYDROPYRIDINES		
<i>amlodipine besylate (2.5 mg tab, 5 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>amlodipine besylate 10 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>felodipine er (er 2.5 mg tablet, er 5 mg tablet, er 10 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>nifedipine (10 mg capsule, 20 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>nifedipine er (er 30 mg tablet, er 60 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>nifedipine er 90 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CARDIOVASCULAR AGENTS		
<i>nimodipine 30 mg capsule</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>nimodipine 60 mg/20 ml soln</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
NYMALIZE 60 MG/ML ORAL SOLUTION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
CALCIUM CHANNEL BLOCKING AGENTS, NONDIHYDROPYRIDINES		
CARTIA XT (120 MG CAPSULE, 180 MG CAPSULE, 240 MG CAPSULE, 300 MG CAPSULE)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
DILT-XR (120 MG CAPSULE, 180 MG CAPSULE, 240 MG CAPSULE)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>diltiazem 12hr er (12hr er 120 mg cap, 12hr er 60 mg cap, 12hr er 90 mg cap)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>diltiazem 24hr er (24hr er 120 mg cap, 24hr er 180 mg cap, 24hr er 240 mg cap, 24hr er 300 mg cap, 24hr er 360 mg cap, 24hr er 420 mg cap)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CARDIOVASCULAR AGENTS		
<i>diltiazem 24hr er (cd) (24h er(cd) 120 mg cp, 24h er(cd) 180 mg cp, 24h er(cd) 240 mg cp, 24h er(cd) 300 mg cp, 24h er(cd) 360 mg cp)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>diltiazem 24hr er (xr) (24h er(xr) 120 mg cp, 24h er(xr) 180 mg cp, 24h er(xr) 240 mg cp)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>diltiazem hcl (30 mg tablet, 60 mg tablet, 90 mg tablet, 120 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
TIADYL [®] ER (ER 120 MG CAPSULE, ER 180 MG CAPSULE, ER 240 MG CAPSULE, ER 300 MG CAPSULE, ER 360 MG CAPSULE, ER 420 MG CAPSULE)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>verapamil er (er 120 mg capsule, er 120 mg tablet, er 180 mg capsule, er 180 mg tablet, er 240 mg capsule, er 240 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CARDIOVASCULAR AGENTS		
<i>verapamil er pm (er 100 mg capsule, er 200 mg capsule, er 300 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>verapamil hcl (40 mg tablet, 80 mg tablet, 120 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>verapamil sr (sr 120 mg capsule, sr 180 mg capsule, sr 240 mg capsule, sr 360 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
CARDIOVASCULAR AGENTS, OTHER		
<i>acetazolamide (125 mg tablet, 250 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>aliskiren (150 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>amiloride hcl-hctz 5-50 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>amlodipine besylate-benazepril (2.5-10, 5-10 mg, 5-20 mg, 5-40 mg, 10-20 mg, 10-40 mg)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>amlodipine-atorvastatin (2.5-10 mg, 2.5-20 mg, 2.5-40 mg, 5-10 mg, 5-20 mg, 5-40 mg, 5-80 mg, 10-10 mg, 10-20 mg, 10-40 mg, 10-80 mg)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CARDIOVASCULAR AGENTS		
<i>amlodipine-olmesartan (5-20 mg, 5-40 mg, 10-20 mg, 10-40 mg)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>amlodipine-valsartan (5-160 mg, 5-320 mg, 10-160 mg, 10-320 mg)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>amlodipine-valsartan-hctz (5-160-12.5 mg, 5-160-25 mg, 10-160-12.5mg, 10-160-25 mg, 10-320-25 mg)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>atenolol-chlorthalidone (50-25, 100-25)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ATTRUBY 356 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>benazepril-hydrochlorothiazide (5-6.25 mg tab, 10-12.5 mg tab, 20-12.5 mg tab, 20-25 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>bisoprolol-hydrochlorothiazide (2.5-6.25 mg tb, 5-6.25 mg tab, 10-6.25 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CARDIOVASCULAR AGENTS		
CAMZYOS (2.5 MG CAPSULE, 5 MG CAPSULE, 10 MG CAPSULE, 15 MG CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
CORLANOR 5 MG/5 ML ORAL SOLN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (560 per 30 days)
<i>digoxin 62.5 mcg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>enalapril-hydrochlorothiazide (5-12.5 mg tab, 10-25 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
FILSPARI (200 MG TABLET, 400 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>fosinopril-hydrochlorothiazide (10-12.5 mg tab, 20-12.5 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide (150-12.5 mg tb, 300-12.5 mg tb)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>ivabradine hcl (5 mg tablet, 7.5 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>lisinopril-hydrochlorothiazide (10-12.5 mg tab, 20-12.5 mg tab, 20-25 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CARDIOVASCULAR AGENTS		
<i>losartan-hydrochlorothiazide (50-12.5 mg tab, 100-12.5 mg tab, 100-25 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>metoprolol-hydrochlorothiazide (50-25 mg tab, 100-25 mg tab, 100-50 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>metyrosine 250 mg capsule</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
NEXLETOL 180 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>olmesartan-hydrochlorothiazide (20-12.5 mg tab, 40-12.5 mg tab, 40-25 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>pentoxifylline er 400 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>ranolazine er (er 500 mg tablet, er 1,000 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>sacubitril-valsartan (24-26 mg, 49-51 mg, 97-103 mg)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>spironolactone-hctz 25-25 tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CARDIOVASCULAR AGENTS		
<i>triamterene-hydrochlorothiazid (37.5-25 mg cp, 37.5-25 mg tb, 75-50 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>valsartan-hydrochlorothiazide (80-12.5 mg tab, 160-12.5 mg tab, 160-25 mg tab, 320-12.5 mg tab, 320-25 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
VANRAFIA 0.75 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
VERQUVO (2.5 MG TABLET, 5 MG TABLET, 10 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
WEGOZY (0.25 MG/0.5 ML PEN, 0.5 MG/0.5 ML PEN, 1 MG/0.5 ML PEN)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (2 per 28 days)
WEGOZY (1.7 MG/0.75 ML PEN, 2.4 MG/0.75 ML PEN)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (3 per 28 days)
DIURETICS, LOOP		
<i>bumetanide (0.25 mg/ml vial, 0.5 mg tablet, 1 mg tablet, 1 mg/4 ml vial, 2 mg tablet, 2.5 mg/10 ml vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CARDIOVASCULAR AGENTS		
<i>furosemide (10 mg/ml solution, 20 mg tablet, 20 mg/2 ml vial, 40 mg tablet, 40 mg/4 ml vial, 40 mg/5 ml soln, 80 mg tablet, 100 mg/10 ml vial, 500 mg/50 ml vial, 1,000 mg/100 ml vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>torseamide (5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
DIURETICS, POTASSIUM-SPARING		
<i>amiloride hcl 5 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
DIURETICS, THIAZIDE		
<i>chlorthalidone (25 mg tablet, 50 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
DIURIL 250 MG/5 ML ORAL SUSP	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>hydrochlorothiazide (12.5 mg cp, 12.5 mg tb, 25 mg tab, 50 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CARDIOVASCULAR AGENTS		
<i>indapamide (1.25 mg tablet, 2.5 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>metolazone (2.5 mg tablet, 5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
DYSLIPIDEMICS, FIBRIC ACID DERIVATIVES		
<i>fenofibrate (48 mg tablet, 54 mg tablet, 145 mg tablet, 160 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>fenofibric acid (dr 45 mg cap, dr 135 mg cap)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>gemfibrozil 600 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
DYSLIPIDEMICS, HMG COA REDUCTASE INHIBITORS		
<i>atorvastatin calcium (10 mg tablet, 20 mg tablet, 40 mg tablet, 80 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>lovastatin (10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>lovastatin 40 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CARDIOVASCULAR AGENTS		
<i>pravastatin sodium (10 mg tab, 20 mg tab, 40 mg tab, 80 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>rosuvastatin calcium (5 mg tab, 10 mg tab, 20 mg tab, 40 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>simvastatin (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>simvastatin 20 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (45 per 30 days)
<i>simvastatin 40 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
DYSLIPIDEMICS, OTHER		
<i>cholestyramine (packet, powder)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>cholestyramine light (packet, powder)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>colesevelam 625 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CARDIOVASCULAR AGENTS		
<i>colestipol hcl (1 gm tablet, granules, granules packet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>ezetimibe 10 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>icosapent ethyl (0.5 gm capsule, 1 gram capsule, 500 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
JUXTAPID (5 MG CAPSULE, 10 MG CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
JUXTAPID 20 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (90 per 30 days)
JUXTAPID 30 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
NEXLIZET 180-10 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>niacin er (er 500 mg tablet, er 750 mg tablet, er 1,000 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days), PA NSO
<i>omega-3 ethyl esters 1 gm cap</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CARDIOVASCULAR AGENTS		
PREVALITE (PACKET, POWDER)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
REPATHA 140 MG/ML SURECLICK	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
REPATHA 140 MG/ML SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
TRYNGOLZA 80 MG/0.8 ML AUTOINJ	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (0.8 per 28 days)
MINERALOCORTICOID RECEPTOR ANTAGONISTS		
<i>eplerenone (25 mg tablet, 50 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	ST
KERENDIA (10 MG TABLET, 20 MG TABLET, 40 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>spironolactone (25 mg tablet, 25 mg/5 ml susp, 50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
VASODILATORS, DIRECT-ACTING ARTERIAL		
<i>hydralazine hcl (10 mg tablet, 25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CARDIOVASCULAR AGENTS		
<i>minoxidil (2.5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
VASODILATORS, DIRECT-ACTING ARTERIAL/VEINOS		
<i>isosorbide dinitrate (5 mg tab, 10 mg tab, 20 mg tab, 30 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>isosorbide mononit er 60 mg tb</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>isosorbide mononitrate er (er 30 mg tb, er 120 mg)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
NITRO-BID 2% OINTMENT	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>nitroglycerin (0.3 mg tablet sl, 0.4 mg tablet sl, lingual 0.4 mg, 0.6 mg tablet sl, 400 mcg spray)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>nitroglycerin 0.4% ointment</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 21 days)
<i>nitroglycerin patch (0.1 patch, 0.2 patch, 0.4 patch, 0.6 patch)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
NITROSTAT 0.6 MG TABLET SL	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CARDIOVASCULAR AGENTS		
<i>sildenafil citrate (25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (4 per 30 days), GC, CB (52 / 365 day(s)), EX

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CENTRAL NERVOUS SYSTEM AGENTS		
AMYOTROPHIC LATERAL SCLEROSIS (ALS) AGENTS		
RADICAVA ORS (105 MG/5 ML SUSP, STARTER KIT SUSP)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (70 per 14 days)
<i>riluzole 50 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
TIGLUTIK 50 MG/10 ML SUSP	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (600 per 30 days)
ATTENTION DEFICIT HYPERACTIVITY DISORDER AGENTS, AMPHETAMINES		
<i>dextroamp-amphetamin 30 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>dextroamphetamine 10 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (180 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CENTRAL NERVOUS SYSTEM AGENTS		
<i>dextroamphetamine 5 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (90 per 30 days)
<i>dextroamphetamine er 10 mg cap</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (150 per 30 days)
<i>dextroamphetamine er 15 mg cap</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (120 per 30 days)
<i>dextroamphetamine er 5 mg cap</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>dextroamphetamine-amphet er (er 5 mg cap, er 10 mg cap, er 15 mg cap, er 20 mg cap, er 25 mg cap, er 30 mg cap)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>dextroamphetamine-amphetamine (dextroamp-amphetam 7.5 mg tab, dextroamp-amphetam 12.5 mg tab, dextroamp-amphetamin 10 mg tab, dextroamp-amphetamin 15 mg tab, dextroamp-amphetamin 20 mg tab, dextroamp-amphetamine 5 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (90 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CENTRAL NERVOUS SYSTEM AGENTS		
ATTENTION DEFICIT HYPERACTIVITY DISORDER AGENTS, NON-AMPHETAMINES		
<i>atomoxetine hcl (10 mg capsule, 18 mg capsule, 25 mg capsule, 40 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>atomoxetine hcl (60 mg capsule, 80 mg capsule, 100 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>clonidine hcl er 0.1 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>guanfacine hcl er (er 1 mg tablet, er 2 mg tablet, er 3 mg tablet, er 4 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>methylphenidate (10 mg/9hr, 15 mg/9hr, 20 mg/9hr, 30 mg/9hr)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>methylphenidate 10 mg/5 ml sol</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (900 per 30 days)
<i>methylphenidate 5 mg/5 ml soln</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (1800 per 30 days)
<i>methylphenidate er (er 10 mg tab, er 20 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (90 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CENTRAL NERVOUS SYSTEM AGENTS		
<i>methylphenidate er (er 18 mg tab, er 27 mg tab, er 54 mg tab, er 72 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>methylphenidate er (la) (er(la) 10mg cp, er(la) 20mg cp, er(la) 30mg cp, er(la) 40mg cp, er(la) 60mg cp)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>methylphenidate er 36 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>methylphenidate hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (90 per 30 days)
<i>methylphenidate hcl cd (10 mg cap, 20 mg cap, 30 mg cap, 40 mg cap, 50 mg cap, 60 mg cap)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>methylphenidate hcl er (cd) (er(cd) 10mg cp, er(cd) 20mg cp, er(cd) 30mg cp, er(cd) 40mg cp, er(cd) 50mg cp, er(cd) 60mg cp)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>methylphenidate la (10 mg cap, 20 mg cap, 30 mg cap, 40 mg cap, 60 mg cap)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CENTRAL NERVOUS SYSTEM AGENTS		
<i>methylphenidate sr 20 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (90 per 30 days)
CENTRAL NERVOUS SYSTEM AGENTS, OTHER		
AUSTEDO (6 MG TABLET, 12 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (120 per 30 days)
AUSTEDO 9 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
AUSTEDO XR (18 MG TABLET, 30 MG TABLET, 36 MG TABLET, 42 MG TABLET, 48 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
AUSTEDO XR 12 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (90 per 30 days)
AUSTEDO XR 24 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
AUSTEDO XR 6 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (210 per 30 days)
AUSTEDO XR TITR(12-18-24-30MG)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (28 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CENTRAL NERVOUS SYSTEM AGENTS		
INGREZZA (40 MG CAPSULE, 60 MG CAPSULE, 80 MG CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
INGREZZA INITIATION PK(TARDIV)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (28 per 28 days)
INGREZZA SPRINKLE (40 MG CAP, 60 MG CAP, 80 MG CAP)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
NUEDEXTA 20-10 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>pregabalin er (er 82.5 mg tablet, er 165 mg tablet, er 330 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days), PA NSO
SKYCLARYS 50 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (90 per 30 days)
<i>tetrabenazine (12.5 mg tablet, 25 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
VEOZAH 45 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
FIBROMYALGIA AGENTS		
SAVELLA (12.5 MG TABLET, 25 MG TABLET, 50 MG TABLET, 100 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days), PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CENTRAL NERVOUS SYSTEM AGENTS		
SAVELLA TITRATION PACK	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (55 per 28 days), PA NSO
MULTIPLE SCLEROSIS AGENTS		
AVONEX (30 MCG/0.5 ML SYRINGE, PREFILLED SYR 30 MCG KT)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
AVONEX 30 MCG/0.5 ML SYR (4PK)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
AVONEX PEN (PEN 30 MCG/0.5 ML, PEN 30 MCG/0.5 ML KIT)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
AVONEX PEN 30 MCG/0.5 ML (4PK)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
BETASERON 0.3 MG INJECTION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
<i>dalfampridine er 10 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>dimethyl fumarate (30d start pk, dr 120 mg cp, dr 240 mg cp)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CENTRAL NERVOUS SYSTEM AGENTS		
ENSPRYNG 120 MG/ML SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
<i>fingolimod 0.5 mg capsule</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
GILENYA 0.25 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>glatiramer acetate (20 mg/ml syringe, 40 mg/ml syringe)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
GLATOPA (20 MG/ML SYRINGE, 40 MG/ML SYRINGE)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
MAVENCLAD (10 MG 10 TABLET PK, 10 MG 4 TABLET PK, 10 MG 5 TABLET PK, 10 MG 6 TABLET PK, 10 MG 7 TABLET PK, 10 MG 8 TABLET PK, 10 MG 9 TABLET PK)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
MAYZENT (1 MG TABLET, 2 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
MAYZENT 0.25 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CENTRAL NERVOUS SYSTEM AGENTS		
MAYZENT 0.25MG START-1MG MAINT	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (7 per 4 days)
PLEGRIDY 125 MCG/0.5 ML PEN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (1 per 28 days)
PLEGRIDY 125 MCG/0.5 ML SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (1 per 28 days)
PONVORY (14-DAY STARTER PACK, 20 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
REBIF (22 MCG/0.5 ML SYRINGE, 44 MCG/0.5 ML SYRINGE, TITRATION PACK)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
REBIF REBIDOSE (22 MCG/0.5 ML, 44 MCG/0.5 ML, TITRATION PACK)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
TASCENSO ODT (ODT 0.25 MG TABLET, ODT 0.5 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>teriflunomide (7 mg tablet, 14 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
VUMERITY DR 231 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CENTRAL NERVOUS SYSTEM AGENTS		
ZEPOSIA (0.92 MG CAPSULE, STARTER KIT (28-DAY), STARTER PACK (7-DAY))	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
DENTAL AND ORAL AGENTS		
DENTAL AND ORAL AGENTS		
<i>cevimeline hcl 30 mg capsule</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>chlorhexidine gluconate (0.12% 15 ml cup, 0.12% rinse)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>doxycycline hyclate (20 mg tab, 50 mg cap)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
KOURZEQ 0.1% DENTAL PASTE	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>pilocarpine hcl (5 mg tablet, 7.5 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
DENTAL AND ORAL AGENTS		
<i>triamcinolone 0.1% paste</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
DERMATOLOGICAL AGENTS		
ACNE AND ROSACEA AGENTS		
ACCUTANE (10 MG CAPSULE, 20 MG CAPSULE, 40 MG CAPSULE)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
<i>acitretin (10 mg capsule, 17.5 mg capsule, 25 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
AMNESTEEM (10 MG CAPSULE, 20 MG CAPSULE, 30 MG CAPSULE, 40 MG CAPSULE)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
<i>azelaic acid 15% gel</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
DERMATOLOGICAL AGENTS		
CLARAVIS (10 MG CAPSULE, 20 MG CAPSULE, 30 MG CAPSULE, 40 MG CAPSULE)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
<i>clind ph-benzoyl perox 1.2-5%</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>erythromycin-benzoyl gel</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>isotretinoin (10 mg capsule, 20 mg capsule, 30 mg capsule, 40 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
NEUAC GEL	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>tazarotene (0.05% gel, 0.1% gel)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (100 per 30 days)
<i>tazarotene 0.05% cream</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>tazarotene 0.1% cream</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>tretinoin (0.01% gel, 0.025% cream, 0.025% gel, 0.05% cream, 0.05% gel, 0.1% cream)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
DERMATOLOGICAL AGENTS		
ZENATANE (10 MG CAPSULE, 20 MG CAPSULE, 30 MG CAPSULE, 40 MG CAPSULE)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
DERMATITIS AND PRURITUS AGENTS		
ALA-CORT 1% CREAM	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>amcinonide (0.1% cream, 0.1% ointment)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>ammonium lactate (12% cream, 12% lotion)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>betamethasone diprop augmented (dp 0.05% crm, dp 0.05% gel, dp 0.05% lot, dp 0.05% oin)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>betamethasone dipropionate (dp 0.05% crm, dp 0.05% lot, dp 0.05% oint, dp aug 0.05% crm)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>betamethasone valerate (va 0.1% cream, va 0.1% lotion, valer 0.1% ointm)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
DERMATOLOGICAL AGENTS		
<i>clobetasol emollient 0.05% crm</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>clobetasol propionate (0.05% cream, 0.05% gel, 0.05% ointment, 0.05% solution, 0.05% topical lotn)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>desonide (0.05% cream, 0.05% lotion, 0.05% ointment)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>desoximetasone (0.05% cream, 0.05% gel, 0.05% ointment, 0.25% cream, 0.25% ointment)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>diflorasone diacetate (0.05% cream, 0.05% ointment)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>doxepin 5% cream</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>fluocinolone acetonide (0.01% cream, 0.01% scalp oil, 0.01% solution, 0.025% cream, 0.025% ointment)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>fluocinonide (0.05% cream, 0.05% gel, 0.05% ointment, 0.05% solution)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
DERMATOLOGICAL AGENTS		
<i>fluocinonide-e 0.05% cream</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>fluticasone propionate (0.005% oint, 0.05% cream, 0.05% lotion)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>halobetasol propionate (0.05% cream, 0.05% ointmnt)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>hydrocortisone (1% cream, 1% ointment, 2.5% cream, 2.5% lotion, 2.5% ointment)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>hydrocortisone butyrate (buty 0.1% cream, butyr 0.1% oint, butyr 0.1% soln)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>hydrocortisone valerate (0.2% cream, 0.2% ointmt)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>mometasone furoate (0.1% cream, 0.1% oint, 0.1% soln)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>pimecrolimus 1% cream</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
PROCTO-MED HC 2.5% CREAM	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
DERMATOLOGICAL AGENTS		
PROCTOSOL-HC 2.5% CREAM	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
PROCTOZONE-HC 2.5% CREAM	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>selenium sulfide 2.5% lotion</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>tacrolimus (0.03% ointment, 0.1% ointment)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>triamcinolone acetonide (0.025% cream, 0.025% lotion, 0.025% oint, 0.05% ointment, 0.1% cream, 0.1% lotion, 0.1% ointment, 0.5% cream, 0.5% ointment)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
TRIDERM 0.5% CREAM	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
DERMATOLOGICAL AGENTS, OTHER		
<i>calcipotriene (0.005% cream, 0.005% ointment, 0.005% solution)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
DERMATOLOGICAL AGENTS		
<i>clotrimazole-betamethasone (crm, lot)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>diclofenac sodium 3% gel</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
FILSUEVZ 10% GEL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
<i>fluorouracil (0.5% cream, 5% cream)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>fluorouracil (2% soln, 5% soln)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
<i>imiquimod 5% cream packet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (12 per 30 days)
<i>methoxsalen (10 mg capsule, 10 mg softgel)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>nystatin-triamcinolone (cream, ointm)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
OTEZLA (10-20 MG STARTER 28, 10-20-30MG START 28)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (55 per 28 days)
OTEZLA (20 MG TABLET, 30 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
DERMATOLOGICAL AGENTS		
<i>podofilox 0.5% topical soln</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
QBREXZA 2.4% CLOTH	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
SANTYL OINTMENT	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
SILVADENE 1% CREAM	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>silver sulfadiazine 1% cream</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
SSD 1% CREAM	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
VALCHLOR 0.016% GEL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO
VTAMA 1% CREAM	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
ZORYVE (0.15% CREAM, 0.3% CREAM, 0.3% FOAM)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
PEDICULICIDES/SCABICIDES		
CROTAN 10% LOTION	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (474 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
DERMATOLOGICAL AGENTS		
<i>malathion 0.5% lotion</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>permethrin 5% cream</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
PRURADIK 10% LOTION	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (474 per 30 days)
TOPICAL ANTI-INFECTIVES		
<i>acyclovir 5% cream</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (5 per 30 days)
<i>acyclovir 5% ointment</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>ciclopirox (0.77% cream, 0.77% topical susp, 8% solution)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
CLEOCIN 100 MG VAGINAL OVULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>clindamycin 1% gel</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>clindamycin phosphate (ph 1% gel, ph 1% solution, phos 1% pledget, phosp 1% lotion, phosphate 1% gel)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
DERMATOLOGICAL AGENTS		
<i>econazole nitrate 1% cream</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>erythromycin (2% gel, 2% solution)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>gentamicin sulfate (0.1% cream, 0.1% ointment)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>mupirocin (2% cream, 2% ointment)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>naftifine hcl (1% cream, 2% cream)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>oxiconazole nitrate 1% cream</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
OXISTAT 1% LOTION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
SULFAMYLON 8.5% CREAM	\$0-\$12.15 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ELECTROLYTES/MINERALS/METALS/VITAMINS		
ELECTROLYTE/MINERAL REPLACEMENTS		
<i>carglumic acid 200 mg tab susp</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>fluoride (0.25 mg tablet chew, 0.5 mg tablet chew, 1 mg tablet chewable)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ISOLYTE S IV SOLN PH7.4	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
KLOR-CON 10 MEQ TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
KLOR-CON 8 MEQ TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>magnesium sulfate 50% syringe</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>multiple electrolytes t1 ph5.5</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>multiple electrolytes t1 ph7.4</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
PLASMA-LYTE A PH 7.4 SOLN.	\$0-\$12.15 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ELECTROLYTES/MINERALS/METALS/VITAMINS		
PLASMA-LYTE A SOLUTION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>potassium chloride (cl10%(20meq/15ml)cup, cl10%(40meq/30ml)cup, cl20%(40meq/15ml)cup, cl 2 meq/ml conc, cl 10 meq/100 ml sol, cl 10 meq/5 ml conc, cl 10% (20 meq/15ml), cl 10% (40 meq/30ml), cl 20 meq/10 ml conc, cl 20 meq/100 ml sol, cl 20% (40 meq/15ml), cl 30 meq/15 ml conc, cl 40 meq/100 ml sol, cl 40 meq/20 ml conc, cl 60 meq/30 ml conc, cl er 8 meq capsule, cl er 8 meq tablet, cl er 10 meq capsule, cl er 10 meq tablet, cl er 15 meq tablet, cl er 20 meq tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>potassium chloride-0.9% nacl (20 meq/1,000ml-ns, 40 meq/1,000ml-ns)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ELECTROLYTES/MINERALS/METALS/VITAMINS		
<i>potassium citrate er (er 5 tab, er 10 tb, er 15 tb)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>potassium cl 20 meq-0.45% nacl</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>potassium cl 20 meq/10 ml conc</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>potassium cl 20meq/100ml-water</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>sodium chloride (saline 0.45% soln-excel con, sodium chloride 0.45% soln, sodium chloride 0.9% 100 ml, sodium chloride 0.9% 1,000 ml, sodium chloride 0.9% 250 ml, sodium chloride 0.9% 50 ml, sodium chloride 0.9% 500 ml, sodium chloride 0.9% irrig, sodium chloride 0.9% irrig., sodium chloride 0.9% prcss sol, sodium chloride 0.9% sol-excel, sodium chloride 0.9% soln, sodium chloride 0.9% solution, sodium chloride 0.9% vial, sodium chloride 3% iv soln, sodium chloride 5% iv soln)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ELECTROLYTES/MINERALS/METALS/VITAMINS		
<i>sodium chloride 0.9%-water</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>sodium fluoride 2.2 mg (fluoride ion 1 mg) oral tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ELECTROLYTE/MINERAL/METAL MODIFIERS		
CHEMET 100 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>deferasirox (90 mg tablet, 125 mg tb for susp, 180 mg tablet, 250 mg tb for susp, 360 mg tablet, 500 mg tb for susp)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>deferiprone 1,000 mg tb(3x/dy)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>deferiprone 500 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
DOJOLVI LIQUID	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
FERRIPROX 100 MG/ML SOLUTION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ELECTROLYTES/MINERALS/METALS/VITAMINS		
JYNARQUE (15 MG TABLET, 30 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
<i>tolvaptan (15 mg tablet, 15 mg-15 mg tablet, 30 mg tablet, 30 mg-15 mg tablet, 45 mg-15 mg tablet, 60 mg-30 mg tablet, 90 mg-30 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>trientine hcl 250 mg capsule</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
ELECTROLYTES/MINERALS/METALS/VITAMINS		
CLINIMIX (4.25%-10% SOLUTION, 4.25%-5% SOLUTION, 5%-15% SOLUTION, 5%-20% SOLUTION)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
CLINIMIX E (2.75%-5% SOLUTION, 4.25%-10% SOLUTION, 4.25%-5% SOLUTION, 5%-15% SOLUTION, 5%-20% SOLUTION)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ELECTROLYTES/MINERALS/METALS/VITAMINS		
CLINISOL 15% SOLUTION	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
CLINOLIPID (20% (100 GM/500 ML), 20% (20 GM/100 ML), 20% (200 GM/1000ML), 20% (50 GM/250 ML))	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
<i>dextrose 10%-0.2% nacl iv soln</i>	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>dextrose 10%-0.45% nacl iv sol</i>	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>dextrose 2.5%-0.45% nacl iv</i>	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>dextrose 5%-0.2% nacl iv soln</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>dextrose 5%-0.225% nacl iv sol</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>dextrose 5%-0.45% nacl iv soln</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>dextrose 5%-0.9% nacl iv soln</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ELECTROLYTES/MINERALS/METALS/VITAMINS		
<i>dextrose in water (5%-water 100 ml, 5%-water 1,000 ml, 5%-water 250 ml, 5%-water 50 ml, 5%-water iv soln, 10%-water iv solution)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>glucose 5%-0.9% nacl 1000 ml</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>glucose in water (5%-water 100 ml, 5%-water 50 ml)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
INTRALIPID (20% IV EMUL, 30% IV EMUL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
ISOLYTE P-DEXTROSE 5% SOLN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>kcl 20 meq in d5w-lact ringer</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>kcl 20 meq/l in d5w solution</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>kcl-d5w-0.2% nacl (10 meq/500 ml-d5w-0.2%nacl, 20 meq/l-d5w-0.2% nacl)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ELECTROLYTES/MINERALS/METALS/VITAMINS		
<i>kcl-d5w-0.225% nacl (10meq/500ml-d5w-0.225%nacl, 20 meq/l-d5w-0.225% nacl)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>kcl-d5w-0.45% nacl (10 meq/500ml-d5w-0.45%nacl, 10 meq/l-d5w-0.45% nacl, 20 meq/l-d5w-0.45% nacl, 30 meq/l-d5w-0.45% nacl, 40 meq/l-d5w-0.45% nacl)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>kcl-d5w-0.9% nacl (20 meq/l-d5w-0.9%, 40 meq/l-d5w-0.9%)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>levocarnitine (1 g/10 ml cup, 1 g/10 ml soln, 330 mg tablet, 500 mg/5 ml cup)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>magnesium sulfate (50% 1 g/2 ml, 50% 10g/20ml, 50% 25g/50ml, 50% 5 g/10ml)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
NATAL PNV TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
NUTRILIPID 20% IV FAT EMULSION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ELECTROLYTES/MINERALS/METALS/VITAMINS		
PREMASOL 10% IV SOLUTION	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>prenatal vitamin with minerals and folic acid greater than 0.8 mg oral tablet</i>	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
PROSOL 20% INJECTION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
TPN ELECTROLYTES VIAL	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
TRAVASOL 10% SOLN VIAFLEX	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
TROPHAMINE 10% IV SOLUTION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
WESNATAL DHA COMPLETE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
POTASSIUM BINDERS		
KIONEX 15 GM/60 ML SUSPENSION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
LOKELMA 10 GRAM POWDER PACKET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (34 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ELECTROLYTES/MINERALS/METALS/VITAMINS		
LOKELMA 5 GRAM POWDER PACKET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (90 per 30 days)
<i>sodium polystyrene sulf powder</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
SPS (15 GM/60 ML SUSPENSION, 30 GM/120 ML ENEMA SUSP)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
GASTROINTESTINAL AGENTS		
ANTI-CONSTIPATION AGENTS		
CONSTULOSE 10 GM/15 ML SOLN	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ENULOSE 10 GM/15 ML SOLUTION	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
GENERLAC 10 GM/15 ML SOLUTION	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
GASTROINTESTINAL AGENTS		
KRISTALOSE (10 GM PACKET, 20 GM PACKET)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>lactulose (10 gm packet, 20 gm packet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>lactulose (10 gm/15 ml soln cup, 10 gm/15 ml solution, 20 gm/30 ml soln cup, 20 gm/30 ml solution)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
LINZESS (72 MCG CAPSULE, 145 MCG CAPSULE, 290 MCG CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>lubiprostone (8 mcg capsule, 24 mcg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
MOVANTIK (12.5 MG TABLET, 25 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
RELISTOR (8 MG/0.4 ML SYRINGE, 12 MG/0.6 ML KIT, 12 MG/0.6 ML SYRINGE, 12 MG/0.6 ML VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
RELISTOR 150 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (90 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
GASTROINTESTINAL AGENTS		
SUTAB 1.479-0.225-0.188 GM TAB	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
TRULANCE 3 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
ANTI-DIARRHEAL AGENTS		
<i>alosetron hcl (0.5 mg tablet, 1 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>diphenoxylate-atropine (diphenoxylat-atrop 2.5-0.025/5, diphenoxylate-atrop 2.5-0.025)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>loperamide 2 mg capsule</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
MYTESI 125 MG DR TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
VIBERZI (75 MG TABLET, 100 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
XERMELO 250 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (90 per 30 days)
ANTISPASMODICS, GASTROINTESTINAL		
<i>dicyclomine hcl (10 mg capsule, 10 mg/5 ml soln, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
GASTROINTESTINAL AGENTS		
<i>glycopyrrolate (1 mg tablet, 1.5 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
GASTROINTESTINAL AGENTS, OTHER		
GATTEX 5 MG INJECTION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
GAVILYTE-C SOLUTION	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
GAVILYTE-G SOLUTION	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
GAVILYTE-N SOLUTION	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
GOLYTELY SOLUTION	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
IQIRVO 80 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>lansoprazol-amoxicil-clarithro</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
MYALEPT 11.3 MG (5 MG/ML) VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
GASTROINTESTINAL AGENTS		
<i>peg 3350-electrolyte solution</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>peg-3350 and electrolytes soln</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>peg3350 100-7.5-2.691-1.01-5.9</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
SEROSTIM 6 MG VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
<i>sod sul-potass sul-mag sul sol</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>ursodiol (250 mg tablet, 300 mg capsule, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
VELSIPITY 2 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
VOWST CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (12 per 3 days)
HISTAMINE-2 (H2) RECEPTOR ANTAGONISTS		
<i>cimetidine (200 mg tablet, 300 mg tablet, 400 mg tablet, 800 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
GASTROINTESTINAL AGENTS		
<i>famotidine (20 mg tablet, 40 mg tablet, 40 mg/5 ml susp)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>nizatidine (150 mg capsule, 300 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
PROTECTANTS		
<i>misoprostol (100 mcg tablet, 200 mcg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>sucralfate 1 gm tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
PROTON PUMP INHIBITORS		
<i>esomeprazole magnesium (dr 20 mg cap, dr 40 mg cap)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>lansoprazole (dr 15 mg capsule, dr 30 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>omeprazole (dr 10 mg capsule, dr 40 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>omeprazole dr 20 mg capsule</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>pantoprazole sod dr 20 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
GASTROINTESTINAL AGENTS		
<i>pantoprazole sod dr 40 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>rabeprazole sod dr 20 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
GENETIC, ENZYME, OR PROTEIN DISORDER: REPLACEMENT, MODIFIERS, TREATMENT		
GENETIC, ENZYME, OR PROTEIN DISORDER: REPLACEMENT, MODIFIERS, TREATMENT		
AQNEURSA 1 GRAM GRANULE PACKET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (120 per 30 days)
ARALAST NP 1,000 MG VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
ARALAST NP 500 MG VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>betaine 1 gram/scoop powder</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
GENETIC, ENZYME, OR PROTEIN DISORDER: REPLACEMENT, MODIFIERS, TREATMENT		
CHOLBAM (50 MG CAPSULE, 250 MG CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
CREON (DR 3,000 CAPSULE, DR 6,000 CAPSULE, DR 12,000 CAPSULE, DR 24,000 CAPSULE, DR 36,000 CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
CTEXLI 250 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (90 per 30 days)
CYSTAGON (50 MG CAPSULE, 150 MG CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
CYSTARAN 0.44% EYE DROPS	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
DAYBUE 200 MG/ML SOLUTION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
DUVYZAT 8.86 MG/ML ORAL SUSP	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (420 per 30 days)
GALAFOLD 123 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (14 per 28 days)
GLASSIA (4 GM /200 ML VIAL, 5 GM /250 ML VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
GENETIC, ENZYME, OR PROTEIN DISORDER: REPLACEMENT, MODIFIERS, TREATMENT		
GLASSIA 1 GM/50 ML VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
JAVYGTOR (100 MG POWDER PACKET, 100 MG TABLET, 500 MG POWDER PACKET)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
KEVEYIS 50 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (120 per 30 days)
<i>l-glutamine 5 gram powder pkt</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (180 per 30 days)
<i>miglustat 100 mg capsule</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (90 per 30 days)
MIPLYFFA (47 MG CAPSULE, 62 MG CAPSULE, 93 MG CAPSULE, 124 MG CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (90 per 30 days)
ORMALVI 50 MG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (120 per 30 days)
PALYNZIQ (2.5 MG/0.5 ML SYRINGE, 10 MG/0.5 ML SYRINGE, 20 MG/ML SYRINGE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
GENETIC, ENZYME, OR PROTEIN DISORDER: REPLACEMENT, MODIFIERS, TREATMENT		
PANCREAZE (DR 2,600 CAP, DR 4,200 CAP, DR 10,500 CAP, DR 16,800 CAP, DR 21,000 CAP, DR 37,000 CAP)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
PERTZYE (DR 4,000 CAPSULE, DR 8,000 CAPSULE, DR 16,000 CAPSULE, DR 24,000 CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
PLENAMINE 15% SOLUTION	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
PROLASTIN C (1,000 MG VIAL, 1,000 MG/20 ML VL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
PYRUKYND (20-5 MG PACK, 50-20 MG PACK)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (14 per 14 days)
PYRUKYND 20 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (56 per 28 days)
PYRUKYND 5 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (56 per 28 days)
PYRUKYND 5 MG TAPER PACK	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (7 per 7 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
GENETIC, ENZYME, OR PROTEIN DISORDER: REPLACEMENT, MODIFIERS, TREATMENT		
PYRUKYND 50 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (56 per 28 days)
RAVICTI 1.1 GRAM/ML LIQUID	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
REVCOVI 2.4 MG/1.5 ML VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
RIVFLOZA 128 MG/0.8 ML SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (0.8 per 28 days)
RIVFLOZA 160 MG/ML SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (1 per 28 days)
RIVFLOZA 80 MG/0.5 ML VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (0.5 per 28 days)
<i>sapropterin dihydrochloride (100 mg powder pkt, 100 mg tablet, 500 mg powder pkt)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
SIKLOS (100 MG TABLET, 1,000 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>sodium phenylbutyrate (500mg tb, powder)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
GENETIC, ENZYME, OR PROTEIN DISORDER: REPLACEMENT, MODIFIERS, TREATMENT		
VIOKACE (10,440-39,150 UNIT TAB, 20,880-78,300 UNITS TB)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
VYNDAMAX 61 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
VYNDAQEL 20 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
WAINUA 45 MG/0.8 ML AUTOINJECT	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
WELIREG 40 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO
XROMI 100 MG/ML SOLUTION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
YARGESA 100 MG CAPSULE	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
ZEMAIRA (1,000 MG VIAL, 4,000 MG VIAL, 5,000 MG VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
ZENPEP (DR 3,000 CAPSULE, DR 5,000 CAPSULE, DR 10,000 CAPSULE, DR 15,000 CAPSULE, DR 20,000 CAPSULE, DR 25,000 CAPSULE, DR 40,000 CAPSULE, DR 60,000 CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
GENITOURINARY AGENTS		
ANTISPASMODICS, URINARY		
<i>darifenacin er (er 7.5 mg tablet, er 15 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>fesoterodine fumarate er (er 4 mg tablet, er 8 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>flavoxate hcl 100 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
GEMTESA 75 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
MYRBETRIQ (ER 25 MG TABLET, ER 50 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
MYRBETRIQ ER 8 MG/ML SUSP	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (100 per 10 days)
<i>oxybutynin chloride (5 mg tablet, 5 mg/5 ml soln cup, 5 mg/5 ml solution, 5 mg/5 ml syrup)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>oxybutynin chloride er (er 5 mg tablet, er 10 mg tablet, er 15 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
GENITOURINARY AGENTS		
<i>solifenacin succinate (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>tolterodine tartrate (1 mg tab, 2 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>tolterodine tartrate er (er 2 mg cap, er 4 mg cap)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>tropium chloride 20 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>tropium chloride er 60 mg cap</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
BENIGN PROSTATIC HYPERTROPHY AGENTS		
<i>alfuzosin hcl er 10 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>dutasteride 0.5 mg capsule</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>finasteride 5 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>tadalafil (2.5 mg tablet, 5 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
GENITOURINARY AGENTS		
<i>tamsulosin hcl 0.4 mg capsule</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
GENITOURINARY AGENTS, OTHER		
<i>bethanechol chloride (5 mg tablet, 10 mg tablet, 25 mg tablet, 50 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ELMIRON 100 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (90 per 30 days)
LITHOSTAT 250 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
<i>penicillamine 250 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>tiopronin (100 mg tablet, dr 100 mg tablet, dr 300 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
VENXXIVA (DR 100 MG TABLET, DR 300 MG TABLET)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (ADRENAL)		
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (ADRENAL)		
ACTHAR GEL 400 UNIT/5 ML VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 28 days)
ACTHAR SELFJECT (40 UNIT/0.5 ML, 80 UNIT/ML)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
CORTROPHIN (GEL 40 UNIT/0.5 ML, GEL 80 UNIT/ML SYR)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
CORTROPHIN GEL 400 UNIT/5 ML	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 28 days)
<i>deflazacort (6 mg tablet, 18 mg tablet, 22.75 mg/ml susp, 30 mg tablet, 36 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>dexamethasone (0.5 mg tablet, 0.5 mg/5 ml cup, 0.5 mg/5 ml elx, 0.5 mg/5 ml liq, 0.75 mg tablet, 1 mg tablet, 1.5 mg tablet, 2 mg tablet, 4 mg tablet, 6 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>fludrocortisone 0.1 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (ADRENAL)		
JAYTHARI (6 MG TABLET, 18 MG TABLET, 30 MG TABLET, 36 MG TABLET)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>methylprednisolone (4 mg dosepak, 4 mg tablet, 8 mg tablet, 16 mg tab, 32 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ORAPRED ODT (ODT 10 MG TABLET, ODT 15 MG TABLET, ODT 30 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>prednisolone (15 mg/5 ml soln, 15 mg/5 ml syrup, 15mg/5ml soln cup)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>prednisolone sodium phosphate (sod 1% eye drop, 5 mg/5 ml soln, 10 mg/5 ml soln, 15 mg/5 ml soln, 20 mg/5 ml soln, sod ph 25 mg/5 ml)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>prednisone (1 mg tablet, 2.5 mg tablet, 5 mg tab dose pack, 5 mg tablet, 5 mg/5 ml solution, 10 mg tab dose pack, 10 mg tablet, 20 mg tablet, 50 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (ADRENAL)		
PREDNISON INTENSOL 5 MG/ML	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (PITUITARY)		
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (PITUITARY)		
CRENESSITY (25 MG CAPSULE, 50 MG CAPSULE, 100 MG CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>desmopressin 10 mcg/0.1 ml spr</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>desmopressin acetate (0.01% solution, acetate 0.1 mg tb, acetate 0.2 mg tb)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
EGRIFTA SV 2 MG VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
GENOTROPIN (MINIQUICK 0.2 MG, MINIQUICK 0.4 MG, MINIQUICK 0.6 MG, MINIQUICK 0.8 MG, MINIQUICK 1 MG, MINIQUICK 1.2 MG, MINIQUICK 1.4 MG, MINIQUICK 1.6 MG, MINIQUICK 1.8 MG, MINIQUICK 2 MG, 5 MG CARTRIDGE, 12 MG CARTRIDGE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (PITUITARY)		
HUMATROPE (6 MG CARTRIDGE, 12 MG CARTRIDGE, 24 MG CARTRIDGE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
INCRELEX 40 MG/4 ML VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
ISTURISA (1 MG TABLET, 5 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
NORDITROPIN FLEXPPO (5 MG/1.5, 10 MG/1.5, 15 MG/1.5, 30 MG/3 ML)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
NUTROPIN AQ NUSPIN (5, 10, 20)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
OMNITROPE (5 MG/1.5 ML CRTG, 5.8 MG VIAL, 10 MG/1.5 ML CRTG)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
SEROSTIM (4 MG VIAL, 5 MG VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
SKYTROFA (3 MG CARTRIDGE, 3.6 MG CARTRIDGE, 4.3 MG CARTRIDGE, 5.2 MG CARTRIDGE, 6.3 MG CARTRIDGE, 7.6 MG CARTRIDGE, 9.1 MG CARTRIDGE, 11 MG CARTRIDGE, 13.3 MG CARTRIDGE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (PITUITARY)		
SOGROYA (5 MG/1.5 ML PEN, 10 MG/1.5 ML PEN, 15 MG/1.5 ML PEN)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
ZOMACTON (5 MG VIAL, 10 MG VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (SEX HORMONES/MODIFIERS)		
ANDROGENS		
<i>danazol (50 mg capsule, 100 mg capsule, 200 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>methyltestosterone 10 mg cap</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
<i>testosterone (1% (25mg/2.5g) pk, 1% (50 mg/5 g) pk, 1.62% (2.5 g) pkt, 1.62% gel pump, 1.62%(1.25 g) pkt, 12.5 mg/1.25 gram, 25 mg/2.5 gm pkt, 30 mg/1.5 ml pump, 50 mg/5 gram gel, 50 mg/5 gram pkt)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (SEX HORMONES/MODIFIERS)		
<i>testosterone 10 mg gel pump</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
<i>testosterone cypionate (testosteron 2,000 mg/10 ml, testosterone 100 mg/ml, testosterone 200 mg/ml, testosterone 500 mg/2.5 ml, testosterone 500 mg/5 ml, testosterone 1,000 mg/10ml, testosterone 1,000 mg/5 ml, testosterone 2,000 mg/10ml, testosterone 6,000 mg/30ml)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
<i>testosterone enanthate (testosteron 1,000 mg/5 ml, testosterone 200 mg/ml)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
ESTROGENS		
ANNOVERA VAGINAL RING	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
DEPO-ESTRADIOL 5 MG/ML VIAL	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (SEX HORMONES/MODIFIERS)		
DOTTI (0.025 MG PATCH, 0.0375 MG PATCH, 0.05 MG PATCH, 0.075 MG PATCH, 0.1 MG PATCH)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (8 per 28 days)
ESTRACE 0.01% CREAM	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>estradiol (0.01% cream, 0.5 mg tablet, 1 mg tablet, 2 mg tablet, 10 mcg vaginal insrt)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>estradiol (0.025 mg patch, 0.0375 mg patch, 0.05 mg patch, 0.075 mg patch, 0.1 mg patch)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (8 per 28 days)
<i>estradiol (once weekly) (0.025 mg patch(1/wk), 0.0375mg patch(1/wk), 0.06 mg patch (1/wk), 0.075 mg patch(1/wk), 0.1 mg patch (1/wk))</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (4 per 28 days)
<i>estradiol (twice weekly) (0.025 mg patch(2/wk), 0.0375mg patch(2/wk), 0.05 mg patch (2/wk), 0.075 mg patch(2/wk), 0.1 mg patch (2/wk))</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (8 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (SEX HORMONES/MODIFIERS)		
<i>estradiol 0.05 mg patch (1/wk)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (8 per 28 days)
<i>estradiol valerate (20 mg/ml vial, 40 mg/ml vial, 50 mg/5 ml, 100 mg/5 ml, 200 mg/5 ml)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ESTRING (2 MG VAGINAL RING, 7.5 MCG/DAY (2MG RING))	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
FEMRING (0.05 VAG RING, 0.10 VAG RING)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
IMVEXXY (4 MCG MAINTENANCE PACK, 4 MCG STARTER PACK, 10 MCG MAINTENANCE PAK, 10 MCG STARTER PACK)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (18 per 28 days)
LYLLANA (0.025 MG PATCH, 0.0375 MG PATCH, 0.05 MG PATCH, 0.075 MG PATCH, 0.1 MG PATCH)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (8 per 28 days)
MENOSTAR 14 MCG/DAY PATCH	\$0-\$12.15 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (SEX HORMONES/MODIFIERS)		
PREMARIN (0.3 MG TABLET, 0.45 MG TABLET, 0.625 MG TABLET, 0.9 MG TABLET, 1.25 MG TABLET, VAGINAL CREAM-APPL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
YUVAFEM (10 MCG INSERT, 10 MCG TABLET)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (SEX HORMONES/MODIFIERS), OTHER		
ABIGALE 1 MG-0.5 MG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ABIGALE LO 0.5-0.1 MG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ACTIVELLA 1 MG-0.5 MG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ALTAVERA-28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ALYACEN 1-35 28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (SEX HORMONES/MODIFIERS)		
ANGELIQ (0.25 MG-0.5 MG TABLET, 0.5 MG-1 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
APRI 28 DAY TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ARANELLE 28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ASHLYNA 0.15-0.03-0.01 MG TAB	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
AUBRA EQ-28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
AUBRA-28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
AVIANE-28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
AZURETTE 28 DAY TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
BALCOLTRA TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (SEX HORMONES/MODIFIERS)		
BALZIVA 28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
BEYAZ 28 TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
BLISOVI 24 FE TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
BLISOVI FE 1.5-30 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
BRIELLYN 0.4 MG-0.035 MG TAB	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
CAMRESE LO TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
CLIMARA PRO PATCH	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
COMBIPATCH (0.05-0.14 MG, 0.05-0.25 MG)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
CRYSSELLE-28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734** (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (SEX HORMONES/MODIFIERS)		
CYRED 28 DAY TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
CYRED EQ 28 DAY TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
DOLISHALE 90-20 MCG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>dros-ee-levomef 3-0.02-0.451</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol (3-0.02 mg tab, 3-0.03 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ELURYNG VAGINAL RING	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ENILLORING VAGINAL RING	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ENPRESSE-28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ENSKYCE 28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (SEX HORMONES/MODIFIERS)		
ESTARYLLA 0.25-0.035 MG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>estradiol-norethindrone acetat (0.5-0.1 mg tb, 1-0.5 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>ethynodiol-eth estra 1mg-35mcg</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>etonogestrel-ee vaginal ring</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
FALMINA-28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
FEIRZA (1 MG-20 MCG TABLET, 1.5 MG-30 MCG TABLET)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
FEMLYV 1 MG-0.02 MG ODT	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
FINZALA 1-0.02(24)-75 CHEW TAB	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
FYAVOLV (0.5 MG-2.5 MCG TABLET, 1 MG-5 MCG TABLET)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (SEX HORMONES/MODIFIERS)		
GALBRIELA 0.8-0.025 MG CHEW TB	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
GEMMILY 1 MG-20 MCG CAPSULE	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
HAILEY 24 FE 1 MG-20 MCG TAB	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
HALOETTE VAGINAL RING	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ICLEVIA 0.15 MG-0.03 MG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
INTRAROSA 6.5 MG VAG INSERT	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
INTROVALE 0.15-0.03 MG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ISIBLOOM 28 DAY TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
JAIMIESS 0.15-0.03-0.01 MG TAB	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734** (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (SEX HORMONES/MODIFIERS)		
JASMIEL 3 MG-0.02 MG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
JINTELI 1 MG-5 MCG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
JOYEAUX-28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
JULEBER 28 DAY TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
JUNEL (1 MG-20 MCG TABLET, 1.5 MG-30 MCG TABLET)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
JUNEL FE (1 MG-20 MCG TABLET, 1.5 MG-30 MCG TABLET)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
JUNEL FE 24 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
KAITLIB FE 0.8-0.025MG CHEW TB	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
KARIVA 28 DAY TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (SEX HORMONES/MODIFIERS)		
KELNOR 1-35 28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
KURVELO-28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
KYLEENA 19.5 MG SYSTEM	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA BVD
LARIN (1.5 MG-30 MCG TABLET, 21 1-20 TABLET)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
LARIN FE (1-20 TABLET, 1.5-30 TABLET)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
LESSINA-28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
LEVONEST-28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>levonorg-eth estrad eth estrad (levono-e 0.15-0.03-0.01, levonor-e 0.1-0.02-0.01)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>levonorgestrel-eth estradiol (estra 0.09-0.02 mg, estrad 0.1-0.02 mg, estrad 0.15-0.03, estrad triphasic)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (SEX HORMONES/MODIFIERS)		
LEVORA-28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
LILETTA 52 MG SYSTEM	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA BVD
LO LOESTRIN FE 1-10 TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
LOESTRIN (21 1-20 TABLET, 21 1.5-30 TABLET)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
LOESTRIN FE (1-20 TABLET, 1.5-30 TABLET)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
LOJAIMIESS 0.1-0.02-0.01 TAB	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
LORYNA 3 MG-0.02 MG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
LOW-OGESTREL-28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
LUTERA-28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (SEX HORMONES/MODIFIERS)		
MARLISSA-28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
MERZEE 1 MG-20 MCG CAPSULE	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
MIBELAS 24 FE CHEWABLE TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
MICROGESTIN (21 1-20 TABLET, 21 1.5-30 TAB)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
MICROGESTIN FE (1-20 TABLET, 1.5-30 TAB)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
MILI 0.25-0.035 MG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
MIMVEY 1-0.5 MG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
MINZOYA-28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
MIRENA 52 MG SYSTEM	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA BVD

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (SEX HORMONES/MODIFIERS)		
NATAZIA 28 TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
NECON 0.5-35-28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
NEXTSTELLIS 3-14.2 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
NIKKI 3 MG-0.02 MG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>norelgestrom-ee 150-35 mcg/day</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>noret-estr-fe 0.4-0.035(21)-75</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>norethindron-ethinyl estradiol (norethin-eth 1 mg-5 mcg, norethind-eth 0.5-2.5, norethind-eth 1-0.02 mg)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>norethindrone-e.estradiol-iron (1-0.02(24)-75 cap, 1-0.02(24)-75 chw)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (SEX HORMONES/MODIFIERS)		
<i>norgestimate-ethinyl estradiol (norg-ee 0.18-0.215-0.25/0.025, norg-ee 0.18-0.215-0.25/0.035, norg-ethin estra 0.25-0.035 mg, norgestimate-ee 0.25-0.035 mg)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
NORTREL (0.5-35-28 TABLET, 1-35 21 TABLET, 1-35 28 TABLET, 7-7-7-28 TABLET)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
NUVARING VAGINAL RING	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
NYLIA (1-35 28 TABLET, 7-7-7-28 TABLET)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
OCELLA 3 MG-0.03 MG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
PIMTREA 28 DAY TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
PORTIA-28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
PREMPHASE 0.625-5 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (SEX HORMONES/MODIFIERS)		
PREMPRO (0.3 MG-1.5 MG TABLET, 0.45-1.5 MG TABLET, 0.625-2.5 MG TABLET, 0.625-5 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
RECLIPSEN 28 DAY TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
RIVELSA TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ROSYRAH TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
SAFYRAL TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
SETLAKIN 0.15 MG-0.03 MG TAB	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
SKYLA 13.5 MG SYSTEM	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA BVD
SPRINTEC 28 DAY TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
SRONYX 0.10-0.02 MG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (SEX HORMONES/MODIFIERS)		
SYEDA 28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
TARINA 24 FE 1 MG-20 MCG TAB	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
TARINA FE 1-20 EQ TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
TARINA FE 1-20 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
TILIA FE 28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
TRI-ESTARYLLA TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
TRI-LEGEST FE-28 DAY TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
TRI-LO-ESTARYLLA TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
TRI-LO-SPRINTEC TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (SEX HORMONES/MODIFIERS)		
TRI-MILI 28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
TRI-SPRINTEC TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
TRI-VYLIBRA 28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
TRI-VYLIBRA LO TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
TURQOZ-28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
VALTYA 1 MG-50 MCG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
VELIVET 28 DAY TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
VESTURA 3 MG-0.02 MG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
VIENVA-28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (SEX HORMONES/MODIFIERS)		
VYFEMLA 0.4 MG-0.035 MG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
VYLIBRA 28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
WYMZYA FE (0.4-0.035 MG CHEW TB, CHEWABLE TABLET)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
XARAH FE 1 MG/20-30-35 MCG TAB	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
XELRIA FE 0.4-0.035 MG CHEW TB	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
XULANE 150-35 MCG/DAY PATCH	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
YASMIN 28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
YAZ 28 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ZAFEMY 150-35 MCG/DAY PATCH	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (SEX HORMONES/MODIFIERS)		
ZOVIA 1-35 TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
PROGESTINS		
CAMILA 0.35 MG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
CRINONE (4% GEL, 8% GEL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
DEBLITANE 0.35 MG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
ERRIN 0.35 MG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
GALLIFREY 5 MG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
HEATHER 0.35 MG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
INCASSIA 0.35 MG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (SEX HORMONES/MODIFIERS)		
LYLEQ 0.35 MG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
LYZA 0.35 MG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>medroxyprogesterone acetate (2.5 mg tab, 5 mg tab, 10 mg tab, 150 mg/ml)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>megestrol 400 mg/10ml susp cup</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>megestrol acetate (20 mg tablet, 40 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
<i>megestrol acetate 40mg/ml oral suspension</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
MELEYA 0.35 MG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
NEXPLANON 68 MG IMPLANT	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
NORA-BE TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (SEX HORMONES/MODIFIERS)		
<i>norethindrn 5 mg tb (lupaneta)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>norethindrone 0.35 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>norethindrone 5 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ORQUIDEA 0.35 MG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>progesterone (100 mg capsule, 200 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
SHAROBEL 0.35 MG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
SELECTIVE ESTROGEN RECEPTOR MODIFYING AGENTS		
DUAVEE 0.45-20 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>raloxifene hcl 60 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (THYROID)		
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (THYROID)		
ERMEZA 150 MCG/5 ML SOLUTION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>levothyroxine sodium (13 mcg capsule, 25 mcg capsule, 25 mcg tablet, 50 mcg capsule, 50 mcg tablet, 75 mcg capsule, 75 mcg tablet, 88 mcg capsule, 88 mcg tablet, 100 mcg capsule, 100 mcg tablet, 112 mcg capsule, 112 mcg tablet, 125 mcg capsule, 125 mcg tablet, 137 mcg capsule, 137 mcg tablet, 150 mcg capsule, 150 mcg tablet, 175 mcg capsule, 175 mcg tablet, 200 mcg capsule, 200 mcg tablet, 300 mcg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
LEVOXYL (25 MCG TABLET, 50 MCG TABLET, 75 MCG TABLET, 88 MCG TABLET, 100 MCG TABLET, 112 MCG TABLET, 125 MCG TABLET, 137 MCG TABLET, 150 MCG TABLET, 175 MCG TABLET, 200 MCG TABLET)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (THYROID)		
<i>liothyronine sodium (5 mcg tab, 25 mcg tab, 50 mcg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
REZDIFFRA (60 MG TABLET, 80 MG TABLET, 100 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
SYNTHROID (25 MCG TABLET, 50 MCG TABLET, 75 MCG TABLET, 88 MCG TABLET, 100 MCG TABLET, 112 MCG TABLET, 125 MCG TABLET, 137 MCG TABLET, 150 MCG TABLET, 175 MCG TABLET, 200 MCG TABLET, 300 MCG TABLET)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
THYQUIDITY 100 MCG/5 ML SOLN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
TIROSINT-SOL (13 MCG/ML SOLN, 25 MCG/ML SOLN, 37.5 MCG/ML SOLN, 44 MCG/ML SOLN, 50 MCG/ML SOLN, 62.5 MCG/ML SOLN, 75 MCG/ML SOLN, 88 MCG/ML SOLN, 100 MCG/ML SOLN, 112 MCG/ML SOLN, 125 MCG/ML SOLN, 137 MCG/ML SOLN, 150 MCG/ML SOLN, 175 MCG/ML SOLN, 200 MCG/ML SOLN)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, STIMULANT/REPLACEMENT/MODIFYING (THYROID)		
UNITHROID (25 MCG TABLET, 50 MCG TABLET, 75 MCG TABLET, 88 MCG TABLET, 100 MCG TABLET, 112 MCG TABLET, 125 MCG TABLET, 137 MCG TABLET, 150 MCG TABLET, 175 MCG TABLET, 200 MCG TABLET, 300 MCG TABLET)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, SUPPRESSANT (ADRENAL OR PITUITARY)		
HORMONAL AGENTS, SUPPRESSANT (ADRENAL OR PITUITARY)		
<i>cabergoline 0.5 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
ELIGARD 22.5 MG SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO
ELIGARD 30 MG SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, SUPPRESSANT (ADRENAL OR PITUITARY)		
ELIGARD 30 MG SYRINGE KIT	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO
ELIGARD 45 MG SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO
ELIGARD 7.5 MG SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO
FIRMAGON (2 X 120 MG KIT, 2 X 120 MG VIALS, 80 MG KIT, 80 MG VIAL, 120 MG VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO
<i>leuprolide acetate (1 mg/0.2 ml vial, 2wk 1 mg/0.2 ml kit, 2wk 14 mg/2.8 ml kt, 2wk 14 mg/2.8 ml vl)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
<i>leuprolide depot 22.5 mg vial</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
LUPRON DEPOT (DEPOT 3.75 MG KIT, DEPOT-4 MONTH KIT, DEPOT 7.5 MG KIT, DEPOT 11.25 MG 3MO KIT, DEPOT 22.5 MG 3MO KIT, DEPOT 45 MG 6MO KIT)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, SUPPRESSANT (ADRENAL OR PITUITARY)		
LUPRON DEPOT (LUPANETA) (DEPO 11.25MG (LUPANETA), DEPOT 3.75MG (LUPANETA))	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO
LUPRON DEPOT-PED (7.5 MG KIT, 11.25 MG 3MO, 45 MG 6MO KIT)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO
<i>mifepristone 300 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (120 per 30 days)
MYFEMBREE 40 MG-1 MG-0.5 MG TB	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
<i>octreotide acetate (acet 0.05 mg/ml vl, acet 50 mcg/ml amp, acet 50 mcg/ml vial, acet 100 mcg/ml amp, acet 100 mcg/ml vl, acet 200 mcg/ml vl, acet 500 mcg/ml amp, acet 500 mcg/ml vl, 1,000 mcg/5 ml vial, 1,000 mcg/ml vial, 5,000 mcg/5 ml vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
ORIAHNN 300-1-0.5MG/300MG CAPS	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
RECORLEV 150 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, SUPPRESSANT (ADRENAL OR PITUITARY)		
SIGNIFOR (0.3 MG/ML, 0.6 MG/ML, 0.9 MG/ML)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
SOMAVERT (10 MG VIAL, 15 MG VIAL, 20 MG VIAL, 25 MG VIAL, 30 MG VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
SYNAREL 2 MG/ML NASAL SPRAY	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
TRELSTAR (3.75 MG VIAL, 11.25 MG VIAL, 22.5 MG VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HORMONAL AGENTS, SUPPRESSANT (THYROID)		
ANTITHYROID AGENTS		
<i>methimazole (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>propylthiouracil 50 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
IMMUNOLOGICAL AGENTS		
ANGIOEDEMA AGENTS		
CINRYZE (500 VIAL, 500 VIAL-DILUENT)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
HAEGARDA (2,000 VIAL, 3,000 VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
<i>icatibant 30 mg/3 ml syringe</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
ORLADEYO (110 MG CAPSULE, 150 MG CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
SAJAZIR 30 MG/3 ML SYRINGE	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
TAKHZYRO (150 MG/ML SYRINGE, 300 MG/2 ML SYRINGE, 300 MG/2 ML VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
IMMUNOGLOBULINS		
BIVIGAM (5 GM/50 ML (10%) VIAL, 10 GM/100 ML (10%) VL, LIQUID 10% VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
GAMMAGARD LIQUID 10% VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
IMMUNOLOGICAL AGENTS		
GAMMAGARD S-D (5 G (IGA<1) SOLN, 10 G (IGA<1) SOL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
GAMMAKED 1 GRAM/10 ML VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
GAMMAPLEX (2.5 GRAM/50 ML VIAL, 5 GRAM/100 ML VIAL, 5 GRAM/50 ML VIAL, 10 GRAM/100 ML VIAL, 10 GRAM/200 ML VIAL, 20 GRAM/200 ML VIAL, 20 GRAM/400 ML VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
GAMUNEX-C 1 GRAM/10 ML VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
OCTAGAM (5% (1 G/20 ML) VIAL, 5% (10 G/200 ML) VIAL, 5% (2.5 G/50 ML) VIAL, 5% (5 G/100 ML) VIAL, 5% VIAL, 10% (10 G/100 ML) VIAL, 10% (2 G/20 ML) VIAL, 10% (20 G/200 ML) VIAL, 10% (30 G/300 ML) VIAL, 10% (5 G/50 ML) VIAL, 10% VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
IMMUNOLOGICAL AGENTS		
PANZYGA (10% (1 G/10 ML) VIAL, 10% (10 G/100 ML) VIAL, 10% (2.5 G/25 ML) VIAL, 10% (20 G/200 ML) VIAL, 10% (30 G/300 ML) VIAL, 10% (5 G/50 ML) VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
PRIVIGEN 10% VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
IMMUNOLOGICAL AGENTS		
EMPAVELI 1,080 MG/20 ML VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (160 per 28 days)
FABHALTA 200 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
GRASTEK 2,800 BAU SL TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
ODACTRA 12 SQ-HDM SL TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
REZUROCK 200 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO
TARPEYO DR 4 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
IMMUNOLOGICAL AGENTS		
TAVNEOS 10 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (180 per 30 days)
VOYDEYA (100 MG TABLET, 150 MG DOSE TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (180 per 30 days)
IMMUNOLOGICAL AGENTS, OTHER		
ACTEMRA 162 MG/0.9 ML SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
ACTEMRA ACTPEN 162 MG/0.9 ML	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
ARCALYST 220 MG VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
BENLYSTA (200 MG/ML AUTOINJECT, 200 MG/ML SYRINGE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO
BIMZELX (160 MG/ML SYRINGE, 320 MG/2 ML SYRINGE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
BIMZELX AUTOINJECTOR (160 MG/ML AUTOINJECTOR, 320 MG/2 ML AUTOINJECT)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
IMMUNOLOGICAL AGENTS		
COSENTYX 300 MG DOSE-2 SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
COSENTYX SENSOREADY 150 MG PEN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
COSENTYX SNRDY 300MG DOSE-2PEN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
COSENTYX SYRINGE (75 MG/0.5 ML SYRINGE, 150 MG/ML SYRINGE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
COSENTYX UNOREADY 300 MG PEN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
DUPIXENT PEN (200 MG/1.14 ML PEN, 300 MG/2 ML PEN)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
DUPIXENT SYRINGE (200 MG/1.14 ML SYRING, 300 MG/2 ML SYRINGE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
ILUMYA 100 MG/ML SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
JOENJA 70 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
IMMUNOLOGICAL AGENTS		
KEVZARA (150 MG/1.14 ML PEN INJ, 150 MG/1.14 ML SYRINGE, 200 MG/1.14 ML PEN INJ, 200 MG/1.14 ML SYRINGE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
KINERET 100 MG/0.67 ML SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
LITFULO 50 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
OLUMIANT (1 MG TABLET, 2 MG TABLET, 4 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
OMVOH (100 MG/ML SYRINGE, 200 MG DOSE - 2 SYRINGES, 300 MG DOSE - 2 SYRINGES)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
OMVOH PEN (100 MG/ML PEN, 200 MG DOSE - 2 PENS, 300 MG DOSE - 2 PENS)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
ORENCIA (50 MG/0.4 ML SYRINGE, 87.5 MG/0.7 ML SYRINGE, 125 MG/ML SYRINGE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
IMMUNOLOGICAL AGENTS		
ORENCIA CLICKJECT 125 MG/ML	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
RINVOQ (ER 15 MG TABLET, ER 30 MG TABLET, ER 45 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
RINVOQ LQ 1 MG/ML SOLUTION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
SILIQ 210 MG/1.5 ML SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
SKYRIZI 150 MG/ML PEN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
SKYRIZI 150 MG/ML SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
SKYRIZI 180 MG/1.2 ML ON-BODY	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
SKYRIZI 360 MG/2.4 ML ON-BODY	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
SOTYKTU 6 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
IMMUNOLOGICAL AGENTS		
STELARA (45 MG/0.5 ML SYRINGE, 45 MG/0.5 ML VIAL, 90 MG/ML SYRINGE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
TALTZ 80 MG/ML AUTOINJECTOR	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
TALTZ 80 MG/ML SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
TALTZ SYRINGE (20 MG/0.25 ML SYRINGE, 40 MG/0.5 ML SYRINGE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
TREMFYA (100 MG/ML SYRINGE, 200 MG/2 ML SYRINGE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
TREMFYA 100 MG/ML PEN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
TREMFYA 200 MG/2 ML PEN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
TREMFYA INDCT 200MG/2ML X2 PEN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
XELJANZ (5 MG TABLET, 10 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
IMMUNOLOGICAL AGENTS		
XELJANZ 1 MG/ML SOLUTION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (300 per 30 days)
XELJANZ XR (11 MG TABLET, 22 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
XOLAIR (75 MG/0.5 ML AUTOINJECT, 75 MG/0.5 ML SYRINGE, 150 MG/1.2 ML POWDER VL, 150 MG/ML AUTOINJECTOR, 150 MG/ML SYRINGE, 300 MG/2 ML AUTOINJECT, 300 MG/2 ML SYRINGE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
ZILBRYSQ 16.6 MG/0.416 ML SYRN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (12 per 28 days)
ZILBRYSQ 23 MG/0.574 ML SYRING	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (17 per 28 days)
ZILBRYSQ 32.4 MG/0.81 ML SYRNG	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (23 per 28 days)
IMMUNOSTIMULANTS		
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5 ML VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734** (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
IMMUNOLOGICAL AGENTS		
BESREMI 500 MCG/ML SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO
LEUKINE 250 MCG VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
PEGASYS (180 MCG/0.5 ML SYRINGE, 180 MCG/ML VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
IMMUNOSUPPRESSANTS		
ASTAGRAF XL (0.5 MG CAPSULE, 1 MG CAPSULE, 5 MG CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA BVD
AZASAN (75 MG TABLET, 100 MG TABLET)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA BVD
<i>azathioprine (50 mg tablet, 75 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA BVD
CELLCEPT (200 MG/ML ORAL SUSP, 250 MG CAPSULE, 500 MG TABLET)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA BVD
CIMZIA 2X200 MG VIAL KIT	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
IMMUNOLOGICAL AGENTS		
CIMZIA 2X200 MG/ML SYRINGE KIT	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
<i>cyclosporine (25 mg capsule, 100 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA BVD
<i>cyclosporine modified (25 mg, 50 mg, 100 mg, 100mg/ml)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA BVD
ENBREL (25 MG/0.5 ML SYRINGE, 25 MG/0.5 ML VIAL, 50 MG/ML SYRINGE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
ENBREL 50 MG/ML MINI CARTRIDGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
ENBREL 50 MG/ML SURECLICK	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
<i>everolimus (0.25 mg tablet, 0.5 mg tablet, 0.75 mg tablet, 1 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA BVD
GENGRAF (25 MG CAPSULE, 100 MG CAPSULE)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA BVD
HUMIRA 40 MG/0.8 ML SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
IMMUNOLOGICAL AGENTS		
HUMIRA PEN 40 MG/0.8 ML	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
HUMIRA(CF) (CDV HUMIRA(CF) 10 MG/0.1ML SYR, CDV HUMIRA(CF) 20 MG/0.2ML SYR, CDV HUMIRA(CF) 40 MG/0.4ML SYR, HUMIRA(CF) 10 MG/0.1 ML SYRING, HUMIRA(CF) 20 MG/0.2 ML SYRING, HUMIRA(CF) 40 MG/0.4 ML SYRING)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
HUMIRA(CF) PEN (CDV HUMIRA(CF) PEN 40 MG/0.4ML, CDV HUMIRA(CF) PEN 80 MG/0.8ML, HUMIRA(CF) PEN 40 MG/0.4 ML, HUMIRA(CF) PEN 80 MG/0.8 ML)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
HUMIRA(CF) PEN CRHN-UC-HS 80MG	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
HUMIRA(CF) PEN PS-UV-AHS 80-40	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
IMMUNOLOGICAL AGENTS		
HYFTOR 0.2% GEL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
JYLAMVO 2 MG/ML ORAL SOLUTION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>leflunomide (10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
LUPKYNIS 7.9 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (180 per 30 days)
<i>methotrexate (2.5 mg tablet, 50 mg/2 ml vial, 250 mg/10 ml vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>methotrexate sodium (1 gram/40 ml vial, 25 mg/ml vial, 50 mg/2 ml vial, 100 mg/4 ml vial, 200 mg/8 ml vial, 250 mg/10 ml vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>mycophenolate mofetil (200 mg/ml susp, 250 mg capsule, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA BVD
<i>mycophenolic acid (dr 180 mg tb, dr 360 mg tb)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA BVD
MYFORTIC (180 MG TABLET, 360 MG TABLET)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA BVD

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
IMMUNOLOGICAL AGENTS		
MYHIBBIN 200 MG/ML SUSPENSION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA BVD
NEORAL (25 MG GELATIN CAPSULE, 100 MG GELATIN CAPSULE, 100 MG/ML SOLUTION)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA BVD
PROGRAF (0.2 MG GRANULE PACKET, 0.5 MG CAPSULE, 1 MG CAPSULE, 1 MG GRANULE PACKET, 5 MG CAPSULE)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA BVD
SANDIMMUNE (25 MG CAPSULE, 100 MG CAPSULE)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA BVD
SIMLANDI(CF) (SIMLANDI(CF) 20 MG/0.2 ML, SIMLANDI(CF) 40 MG/0.4 ML, SIMLANDI(CF) 80 MG/0.8 ML)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
SIMLANDI(CF) AUTOINJECTOR (SIMLANDI(CF) 40 MG/0.4 ML, SIMLANDI(CF) 80 MG/0.8 ML)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
SIMPONI (100 MG/ML PEN INJECTOR, 100 MG/ML SYRINGE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (3 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
IMMUNOLOGICAL AGENTS		
SIMPONI (50 MG/0.5 ML PEN INJEC, 50 MG/0.5 ML SYRINGE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (1 per 28 days)
<i>sirolimus (0.5 mg tablet, 1 mg tablet, 1 mg/ml solution, 2 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA BVD
<i>tacrolimus (0.5 mg capsule, 0.5 mg capsule (ir), 1 mg capsule, 1 mg capsule (ir), 5 mg capsule, 5 mg capsule (ir))</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA BVD
XATMEP 2.5 MG/ML ORAL SOLUTION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
ZORTRESS (0.25 MG TABLET, 0.5 MG TABLET, 0.75 MG TABLET, 1 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA BVD
VACCINES		
ABRYSVO VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
ACTHIB VACCINE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
IMMUNOLOGICAL AGENTS		
ADACEL TDAP (SYRINGE, VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
AREXVY VACCINE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>bcg vaccine (tice strain) vial</i>	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
BEXSERO PREFILLED SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
BOOSTRIX TDAP (SYRINGE, VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
DAPTACEL DTAP VACCINE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
ENGERIX-B ADULT (20 MCG/ML SYRN, 20 MCG/ML VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
ENGERIX-B PEDI 10 MCG/0.5 SYRN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
GARDASIL 9 (9 SYRINGE, 9 VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
IMMUNOLOGICAL AGENTS		
HAVRIX (720 UNIT/0.5 ML SYRINGE, 1,440 UNIT/ML SYRINGE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
HEPLISAV-B 20 MCG/0.5 ML SYRNG	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
HIBERIX VACCINE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
IMOVAX RABIES VACCINE VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
INFANRIX DTAP VACCINE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
IPOL VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
IXIARO VACCINE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
JYNNEOS VACCINE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
KINRIX VACCINE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
IMMUNOLOGICAL AGENTS		
M-M-R II VACCINE VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
MENQUADFI VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
MENVEO VACCINE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
MRESVIA 50 MCG/0.5 ML SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
PEDIARIX 0.5 ML SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
PEDVAXHIB VACCINE VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
PENBRAYA VACCINE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
PENMENVY MEN A-B-C-W-Y KIT	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
PENTACEL VACCINE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
PRIORIX VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
IMMUNOLOGICAL AGENTS		
PROQUAD VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
QUADRACEL DTAP-IPV (SYRINGE, VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
RABAVERT VACCINE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
RECOMBIVAX HB (5 MCG/0.5 ML SYR, 5 MCG/0.5 ML VL, 10 MCG/ML SYR, 10 MCG/ML VIAL, 40 MCG/ML VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
ROTARIX VACCINE ORAL SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
ROTATEQ VACCINE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
SHINGRIX VACCINE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (2 per 365 days)
TENIVAC (SYRINGE, VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
TICOVAC (1.2 MCG/0.25 ML SYRING, 2.4 MCG/0.5 ML SYRINGE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
IMMUNOLOGICAL AGENTS		
TRUMENBA 120 MCG/0.5 ML VACCIN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
TWINRIX VACCINE SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
TYPHIM VI (25 MCG/0.5 ML AL, 25 MCG/0.5 ML SYRNG)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
VAQTA (25 UNITS/0.5 ML SYRINGE, 25 UNITS/0.5 ML VIAL, 50 UNITS/ML SYRINGE, 50 UNITS/ML VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
VARIVAX VACCINE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
VAXCHORA VACCINE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
VIMKUNYA 40 MCG/0.8 ML SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
VIVOTIF EC CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
YF-VAX (1 VIAL, 5 VIAL)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
INFLAMMATORY BOWEL DISEASE AGENTS		
AMINOSALICYLATES AND/OR PRODRUGS		
<i>balsalazide disodium 750 mg cp</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>mesalamine (4 gm/60 ml enema, 800 mg dr tablet, 1,000 mg supp)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>mesalamine dr 1.2 gm tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>mesalamine dr 400 mg capsule</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>mesalamine er 500 mg capsule</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (240 per 30 days)
PENTASA 250 MG CAPSULE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (480 per 30 days)
<i>sulfasalazine 500 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>sulfasalazine dr 500 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
GLUCOCORTICOIDS		
ANUSOL-HC 2.5% CREAM	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
INFLAMMATORY BOWEL DISEASE AGENTS		
<i>budesonide 2 mg rectal foam</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>budesonide dr 3 mg capsule</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>budesonide ec 3 mg capsule</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>hydrocortisone (5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet, 100 mg/60 ml)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
METABOLIC BONE DISEASE AGENTS		
METABOLIC BONE DISEASE AGENTS		
<i>alendronate sod 70 mg/75 ml</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>alendronate sodium (35 mg tab, 70 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (4 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
METABOLIC BONE DISEASE AGENTS		
<i>alendronate sodium 10 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
BONSITY 560 MCG/2.24 ML PEN	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>calcitonin-salmon (200 unit spr, 200 units sp)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>calcitriol (0.25 mcg capsule, 0.5 mcg capsule, 1 mcg/ml solution)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>cinacalcet hcl (30 mg tablet, 60 mg tablet, 90 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA BVD
<i>doxercalciferol (0.5 mcg cap, 1 mcg capsule, 2.5 mcg cap)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>ibandronate sodium 150 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (1 per 28 days)
<i>paricalcitol (1 mcg capsule, 2 mcg capsule, 4 mcg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
PROLIA 60 MG/ML SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA NSO
RAYALDEE (ER 30 MCG CAP (HARD), ER 30 MCG CAP (SOFT))	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
METABOLIC BONE DISEASE AGENTS		
<i>risedronate sodium 150 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (1 per 28 days)
<i>risedronate sodium 35 mg tab</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (4 per 28 days)
<i>risedronate sodium 35 mg tab (dose pack of 12)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (4 per 28 days)
SOHONOS (1 MG CAPSULE, 1.5 MG CAPSULE, 2.5 MG CAPSULE, 5 MG CAPSULE, 10 MG CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
<i>teriparatide 560mcg/2.24ml pen</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
TYMLOS 80 MCG DOSE PEN INJECTR	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (2 per 30 days)
XGEVA 120 MG/1.7 ML VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
YORVIPATH 168 MCG/0.56 ML PEN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (1.12 per 28 days)
YORVIPATH 294 MCG/0.98 ML PEN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (1.96 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
METABOLIC BONE DISEASE AGENTS		
YORVIPATH 420 MCG/1.4 ML PEN	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (2.8 per 28 days)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
OPHTHALMIC AGENTS		
OPHTHALMIC AGENTS, OTHER		
<i>atropine 1% eye drop</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>cyclosporine 0.05% eye emuls</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>dorzolamide-timolol eye drops</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>neo-bacit-poly-hc eye ointment</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
NEO-POLYCIN EYE OINTMENT	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
NEO-POLYCIN HC EYE OINTMENT	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
OPHTHALMIC AGENTS		
<i>neomyc-bacit-polymix eye oint</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>neomyc-polym-gramicid eye drop</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>neomycin-poly-hc eye drops</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>neomycin-polymyxin-dexameth (neomyc-polym-dexamet ointm, neomyc-polym-dexameth drop)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
OXERVATE 0.002% EYE DROP	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
<i>pilocarpine hcl 1.25% eye drop</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (5 per 30 days)
<i>sulf-pred 10-0.23% eye drops</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
TOBRADEX EYE OINTMENT	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (7 per 30 days)
<i>tobramycin-dexameth ophth susp</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
OPHTHALMIC AGENTS		
TYRVAYA 0.03 MG NASAL SPRAY	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (8.4 per 30 days)
XIIDRA 5% EYE DROPS	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
OPHTHALMIC ANTI-ALLERGY AGENTS		
<i>azelastine hcl 0.05% drops</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>cromolyn 4% eye drops</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
OPHTHALMIC ANTI-INFECTIVES		
AZASITE 1% EYE DROPS	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>bacitracin 500 unit/gm ophth</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>bacitracin-polymyxin eye oint</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
BESIVANCE 0.6% SUSP	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (5 per 30 days)
CILOXAN 0.3% OINTMENT	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
OPHTHALMIC AGENTS		
<i>ciprofloxacin 0.3% eye drop</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>erythromycin 0.5% eye ointment</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>gatifloxacin 0.5% eye drops</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>gentamicin 0.3% eye drop</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>moxifloxacin (0.5% drops, 0.5% drp-visc)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
NATACYN 5% EYE DROPS	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>ofloxacin 0.3% eye drops</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
POLYCIN EYE OINTMENT	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>polymyxin b-tmp eye drops</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>sulfacetamide sodium (10% drops, 10% ointment)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
OPHTHALMIC AGENTS		
<i>tobramycin 0.3% eye drop</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
TOBREX 0.3% EYE OINTMENT	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>trifluridine 1% eye drops</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
XDEMVIY 0.25% DROP	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
ZIRGAN 0.15% OPHTHALMIC GEL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
OPHTHALMIC ANTI-INFLAMMATORIES		
<i>bromfenac sodium 0.09% eye drp</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (3.4 per 180 days)
<i>dexamethasone 0.1% eye drop</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>diclofenac 0.1% eye drops</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>difluprednate 0.05% eye drop</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
OPHTHALMIC AGENTS		
EYSUVIS 0.25% EYE DROPS	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
FLAREX 0.1% EYE DROPS	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>fluorometholone (0.1% drops, 0.1% eye drop)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>flurbiprofen 0.03% eye drop</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
FML FORTE 0.25% EYE DROPS	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>ketorolac tromethamine (0.4% solution, 0.5% solution)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
LOTEMAX 0.5% EYE OINTMENT	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (10 per 180 days)
<i>loteprednol 0.5% ophthalmc gel</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (10 per 180 days)
<i>loteprednol etabonate (0.2% drp, 0.5% drp)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
NEVANAC (0.1% DROPTAINER, 0.1% EYE DROP)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (6 per 180 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
OPHTHALMIC AGENTS		
PRED MILD 0.12% EYE DROPS	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>prednisolone ac 1% eye drop</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
OPHTHALMIC BETA-ADRENERGIC BLOCKING AGENTS		
<i>betaxolol hcl 0.5% eye drop</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
BETOPTIC S (0.25% DROP, 0.25% DROP)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>carteolol hcl 1% eye drops</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>levobunolol 0.5% eye drops</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>timolol maleate (0.25% gel-solution, maleate 0.25% eye drop, 0.5% eye drop, 0.5% gel-solution, 0.5% gfs gel-solution, maleate 0.5% eye drops)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
OPHTHALMIC INTRAOCULAR PRESSURE LOWERING AGENTS, OTHER		
<i>acetazolamide er 500 mg cap</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
OPHTHALMIC AGENTS		
<i>apraclonidine hcl 0.5% drops</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>bimatoprost 0.03% eye drops</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	ST
<i>brimonidine tartrate (tartrate 0.1% drop, tartrate 0.15% drp, 0.2% eye drop)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>brimonidine-timolol 0.2%-0.5%</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>brinzolamide 1% eye drops</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>dorzolamide hcl 2% eye drops</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
IOPIDINE 1% EYE DROP	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>latanoprost 0.005% eye drops</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
LUMIGAN 0.01% EYE DROPS	\$0-\$12.15 (Tier 2)	ST

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
OPHTHALMIC AGENTS		
<i>methazolamide (25 mg tablet, 50 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>pilocarpine hcl (1% drops, 2% drops, 4% drops)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
RHOPRESSA 0.02% OPHTH SOLUTION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (5 per 30 days)
<i>travoprost 0.004% eye drop</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	ST

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
OTIC AGENTS		
OTIC AGENTS		
<i>acetic acid 2% ear solution</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
CIPRO HC OTIC SUSPENSION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
<i>ciproflox-dexameth otic susp</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
OTIC AGENTS		
<i>fluocinolone oil 0.01% ear drp</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>neomycin-polymyxin-hc ear soln</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>neomycin-polymyxin-hc ear susp</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>ofloxacin 0.3% ear drops</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
RESPIRATORY TRACT/PULMONARY AGENTS		
ANTI-INFLAMMATORIES, INHALED CORTICOSTEROIDS		
ARNUITY ELLIPTA (50 MCG, 100 MCG, 200 MCG)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>budesonide (0.25 mg/2 ml susp, 0.5 mg/2 ml susp, 1 mg/2 ml inh susp)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
RESPIRATORY TRACT/PULMONARY AGENTS		
<i>flunisolide 0.025% spray</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	ST, QL (50 per 30 days)
<i>fluticasone prop 100mcg diskus</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (180 per 30 days)
<i>fluticasone prop 250 mcg disk</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (240 per 30 days)
<i>fluticasone prop 50 mcg diskus</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>fluticasone prop 50 mcg spray</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (16 per 30 days)
QVAR REDHALER (40 MCG, 80 MCG)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (21.2 per 30 days)
ANTI-HISTAMINES		
<i>azelastine 0.1% (137 mcg) spry</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>cyproheptadine hcl (2 mg/5 ml soln, 2 mg/5 ml syrup, 4 mg tablet, 4 mg/10 ml syrpr)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>desloratadine 5 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
RESPIRATORY TRACT/PULMONARY AGENTS		
<i>levocetirizine 2.5 mg/5 ml sol</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>levocetirizine 5 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
ANTILEUKOTRIENES		
<i>montelukast sodium (4 mg granules, 4 mg tab chew, 5 mg tab chew, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>zafirlukast (10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
BRONCHODILATORS, ANTICHOLINERGIC		
ATROVENT 17 MCG HFA INHALER	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
INCRUSE ELLIPTA 62.5 MCG INH	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>ipratropium br 0.02% soln</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>ipratropium bromide (0.03% spray, 0.06% spray)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
RESPIRATORY TRACT/PULMONARY AGENTS		
SPIRIVA RESPIMAT (1.25 MCG, 2.5 MCG)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (4 per 30 days)
<i>tiotropium 18 mcg cap-inhaler</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
BRONCHODILATORS, SYMPATHOMIMETIC		
<i>albuterol hfa 90 mcg inhaler</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>albuterol sulfate (sul 0.63 mg/3 ml sol, sul 1.25 mg/3 ml sol, 2 mg/5 ml syrup cup, sul 2.5 mg/3 ml soln, sulf 2 mg/5 ml syrup, 2.5 mg/0.5 ml sol, 5 mg/ml solution, 8 mg/20 ml syrup cup, 15 mg/3 ml solution, 20 mg/4 ml solution, 25 mg/5 ml solution, 75 mg/15 ml soln, 100 mg/20 ml soln)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>albuterol sulfate hfa 90 mcg inhaler (proair generic)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (17 per 30 days)
<i>albuterol sulfate hfa 90 mcg inhaler (proventil generic)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (13.4 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
RESPIRATORY TRACT/PULMONARY AGENTS		
<i>albuterol sulfate hfa 90 mcg inhaler (ventolin generic)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (36 per 30 days)
<i>arformoterol 15 mcg/2 ml soln</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
<i>epinephrine (0.15 mg auto-inject, 0.3 mg auto-inject)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (2 per 30 days)
<i>levalbuterol conc 1.25 mg/0.5</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
<i>levalbuterol hcl (0.31 mg/3 ml sol, 0.63 mg/3 ml sol, 1.25 mg/3 ml sol)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA NSO
<i>levalbuterol tar hfa 45mcg inh</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
NEFFY (1 MG/0.1 ML NASAL SPRAY, 2 MG/0.1 ML NASAL SPRAY)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (2 per 30 days)
SEREVENT DISKUS 50 MCG	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
STRIVERDI RESPIMAT INHAL SPRAY	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (4 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
RESPIRATORY TRACT/PULMONARY AGENTS		
CYSTIC FIBROSIS AGENTS		
CAYSTON 75 MG INHAL SOLUTION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	
KALYDECO (5.8 MG GRANULES PKT, 13.4 MG GRANULES PKT, 25 MG GRANULES PACKET, 50 MG GRANULES PACKET, 75 MG GRANULES PACKET, 150 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
ORKAMBI (100 MG-125 MG TABLET, 200 MG-125 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (112 per 28 days)
ORKAMBI (75-94 MG GRANULE PKT, 100-125 MG GRANULE PKT, 150-188 MG GRANULE PKT)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (56 per 28 days)
PULMOZYME 1 MG/ML AMPUL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA BVD
SYMDEKO (50/75 MG-75 MG TABLETS, 100/150 MG-150 MG TABS)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số **1-877-412-2734 (TTY 711)**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
RESPIRATORY TRACT/PULMONARY AGENTS		
TOBI PODHALER 28 MG INHALE CAP	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
<i>tobramycin (300 mg/4 ml, 300 mg/5 ml)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
TRIKAFTA (50-25-37.5 MG/75 MG, 100-50-75 MG/150 MG)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (84 per 28 days)
TRIKAFTA (80-40-60MG/59.5MG PKT, 100-50-75 MG/75MG PKT)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (56 per 28 days)
MAST CELL STABILIZERS		
<i>cromolyn sodium (20 mg/2 ml neb soln, 100 mg/5 ml oral conc)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
PHOSPHODIESTERASE INHIBITORS, AIRWAYS DISEASE		
<i>roflumilast (250 mcg tablet, 500 mcg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days), PA NSO
<i>theophylline 80 mg/15 ml cup</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>theophylline 80 mg/15ml oral solution</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
RESPIRATORY TRACT/PULMONARY AGENTS		
<i>theophylline anhydrous (er 100 mg tablet, er 200 mg tablet, er 300 mg tab, er 450 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>theophylline er (er 100 mg tablet, er 200 mg tablet, er 300 mg tablet, er 400 mg tablet, er 450 mg tablet, er 600 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
PULMONARY ANTIHYPERTENSIVES		
ADEMPAS (0.5 MG TABLET, 1 MG TABLET, 1.5 MG TABLET, 2 MG TABLET, 2.5 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, LA
ALYQ 20 MG TABLET	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>ambrisentan (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>bosentan (62.5 mg tablet, 125 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, LA, QL (60 per 30 days)
OPSUMIT 10 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, LA
OPSYNVI (10-20 MG TABLET, 10-40 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, LA, QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
RESPIRATORY TRACT/PULMONARY AGENTS		
ORENITRAM ER (ER 0.125 MG TABLET, ER 0.25 MG TABLET, ER 1 MG TABLET, ER 2.5 MG TABLET, ER 5 MG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
ORENITRAM MONTH 1 TITRATION KT	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
ORENITRAM MONTH 2 TITRATION KT	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
ORENITRAM MONTH 3 TITRATION KT	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
<i>sildenafil 20 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>sildenafil citrate (10 mg/ml oral susp, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
<i>tadalafil 20mg tablet (adcirca generic)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (60 per 30 days)
TADLIQ 20 MG/5 ML SUSPENSION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (300 per 30 days)
TRACLEER 32 MG TABLET FOR SUSP	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, LA, QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
RESPIRATORY TRACT/PULMONARY AGENTS		
TYVASO DPI (16 MCG CARTRIDGE, 16-32-48 MCG TITRAT, 32 MCG CARTRIDGE, 48 MCG CARTRIDGE, 64 MCG CARTRIDGE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
UPTRAVI (200 MCG TABLET, 400 MCG TABLET, 600 MCG TABLET, 800 MCG TABLET, 1,000 MCG TABLET, 1,200 MCG TABLET, 1,400 MCG TABLET, 1,600 MCG TABLET)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
PULMONARY FIBROSIS AGENTS		
OFEV (100 MG CAPSULE, 150 MG CAPSULE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>pirfenidone (267 mg capsule, 267 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (270 per 30 days)
<i>pirfenidone (534 mg tablet, 801 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (90 per 30 days)
RESPIRATORY TRACT AGENTS, OTHER		
<i>acetylcysteine (10% vial, 20% vial)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
RESPIRATORY TRACT/PULMONARY AGENTS		
ALYFTREK 10-50-125 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
ALYFTREK 4-20-50 MG TABLET	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (90 per 30 days)
ANORO ELLIPTA 62.5-25 MCG INH	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
BREO ELLIPTA (50-25 MCG INHALER, 100-25 MCG INHALR, 200-25 MCG INHALR)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
BREYNA (80-4.5 MCG INHALER, 160-4.5 MCG INHALER)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (33 per 30 days)
BREZTRI AEROSPHERE INHALER	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (10.7 per 30 days)
<i>budesonide-formoterol fumarate (80-4.5, 160-4.5)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (33 per 30 days)
COMBIVENT RESPIMAT 20-100 MCG	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (4 per 30 days)
FASENRA (10 MG/0.5 ML SYRINGE, 30 MG/ML SYRINGE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
RESPIRATORY TRACT/PULMONARY AGENTS		
FASENRA PEN 30 MG/ML	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
<i>fluticasone prop hfa 220 mcg</i>	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (24 per 30 days)
<i>fluticasone propionate hfa (hfa 44 mcg, hfa 110 mcg)</i>	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (12 per 30 days)
<i>fluticasone-salmeterol (100-50, 250-50, 500-50)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>fluticasone-salmeterol (55-14, 113-14, 232-14)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (1 per 30 days)
<i>fluticasone-salmeterol hfa (45-21, 115-21, 230-21)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (12 per 30 days)
<i>iprat-albut 0.5-3(2.5) mg/3 ml</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
NUCALA (100 MG/ML AUTO-INJECTOR, 100 MG/ML POWDER VIAL, 100 MG/ML SYRINGE)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (3 per 28 days)
NUCALA 40 MG/0.4 ML SYRINGE	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, QL (0.4 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
RESPIRATORY TRACT/PULMONARY AGENTS		
STIOLTO RESPIMAT (INHAL SPRAY, INHALER (10), INHALER (28), INHALER (60))	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (4 per 30 days)
TRELEGY ELLIPTA (100-62.5-25, 200-62.5-25)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
WINREVAIR (2 PACK) (45 MG KIT, 60 MG KIT)	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
WINREVAIR 45 MG VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
WINREVAIR 60 MG VIAL	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA
WIXELA INHUB (100-50, 250-50, 500-50)	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
SKELETAL MUSCLE RELAXANTS		
SKELETAL MUSCLE RELAXANTS		
<i>carisoprodol 350 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
SKELETAL MUSCLE RELAXANTS		
<i>cyclobenzaprine hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (90 per 30 days)
<i>methocarbamol (500 mg tablet, 750 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	
<i>orphenadrine er 100 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
SLEEP DISORDER AGENTS		
SLEEP PROMOTING AGENTS		
<i>eszopiclone (1 mg tablet, 2 mg tablet, 3 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>ramelteon 8 mg tablet</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>tasimelteon 20 mg capsule</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>temazepam (15 mg capsule, 30 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
SLEEP DISORDER AGENTS		
<i>triazolam (0.125 mg tablet, 0.25 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>zaleplon (5 mg capsule, 10 mg capsule)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>zolpidem tartrate (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>zolpidem tartrate er (er 6.25 mg tab, er 12.5 mg tab)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
WAKEFULNESS PROMOTING AGENTS		
<i>armodafinil (50 mg tablet, 150 mg tablet, 200 mg tablet, 250 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>modafinil (100 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>sodium oxybate 0.5 g/ml soln</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	PA
XYWAV 0.5 GM/ML ORAL SOLUTION	\$0-\$12.15 (Tier 2)	PA, LA

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
SUPPLIES		
SUPPLIES		
<i>gauze pads & dressings - pads 2 x 2</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	ST
<i>insulin pen needle</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	ST, QL (200 per 30 days)
<i>insulin syringe (disp) u-100 0.3 ml</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	ST, QL (200 per 30 days)
<i>insulin syringe (disp) u-100 1/2 ml</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	ST, QL (200 per 30 days)
<i>insulin syringe (disp) u-100 1ml</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	ST, QL (200 per 30 days)
<i>isopropyl alcohol 0.7ml/ml medicated pad</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	ST
<i>needles, insulin disp., safety</i>	\$0-\$4.90 (Tier 1)	ST, QL (200 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của những ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này bằng cách vào Danh sách các Chữ viết tắt ở trang 23.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi cho CalOptima Health OneCare Flex Plus ở số 1-877-412-2734 (TTY 711), 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Để biết thêm thông tin, xin vào www.caloptima.org/onecare.

Mục Lục Thuốc

Trong phần này, quý vị có thể tìm một loại thuốc bằng cách tìm kiếm tên thuốc theo thứ tự bảng chữ cái. Tìm kiếm bằng cách này sẽ cho quý vị biết số trang, nơi quý vị có thể tìm thêm thông tin về sự dài thọ cho loại thuốc của mình.

1

1ST

GENERATION/TYPICAL... 105

2

2ND

GENERATION/ATYPICAL... 107

A

abacavir..... 121

abacavir-lamivudine..... 121

ABIGALE..... 222

ABIGALE LO..... 222

ABILIFY ASIMTUFII..... 107

ABILIFY MAINTENA..... 107

abiraterone acetate..... 78

ABIRTEGA..... 78

ABRYSVO VIAL..... 261

acamprosate calcium..... 32

acarbose..... 130

ACCUTANE..... 180

acebutolol hcl..... 154

acetaminophen-codeine..... 25

acetaminophen-codeine 120-12

mg/5..... 25

acetazolamide..... 159

acetazolamide er..... 277

acetic acid..... 279

acetylcysteine..... 289

acitretin..... 180

ACNE AND ROSACEA

AGENTS..... 180

ACTEMRA..... 250

ACTEMRA ACTPEN..... 250

ACTHAR..... 214

ACTHAR SELFJECT..... 214

ACTHIB VACCINE..... 261

ACTIMMUNE..... 255

ACTIVELLA..... 222

acyclovir..... 126,188

acyclovir sodium..... 126

ADACEL TDAP..... 262

adefovir dipivoxil..... 116

ADEMPAS..... 287

ADLARITY..... 58

AIMOVIG AUTOINJECTOR... 73

AJOVY AUTOINJECTOR... 74

AJOVY AUTOINJECTOR (3

PACK)..... 74

AJOVY SYRINGE..... 74

AKEEGA..... 83

ALA-CORT..... 182

albendazole..... 100

albuterol sulfate..... 283

albuterol sulfate hfa..... 283

albuterol sulfate hfa 90 mcg

inhaler (Proair generic)..... 283

albuterol sulfate hfa 90 mcg

inhaler (Proventil generic)... 283

albuterol sulfate hfa 90 mcg

inhaler (Ventolin generic)... 284

ALCOHOL

DETERRENTS/ANTI-

CRAVING..... 32

ALECENSA..... 83

alendronate sodium... 268,269

alfuzosin hcl er..... 212

aliskiren..... 159

ALKYLATING AGENTS..... 78

allopurinol..... 72

alogliptin..... 130

alogliptin-metformin..... 130

alosetron hcl..... 201

ALPHA-ADRENERGIC

AGONISTS..... 149

ALPHA-ADRENERGIC

BLOCKING AGENTS..... 149

alprazolam..... 128

ALTAVERA..... 222

ALUNBRIG..... 83,84

ALYACEN..... 222

ALYFTREK..... 290

ALYQ..... 287

amantadine..... 103

ambrisentan..... 287

amcinonide..... 182

amikacin sulfate..... 35

amiloride hcl..... 164

amiloride-

hydrochlorothiazide..... 159

AMINOGLYCOSIDES..... 35

AMINOSALICYLATES

AND/OR PRODRUGS..... 267

amiodarone hcl..... 152

amitriptyline hcl..... 65

amlodipine besylate..... 156

amlodipine besylate-

benazepril..... 159

amlodipine-atorvastatin..... 159

amlodipine-olmesartan..... 160

amlodipine-valsartan..... 160

amlodipine-valsartan-hctz... 160

ammonium lactate..... 182

AMNESTEEM..... 180

amoxapine..... 66

amoxicillin..... 41

amoxicillin-clavulanate

potass..... 41

amphotericin b..... 69

amphotericin b liposome..... 70

ampicillin sodium..... 42

ampicillin trihydrate..... 41

<i>ampicillin-sulbactam</i>	42	ANTI-HIV AGENTS, NON-NUCLEOSIDE REVERSE TRANSCRIPTASE INHIBITORS (NNRTI).....	120	ANTIGOUT AGENTS.....	72
AMYOTROPHIC LATERAL SCLEROSIS (ALS) AGENTS.....	170	ANTI-HIV AGENTS, NUCLEOSIDE AND NUCLEOTIDE REVERSE TRANSCRIPTASE INHIBITORS (NRTI).....	121	ANTIGOUT AGENTS.....	72
<i>anagrelide hcl</i>	144	ANTI-HIV AGENTS, OTHER.....	123	ANTIHERPETIC AGENTS.....	126
ANALGESICS.....	25	ANTI-HIV AGENTS, PROTEASE INHIBITORS (PI).....	124	ANTIHISTAMINES.....	281
ANALGESICS.....	25	ANTI-INFLAMMATORIES, INHALED CORTICOSTEROIDS.....	280	ANTILEUKOTRIENES.....	282
ANALGESICS COMBINATIONS.....	25	ANTI-INFLUENZA AGENTS.....	125	ANTIMETABOLITES.....	80
<i>anastrozole</i>	83	ANTIANDROGENS.....	78	ANTIMIGRAINE AGENTS.....	73
ANDROGENS.....	218	ANTIANGIOGENIC AGENTS.....	79	ANTIMIGRAINE AGENTS.....	73
ANESTHETICS.....	31	ANTIARRHYTHMICS.....	152	ANTIMYASTHENIC AGENTS.....	76
ANGELIQ.....	223	ANTIBACTERIALS.....	35	ANTIMYCOBACTERIALS.....	77
ANGIOEDEMA AGENTS.....	247	ANTIBACTERIALS, OTHER.....	36	ANTIMYCOBACTERIALS, OTHER.....	77
ANGIOTENSIN II RECEPTOR ANTAGONISTS.....	150	ANTICHOLINERGICS.....	102	ANTINEOPLASTICS.....	78
ANGIOTENSIN-CONVERTING ENZYME (ACE) INHIBITORS.....	151	ANTICOAGULANTS.....	141	ANTINEOPLASTICS, OTHER.....	81
ANNOVERA.....	219	ANTICONVULSANTS.....	48	ANTINEOPLASTICS, OTHER.....	81
ANORO ELLIPTA.....	290	ANTICONVULSANTS, OTHER.....	48	ANTIPARASITICS.....	100
ANTHELMINTHICS.....	100	ANTIDEMENTIA AGENTS.....	58	ANTIPARKINSON AGENTS.....	102
ANTI-ADDICTION/SUBSTANCE ABUSE TREATMENT AGENTS.....	32	ANTIDEPRESSANTS.....	59	ANTIPARKINSON AGENTS, OTHER.....	103
ANTI-CONSTIPATION AGENTS.....	199	ANTIDEPRESSANTS, OTHER.....	59	ANTIPROTOZOALS.....	101
ANTI-CYTOMEGALOVIRUS (CMV) AGENTS.....	116	ANTIDIABETIC AGENTS.....	130	ANTIPSYCHOTICS.....	105
ANTI-DIARRHEAL AGENTS.....	201	ANTIEMETICS.....	67	ANTIPSYCHOTICS.....	114
ANTI-HEPATITIS B (HBV) AGENTS.....	116	ANTIEMETICS, OTHER.....	67	ANTISPASMODICS, GASTROINTESTINAL.....	201
ANTI-HEPATITIS C (HCV) AGENTS.....	117	ANTIESTROGENS/MODIFIER S.....	80	ANTISPASMODICS, URINARY.....	211
ANTI-HIV AGENTS, INTEGRASE INHIBITORS (INSTI).....	119	ANTIFUNGALS.....	69	ANTISPASTICITY AGENTS.....	115
		ANTIFUNGALS.....	69	ANTISPASTICITY AGENTS.....	115

ANXIOLYTICS, OTHER.....	127	ATTENTION DEFICIT	BALZIVA.....	224
<i>apraclonidine hcl</i>	278	HYPERACTIVITY DISORDER	BAQSIMI.....	135
<i>aprepitant</i>	68,69	AGENTS, NON-	BARACLUDGE.....	117
APRI.....	223	AMPHETAMINES.....	BAXDELA.....	45
APTIVUS.....	124	ATTRUBY.....	<i>bcg vaccine (tice strain)</i>	262
AQNEURSA.....	205	AUBRA.....	<i>benazepril hcl</i>	151
ARALAST NP.....	205	AUBRA EQ.....	<i>benazepril-</i>	
ARANELLE.....	223	AUGTYRO.....	<i>hydrochlorothiazide</i>	160
ARANESP.....	144	AUSTEDO.....	BENIGN PROSTATIC	
ARCALYST.....	250	AUSTEDO XR.....	HYPERTROPHY AGENTS.....	212
AREXVY VACCINE.....	262	AUSTEDO XR TITRATION	BENLYSTA.....	250
<i>arformoterol tartrate</i>	284	KT(WK1-4).....	BENZODIAZEPINES.....	128
ARIKAYCE.....	35	AUVELITY.....	<i>benztropine mesylate</i>	102
<i>aripiprazole</i>	108	AVIANE.....	BESIVANCE.....	273
<i>aripiprazole odt</i>	108	AVMAPKI-FAKZYNJA.....	BESREMI.....	256
ARISTADA.....	108	AVONEX.....	BETA-ADRENERGIC	
ARISTADA INITIO.....	108	AVONEX (4 PACK).....	BLOCKING AGENTS.....	154
<i>armodafinil</i>	294	AVONEX PEN.....	BETA-LACTAM,	
ARNUITY ELLIPTA.....	280	AVONEX PEN (4 PACK).....	CEPHALOSPORINS.....	38
AROMATASE INHIBITORS,		AVYCAZ.....	BETA-LACTAM,	
3RD GENERATION.....	83	AYVAKIT.....	PENICILLINS.....	41
<i>asenapine maleate</i>	108	AZASAN.....	<i>betaine anhydrous</i>	205
ASHLYNA.....	223	AZASITE.....	<i>betamethasone diprop</i>	
<i>aspirin-dipyridamole er</i>	148	<i>azathioprine</i>	<i>augmented</i>	182
ASTAGRAF XL.....	256	<i>azelaic acid</i>	<i>betamethasone</i>	
<i>atazanavir sulfate</i>	124	<i>azelastine hcl</i>	<i>dipropionate</i>	182
<i>atenolol</i>	154	<i>azithromycin</i>	<i>betamethasone valerate</i>	182
<i>atenolol-chlorthalidone</i>	160	<i>azithromycin 250 mg tablet</i>	BETASERON 0.3 MG	
<i>atomoxetine hcl</i>	172	<i>(dose pack)</i>	INJECTION.....	176
<i>atorvastatin calcium</i>	165	<i>azithromycin 500 mg tablet</i>	<i>betaxolol hcl</i>	154,277
<i>atovaquone</i>	101	<i>(dose pack)</i>	<i>bethanechol chloride</i>	213
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	101	<i>aztreonam</i>	BETOPTIC S.....	277
<i>atropine 1% eye drop</i>	271	AZURETTE.....	<i>bexarotene</i>	99
ATROVENT HFA.....	282	B	BEXSERO.....	262
ATTENTION DEFICIT		<i>bacitracin</i>	BEYAZ.....	224
HYPERACTIVITY DISORDER		<i>bacitracin-polymyxin</i>	<i>bicalutamide</i>	78
AGENTS,		<i>baclofen</i>	BICILLIN C-R.....	42
AMPHETAMINES.....	170	BALCOLTRA.....	BICILLIN L-A.....	42
		<i>balsalazide disodium</i>	BIKTARVY.....	119
		BALVERSA.....	<i>bimatoprost</i>	278
			BIMZELX.....	250

BIMZELX AUTOINJECTOR	250	<i>buprenorphine hcl</i>	32	<i>carbidopa-levodopa-</i>	
BIPOLAR AGENTS	129	<i>buprenorphine-naloxone</i>	33	<i>entacapone</i>	103
<i>bisoprolol fumarate</i>	154	<i>bupropion hcl</i>	60	CARDIOVASCULAR	
<i>bisoprolol-</i>		<i>bupropion hcl sr</i>	34,60	AGENTS	149
<i>hydrochlorothiazide</i>	160	<i>bupropion xl</i>	60	CARDIOVASCULAR AGENTS,	
BIVIGAM	247	<i>bupirone hcl</i>	127	OTHER	159
BLISOVI 24 FE	224	<i>butalbital-acetaminophen-</i>		<i>carglumic acid</i>	190
BLISOVI FE	224	<i>caffeine 50-325-40 mg tablet</i>	25	<i>carisoprodol</i>	292
BLOOD GLUCOSE				<i>carteolol hcl</i>	277
REGULATORS	130	C		CARTIA XT	157
BLOOD PRODUCTS AND		<i>cabergoline</i>	243	<i>carvedilol</i>	154
MODIFIERS	141	CABLIVI 11 MG VIAL KIT	148	<i>caspofungin acetate</i>	70
BLOOD PRODUCTS AND		CABOMETYX	85	CAYSTON	285
MODIFIERS, OTHER	144	<i>calcipotriene</i>	185	<i>cefaclor</i>	39
BONSITY	269	CALCITONIN GENE-RELATED		<i>cefadroxil</i>	39
BOOSTRIX TDAP	262	PEPTIDE (CGRP) RECEPTOR		<i>cefazolin sodium</i>	39
<i>bosentan</i>	287	ANTAGONISTS	73	<i>cefdinir</i>	39
BOSULIF	84	<i>calcitonin-salmon</i>	269	<i>cefepime hcl</i>	39
BRAFTOVI	84	<i>calcitriol</i>	269	<i>cefixime</i>	39
BREO ELLIPTA	290	CALCIUM CHANNEL		<i>cefotetan</i>	39
BREYNA	290	BLOCKING AGENTS,		<i>cefoxitin</i>	39
BREZTRI AEROSPHERE	290	DIHYDROPYRIDINES	156	<i>cefpodoxime proxetil</i>	40
BRIELLYN	224	CALCIUM CHANNEL		<i>cefprozil</i>	40
BRILINTA	148	BLOCKING AGENTS,		<i>ceftazidime</i>	40
<i>brimonidine tartrate</i>	278	NONDIHYDROPYRIDINES	157	<i>ceftriaxone</i>	40
<i>brimonidine tartrate-timolol</i>	278	CALCIUM CHANNEL		<i>cefuroxime</i>	40
<i>brinzolamide</i>	278	MODIFYING AGENTS	51	<i>cefuroxime sodium</i>	40
BRIVIACT	48	CALQUENCE	85	<i>celecoxib</i>	26
<i>bromfenac sodium</i>	275	CAMILA	238	CELLCEPT	256
<i>bromocriptine mesylate</i>	103	CAMRESE LO	224	CENTRAL NERVOUS	
BRONCHODILATORS,		CAMZYOS	161	SYSTEM AGENTS	170
ANTICHOLINERGIC	282	<i>candesartan cilexetil</i>	150	CENTRAL NERVOUS	
BRONCHODILATORS,		CAPLYTA	109	SYSTEM AGENTS,	
SYMPATHOMIMETIC	283	CAPRELSA	85	OTHER	174
BRUKINSA	84	<i>carbamazepine</i>	55	<i>cephalexin</i>	40
<i>budesonide</i>	268,280	<i>carbamazepine er</i>	55	<i>cevimeline hcl</i>	179
<i>budesonide dr</i>	268	CARBAPENEMS	44	CHEMET	193
<i>budesonide ec</i>	268	<i>carbidopa</i>	104	<i>chlordiazepoxide hcl</i>	128
<i>budesonide-formoterol</i>		<i>carbidopa-levodopa</i>	104	<i>chlorhexidine gluconate</i>	179
<i>fumarate</i>	290	<i>carbidopa-levodopa er</i>	105	<i>chloroquine phosphate</i>	101
<i>bumetanide</i>	163			<i>chlorpromazine hcl</i>	105

<i>chlorthalidone</i>	164	<i>clomipramine hcl</i>	66	COTELLIC.....	85
CHOLBAM.....	206	<i>clonazepam</i>	52	CRENESSITY.....	216
<i>cholestyramine</i>	166	<i>clonazepam 0.125 mg odt</i>	52	CREON.....	206
<i>cholestyramine light</i>	166	<i>clonazepam 0.5 mg odt</i>	52	CRINONE.....	238
CHOLINESTERASE		<i>clonazepam 1 mg odt</i>	52	<i>cromolyn sodium</i>	273,286
INHIBITORS.....	58	<i>clonidine</i>	149	CROTAN.....	187
<i>ciclopirox</i>	188	<i>clonidine hcl</i>	149	CRYSSELLE.....	224
<i>cilostazol</i>	148	<i>clonidine hcl er</i>	172	CTEXLI.....	206
CILOXAN.....	273	<i>clopidogrel</i>	148	<i>cyclobenzaprine hcl</i>	293
CIMDUO.....	121	<i>clorazepate dipotassium</i>	52	<i>cyclophosphamide</i>	78
<i>cimetidine</i>	203	<i>clotrimazole</i>	70	<i>cyclosporine</i>	257,271
CIMZIA (2 PACK).....	256	<i>clotrimazole-</i>		<i>cyclosporine modified</i>	257
CIMZIA 2X200 MG/ML		<i>betamethasone</i>	186	<i>cyproheptadine hcl</i>	281
SYRINGE KIT.....	257	<i>clozapine</i>	115	CYRED.....	225
<i>cinacalcet hcl</i>	269	<i>clozapine odt</i>	115	CYRED EQ.....	225
CINRYZE.....	247	COARTEM.....	101	CYSTAGON.....	206
CIPRO HC.....	279	COBENFY.....	114	CYSTARAN.....	206
<i>ciprofloxacin hcl</i>	45,46,274	COBENFY STARTER		CYSTIC FIBROSIS	
<i>ciprofloxacin-d5w</i>	45	PACK.....	114	AGENTS.....	285
<i>ciprofloxacin-</i>		<i>codeine sulfate</i>	30		
<i>dexamethasone</i>	279	<i>colchicine</i>	73	D	
<i>citalopram hbr</i>	61	<i>colesevelam hcl</i>	130,166	<i>dabigatran etexilate</i>	141
CLARAVIS.....	181	<i>colestipol hcl</i>	167	<i>dalfampridine er</i>	176
<i>clarithromycin</i>	45	<i>colistimethate</i>	36	DALVANCE.....	36
CLEOCIN.....	188	COMBIPATCH.....	224	<i>danazol</i>	218
CLIMARA PRO.....	224	COMBIVENT RESPIMAT.....	290	<i>dantrolene sodium</i>	115
<i>clindamycin (pediatric)</i>	36	COMETRIQ.....	85	DANZITEN.....	85
<i>clindamycin 1% gel</i>	188	CONSTULOSE.....	199	<i>dapsone</i>	77
<i>clindamycin hcl</i>	36	COPIKTRA.....	85	DAPTACEL DTAP.....	262
<i>clindamycin pediatric</i>	36	CORLANOR.....	161	<i>daptomycin</i>	37
<i>clindamycin phos-benzoyl</i>		CORTROPHIN.....	214	<i>darifenacin er</i>	211
<i>perox</i>	181	CORTROPHIN GEL 400		<i>darunavir</i>	124
<i>clindamycin phosphate</i>	36,188	UNIT/5 ML.....	214	<i>dasatinib</i>	85,86
<i>clindamycin phosphate-d5w</i>	36	COSENTYX (2 SYRINGES).....	251	DAURISMO.....	86
CLINIMIX.....	194	COSENTYX SENSOREADY (2		DAYBUE.....	206
CLINIMIX E.....	194	PENS).....	251	DEBLITANE.....	238
CLINISOL.....	195	COSENTYX SENSOREADY		<i>deferasirox</i>	193
CLINOLIPID.....	195	PEN.....	251	<i>deferiprone</i>	193
<i>clobazam</i>	52	COSENTYX SYRINGE.....	251	<i>deferiprone (3 times a day)</i>	193
<i>clobetasol emollient</i>	183	COSENTYX UNOREADY		<i>deflazacort</i>	214
<i>clobetasol propionate</i>	183	PEN.....	251	DELSTRIGO.....	120

<i>demeclocycline hcl</i>	47	<i>dextrose 5%-0.9% nacl</i>	195	DOLISHALE.....	225
DENTAL AND ORAL		<i>dextrose in water</i>	196	<i>donepezil hcl</i>	58
AGENTS.....	179	DIACOMIT.....	48	<i>donepezil hcl odt</i>	58
DENTAL AND ORAL		<i>diazepam</i>	53,128,129	DOPAMINE AGONISTS...	103
AGENTS.....	179	<i>diazoxide</i>	136	DOPAMINE PRECURSORS	
DEPO-ESTRADIOL.....	219	<i>diclofenac epolamine</i>	27	AND/OR L-AMINO ACID	
DEPO-SUBQ PROVERA		<i>diclofenac potassium</i>	27	DECARBOXYLASE	
104.....	238	<i>diclofenac</i>		INHIBITORS.....	104
DERMATITIS AND PRURITUS		<i>sodium</i>	26,27,186,275	DOPTelet.....	148
AGENTS.....	182	<i>diclofenac sodium er</i>	27	<i>dorzolamide hcl</i>	278
DERMATOLOGICAL		<i>dicloxacillin sodium</i>	42	<i>dorzolamide-timolol</i>	271
AGENTS.....	180	<i>dicyclomine hcl</i>	201	DOTTI.....	220
DERMATOLOGICAL AGENTS,		DIFICID.....	45	DOVATO.....	119
OTHER.....	185	<i>diflorasone diacetate</i>	183	<i>doxazosin mesylate</i>	149
DESCOVY.....	122	<i>difluprednate</i>	275	<i>doxepin hcl</i>	66,183
<i>desipramine hcl</i>	66	<i>digoxin</i>	152,161	<i>doxercalciferol</i>	269
<i>desloratadine</i>	281	<i>digoxin 125 mcg tablet</i>	152	DOXY 100.....	47
<i>desmopressin 10 mcg/0.1 ml</i>		<i>digoxin 250 mcg tablet</i>	153	<i>doxycycline hyclate</i>	47,179
<i>spr</i>	216	<i>dihydroergotamine mesylate</i>	74	<i>doxycycline monohydrate</i>	47
<i>desmopressin acetate</i>	216	DILANTIN.....	55	DRIZALMA SPRINKLE.....	62
<i>desonide</i>	183	DILANTIN-125.....	56	<i>dronabinol</i>	69
<i>desoximetasone</i>	183	DILT-XR.....	157	<i>drospirenone-eth estra-</i>	
<i>desvenlafaxine er</i>	62	<i>diltiazem 12hr er</i>	157	<i>levomef</i>	225
<i>desvenlafaxine succinate er</i>	62	<i>diltiazem 24hr er</i>	157	<i>drospirenone-ethinyl</i>	
<i>dexamethasone</i>	214	<i>diltiazem 24hr er (cd)</i>	158	<i>estradiol</i>	225
<i>dexamethasone sodium</i>		<i>diltiazem 24hr er (xr)</i>	158	<i>droxidopa</i>	149
<i>phosphate</i>	275	<i>diltiazem hcl</i>	158	DUAVEE.....	240
<i>dextroamphetamine</i>		<i>dimethyl fumarate</i>	176	<i>duloxetine hcl</i>	62
<i>sulfate</i>	170,171	<i>diphenoxylate-atropine</i>	201	DUPIXENT PEN.....	251
<i>dextroamphetamine sulfate</i>		<i>dipyridamole</i>	148	DUPIXENT SYRINGE.....	251
<i>er</i>	171	<i>disopyramide phosphate</i>	153	<i>dutasteride</i>	212
<i>dextroamphetamine-amphet</i>		<i>disulfiram</i>	32	DUVYZAT.....	206
<i>er</i>	171	DIURETICS, LOOP.....	163	DYSLIPIDEMICS, FIBRIC	
<i>dextroamphetamine-</i>		DIURETICS, POTASSIUM-		ACID DERIVATIVES.....	165
<i>amphetamine</i>	170,171	SPARING.....	164	DYSLIPIDEMICS, HMG COA	
<i>dextrose 10%-0.2% nacl</i>	195	DIURETICS, THIAZIDE.....	164	REDUCTASE INHIBITORS	165
<i>dextrose 10%-0.45% nacl</i>	195	DIURIL.....	164	DYSLIPIDEMICS, OTHER.	166
<i>dextrose 2.5%-0.45% nacl</i>	195	<i>divalproex sodium</i>	48		
<i>dextrose 5%-0.2% nacl</i>	195	<i>divalproex sodium er</i>	49	E	
<i>dextrose 5%-0.225% nacl</i>	195	<i>dofetilide</i>	153	<i>ec-naproxen</i>	27
<i>dextrose 5%-0.45% nacl</i>	195	DOJOLVI.....	193	<i>econazole nitrate</i>	189

EDURANT.....	120	<i>enalapril maleate</i>	151	ESTARYLLA.....	226
EDURANT PED.....	120	<i>enalapril-</i>		ESTRACE.....	220
<i>efavirenz</i>	120	<i>hydrochlorothiazide</i>	161	<i>estradiol</i>	220
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir</i>		ENBREL.....	257	<i>estradiol (once weekly)</i> 220,221	
<i>disop</i>	120	ENBREL MINI.....	257	<i>estradiol (twice weekly)</i>	220
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir</i>		ENBREL SURECLICK.....	257	<i>estradiol valerate</i>	221
<i>disop</i>	120	ENDOCET.....	25	<i>estradiol-norethindrone</i>	
EGRIFTA SV.....	216	ENGERIX-B ADULT.....	262	<i>acetat</i>	226
ELECTROLYTE/MINERAL		ENGERIX-B PEDIATRIC-		ESTRING.....	221
REPLACEMENTS.....	190	ADOLESCENT.....	262	ESTROGENS.....	219
ELECTROLYTE/MINERAL/ME		ENILLORING.....	225	<i>eszopiclone</i>	293
TAL MODIFIERS.....	193	<i>enoxaparin sodium</i>	142	<i>ethambutol hcl</i>	77
ELECTROLYTES/MINERALS/		ENPRESSE.....	225	<i>ethosuximide</i>	51
METALS/VITAMINS.....	190	ENSKYCE.....	225	<i>ethynodiol-ethinyl estradiol</i>	226
ELECTROLYTES/MINERALS/		ENSPRYNG.....	177	<i>etodolac</i>	27
METALS/VITAMINS.....	194	<i>entacapone</i>	103	<i>etonogestrel-ethinyl</i>	
ELIGARD.....	244	<i>entecavir</i>	117	<i>estradiol</i>	226
ELIGARD 22.5 MG		ENULOSE.....	199	<i>etravirine</i>	121
SYRINGE.....	243	EPCLUSA.....	117,118	EULEXIN.....	79
ELIGARD 30 MG SYRINGE	243	EPIDIOLEX 100 MG/ML		<i>everolimus</i>	86,257
ELIGARD 45 MG SYRINGE	244	SOLUTION.....	49	EVOTAZ.....	124
ELIGARD 7.5 MG		<i>epinephrine</i>	284	<i>exemestane</i>	83
SYRINGE.....	244	<i>epiphenone</i>	168	EYSUVIS.....	276
ELIQUIS.....	142	EPOGEN.....	145	<i>ezetimibe</i>	167
ELMIRON.....	213	ERAXIS.....	70		
<i>eltrombopag olamine</i>	145	ERGOT ALKALOIDS.....	74	F	
ELURYNG.....	225	ERIVEDGE.....	86	FABHALTA.....	249
ELYXYB.....	73	ERLEADA.....	79	FALMINA.....	226
EMETOGENIC THERAPY		<i>erlotinib hcl</i>	86	<i>famciclovir</i>	126
ADJUNCTS.....	68	ERMEZA.....	241	<i>famotidine</i>	204
EMGALITY 300 MG (100 MG X		ERRIN.....	238	FANAPT.....	109
3 SYRINGE).....	74	<i>ertapenem</i>	44	FARXIGA.....	130
EMGALITY PEN.....	74	ERYTHROCIN		FASENRA.....	290
EMGALITY SYRINGE.....	74	LACTOBIONATE.....	45	FASENRA PEN.....	291
EMPAVELI.....	249	<i>erythromycin</i>	45,189,274	FEIRZA.....	226
EMSAM.....	61	<i>erythromycin-benzoyl</i>		<i>felbamate</i>	49
<i>emtricitabine</i>	122	<i>peroxide</i>	181	<i>felodipine er</i>	156
<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir</i>	120	ERZOFRI.....	109	FEMLYV.....	226
<i>emtricitabine-tenofovir</i>		<i>escitalopram oxalate</i>	62	FEMRING.....	221
<i>disop</i>	122	<i>eslicarbazepine acetate</i>	56	<i>fenofibrate</i>	165
EMTRIVA.....	122	<i>esomeprazole magnesium</i>	204	<i>fenofibric acid</i>	165

<i>fentanyl</i>	28	<i>fosinopril sodium</i>	151	<i>gefitinib</i>	87
FERRIPROX.....	193	<i>fosinopril-</i>		<i>gemfibrozil</i>	165
<i>fesoterodine fumarate er</i>	211	<i>hydrochlorothiazide</i>	161	GEMMILY.....	227
FETZIMA.....	62,63	FOTIVDA.....	86	GEMTESA.....	211
FIBROMYALGIA AGENTS.....	175	FRAGMIN.....	142,143	GENERLAC.....	199
FILSPARI.....	161	FRUZAQLA.....	86	GENETIC, ENZYME, OR	
FILSUVEZ.....	186	FULPHILA.....	145	PROTEIN DISORDER:	
<i>finasteride</i>	212	<i>furosemide</i>	164	REPLACEMENT, MODIFIERS,	
<i> fingolimod</i>	177	FYAVOLV.....	226	TREATMENT.....	205
FINTEPLA.....	49	FYCOMPA.....	49	GENETIC, ENZYME, OR	
FINZALA.....	226	FYLNETRA.....	145	PROTEIN DISORDER:	
FIRMAGON.....	244			REPLACEMENT, MODIFIERS,	
FLAREX.....	276	G		TREATMENT.....	205
<i>flavoxate hcl</i>	211	<i>gabapentin</i>	53	GENGRAF.....	257
<i>flecainide acetate</i>	153	GALAFOLD.....	206	GENITOURINARY	
<i>fluconazole</i>	70	<i>galantamine er</i>	58	AGENTS.....	211
<i>fluconazole in saline</i>	70	<i>galantamine hbr</i>	58	GENITOURINARY AGENTS,	
<i>fluconazole-nacl</i>	70	<i>galantamine hydrobromide</i>	58	OTHER.....	213
<i>flucytosine</i>	70	GALBRIELA.....	227	GENOTROPIN.....	216
<i>fludrocortisone acetate</i>	214	GALLIFREY.....	238	<i>gentamicin sulfate</i>	35,189,274
<i>flunisolide</i>	281	GAMMA-AMINOBUTYRIC		<i>gentamicin sulfate in ns</i>	35
<i>fluocinolone acetonide</i>	183	ACID (GABA) MODULATING		GENVOYA.....	119
<i>fluocinolone acetonide oil</i>	280	AGENTS.....	52	GILENYA.....	177
<i>fluocinonide</i>	183	GAMMAGARD LIQUID.....	247	GILOTRIF.....	87
<i>fluocinonide-e</i>	184	GAMMAGARD S-D.....	248	GIMOTI.....	67
<i>fluoride</i>	190	GAMMAKED.....	248	GLASSIA.....	206,207
<i>fluorometholone</i>	276	GAMMAPLEX.....	248	<i>glatiramer acetate</i>	177
<i>fluorouracil</i>	186	GAMUNEX-C.....	248	GLATOPA.....	177
<i>fluoxetine hcl</i>	63	GARDASIL 9.....	262	GLEOSTINE.....	78
<i>fluphenazine decanoate</i>	105	GASTROINTESTINAL		<i>glimepiride</i>	131
<i>fluphenazine hcl</i>	106	AGENTS.....	199	<i>glipizide</i>	131
<i>flurbiprofen sodium</i>	276	GASTROINTESTINAL		<i>glipizide er</i>	131
<i>fluticasone propionate</i>	184,281	AGENTS, OTHER.....	202	<i>glipizide xl</i>	131
<i>fluticasone propionate hfa</i>	291	<i>gatifloxacin</i>	274	<i>glipizide-metformin</i>	131
<i>fluticasone-salmeterol</i>	291	GATTEX 5 MG INJECTION.....	202	GLOPERBA.....	73
<i>fluticasone-salmeterol hfa</i>	291	<i>gauze pads & dressings - pads</i>		GLUCAGON 1 MG	
<i>fluvoxamine maleate</i>	63	<i>2 x 2</i>	295	EMERGENCY KIT.....	136
FML FORTE.....	276	GAVILYTE-C.....	202	GLUCOCORTICOIDS.....	267
<i>fondaparinux sodium</i>	142	GAVILYTE-G.....	202	<i>glucose 5%-0.9% nacl</i>	196
<i>fosamprenavir calcium</i>	124	GAVILYTE-N.....	202	<i>glucose in water</i>	196
<i>fosfomycin tromethamine</i>	37	GAVRETO.....	87	<i>glyburide</i>	132

<i>glyburide-metformin hcl</i>	132	HISTAMINE-2 (H2)	HUMALOG JUNIOR
GLYCEMIC AGENTS.....	135	RECEPTOR	KWIKPEN.....
<i>glycopyrrolate</i>	202	ANTAGONISTS.....	203
GOLYTELY.....	202	HORMONAL AGENTS,	100.....
GOMEKLI.....	87	STIMULANT/REPLACEMENT/	HUMALOG KWIKPEN U-
<i>granisetron hcl</i>	69	MODIFYING (ADRENAL).....	214
GRANIX.....	145	HORMONAL AGENTS,	200.....
GRASTEK.....	249	STIMULANT/REPLACEMENT/	HUMALOG MIX 50-50
<i>griseofulvin</i>	71	MODIFYING (ADRENAL).....	214
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	71	HORMONAL AGENTS,	KWIKPEN.....
<i>guanfacine hcl</i>	149	STIMULANT/REPLACEMENT/	HUMALOG MIX 75-25.....
<i>guanfacine hcl er</i>	172	MODIFYING (PITUITARY).....	216
GVOKE.....	136	HORMONAL AGENTS,	HUMALOG MIX 75-25
GVOKE HYPOPEN 1-		STIMULANT/REPLACEMENT/	KWIKPEN.....
PACK.....	136	MODIFYING (PITUITARY).....	216
GVOKE HYPOPEN 2-		HORMONAL AGENTS,	HUMATROPE.....
PACK.....	136	STIMULANT/REPLACEMENT/	HUMIRA.....
GVOKE PFS 1-PACK		MODIFYING (SEX	HUMIRA PEN.....
SYRINGE.....	136	HORMONES/MODIFIERS).....	257
GVOKE PFS 2-PACK		HORMONAL AGENTS,	HUMIRA(CF).....
SYRINGE.....	136	STIMULANT/REPLACEMENT/	HUMIRA(CF) PEN.....
		MODIFYING (SEX	HUMIRA(CF) PEN CROHN'S-
		HORMONES/MODIFIERS).....	UC-HS.....
		HORMONAL AGENTS,	HUMIRA(CF) PEN PSOR-UV-
		STIMULANT/REPLACEMENT/	ADOL HS.....
		MODIFYING (SEX	HUMULIN 70-30.....
		HORMONES/MODIFIERS),	HUMULIN 70/30 KWIKPEN
		OTHER.....	138
HAEGARDA.....	247	HORMONAL AGENTS,	HUMULIN N.....
HAILEY 24 FE.....	227	STIMULANT/REPLACEMENT/	138
<i>halobetasol propionate</i>	184	MODIFYING (THYROID).....	138
HALOETTE.....	227	HORMONAL AGENTS,	HUMULIN R.....
<i>haloperidol</i>	106	STIMULANT/REPLACEMENT/	138
<i>haloperidol decanoate</i>	106	MODIFYING (THYROID).....	138
<i>haloperidol decanoate 100</i>	106	HORMONAL AGENTS,	<i>hydralazine hcl</i>
<i>haloperidol lactate</i>	106	SUPPRESSANT (ADRENAL	<i>hydrochlorothiazide</i>
HAVRIX.....	263	OR PITUITARY).....	164
HEATHER.....	238	HORMONAL AGENTS,	<i>hydrocodone-</i>
HEMADY.....	100	STIMULANT/REPLACEMENT/	<i>acetaminophen</i>
HEMOSTASIS AGENTS.....	147	MODIFYING (THYROID).....	25
<i>heparin sodium</i>	143	HORMONAL AGENTS,	<i>hydrocodone-acetaminophen</i>
HEPLISAV-B.....	263	SUPPRESSANT (ADRENAL	<i>10-325mg</i>
HERNEXEOS.....	87	OR PITUITARY).....	26
HIBERIX VACCINE.....	263	HORMONAL AGENTS,	<i>hydrocodone-acetaminophen</i>
		SUPPRESSANT	<i>7.5-325mg</i>
		(THYROID).....	26
		HUMALOG.....	<i>hydrocodone-ibuprofen</i>
			26
			<i>hydrocortisone</i>
			184,268
			<i>hydrocortisone butyrate</i>
			184
			<i>hydrocortisone valerate</i>
			184
			<i>hydromorphone hcl</i>
			30
			<i>hydroxychloroquine sulfate</i>
			101

<i>hydroxyurea</i>	81	<i>indapamide</i>	165	INVOKAMET XR.....	132
<i>hydroxyzine 2 mg/ml oral solution</i>	128	<i>indomethacin</i>	28	INVOKANA.....	132
<i>hydroxyzine hcl</i>	128	INFANRIX DTAP VACCINE	263	IOPIDINE.....	278
<i>hydroxyzine pamoate</i>	128	INFLAMMATORY BOWEL DISEASE AGENTS.....	267	IPOL.....	263
HYFTOR.....	259	INGREZZA.....	175	<i>ipratropium bromide</i>	282
		INGREZZA INITIATION PK(TARDIV).....	175	<i>ipratropium-albuterol</i>	291
<i>ibandronate sodium</i>	269	INGREZZA SPRINKLE.....	175	IQIRVO.....	202
IBRANCE.....	87	INLYTA.....	88	<i>irbesartan</i>	150
IBTROZI.....	87	INQOVI.....	81	<i>hydrochlorothiazide</i>	161
IBU.....	27	INREBIC.....	89	ISENTRESS.....	119
<i>ibuprofen</i>	27	<i>insulin aspart</i>	138	ISENTRESS HD.....	119
<i>icatibant</i>	247	<i>insulin aspart flexpen</i>	138	ISIBLOOM.....	227
ICLEVIA.....	227	<i>insulin aspart penfill</i>	138	ISOLYTE P WITH DEXTROSE.....	196
ICLUSIG.....	88	<i>insulin aspart prot mix 70-30</i>	139	ISOLYTE S.....	190
<i>icosapent ethyl</i>	167	<i>insulin aspart prot mix 70-30</i>	139	<i>isoniazid</i>	77
IDHIFA.....	88	<i>insulin glargine max solostar</i>	139	<i>isopropyl alcohol 0.7ml/ml medicated pad</i>	295
ILUMYA.....	251	<i>insulin glargine solostar</i>	139	<i>isosorbide dinitrate</i>	169
<i>imatinib mesylate</i>	88	<i>insulin glargine-yfgn</i>	139	<i>isosorbide mononit er 60 mg tb</i>	169
IMBRUVICA.....	88	<i>insulin lispro</i>	139	<i>isosorbide mononitrate er</i> ..	169
<i>imipenem-cilastatin sodium</i> ..	44	<i>insulin lispro junior kwikpen</i> ..	139	<i>isotretinoin</i>	181
<i>imipramine hcl</i>	66	<i>insulin lispro kwikpen u-100</i> ..	139	ISTURISA.....	217
<i>imiquimod</i>	186	<i>insulin lispro protamine mix</i> ..	139	ITOVEBI.....	89
IMKELDI.....	88	<i>insulin pen needle</i>	295	<i>itraconazole</i>	71
IMMUNOGLOBULINS.....	247	<i>insulin syringe (disp) u-100 0.3 ml</i>	295	<i>ivabradine hcl</i>	161
IMMUNOLOGICAL AGENTS.....	247	<i>insulin syringe (disp) u-100 1/2 ml</i>	295	<i>ivermectin</i>	100
IMMUNOLOGICAL AGENTS.....	249	<i>insulin syringe (disp) u-100 1ml</i>	295	IWILFIN.....	81
IMMUNOLOGICAL AGENTS, OTHER.....	250	INSULINS.....	137	IXIARO VACCINE.....	263
IMMUNOSTIMULANTS.....	255	INTELENCE.....	121		
IMMUNOSUPPRESSANTS.....	256	INTRALIPID.....	196	JAIMIESS.....	227
IMOVAX RABIES VACCINE.....	263	INTRAROSA.....	227	JAKAFI.....	89
IMPAVIDO.....	101	INTROVALE.....	227	<i>jantoven</i>	144
IMVEXXY.....	221	INVEGA HAFYERA.....	110	JANUMET.....	132
INCASSIA.....	238	INVEGA SUSTENNA.....	110	JANUMET XR.....	133
INCRELEX.....	217	INVEGA TRINZA.....	110,111	JANUVIA.....	133
INCRUSE ELLIPTA.....	282	INVOKAMET.....	132	JARDIANCE.....	133
				JASMIEL.....	228

JAVYGTOR.....	207	KLOXXADO.....	33	<i>leuprolide depot</i>	244
JAYPIRCA.....	89	KOSELUGO.....	90	<i>levabuterol concentrate</i>	284
JAYTHARI.....	215	KOURZEQ.....	179	<i>levabuterol hcl</i>	284
JINTELI.....	228	KRAZATI.....	90	<i>levabuterol tartrate hfa</i>	284
JOENJA.....	251	KRINTAFEL.....	101	<i>levetiracetam</i>	50
JOURNAVX.....	25	KRISTALOSE.....	200	<i>levetiracetam er</i>	50
JOYEAUX.....	228	KURVELO.....	229	<i>levobunolol hcl</i>	277
JULEBER.....	228	KYLEENA.....	229	<i>levocarnitine</i>	197
JULUCA.....	119			<i>levocetirizine</i>	
JUNEL.....	228	L		<i>dihydrochloride</i>	282
JUNEL FE.....	228	<i>l-glutamine</i>	207	<i>levofloxacin</i>	46
JUNEL FE 24.....	228	<i>labetalol hcl</i>	155	<i>levofloxacin-d5w</i>	46
JUXTAPID.....	167	<i>lacosamide</i>	56	LEVONEST.....	229
JYLAMVO.....	259	<i>lactulose</i>	200	<i>levonorg-eth estrad eth</i>	
JYNARQUE.....	194	<i>lamivudine</i>	122	<i>estrad</i>	229
JYNNEOS VACCINE.....	263	<i>lamivudine 100 mg tablet</i>	117	<i>levonorgestrel-eth estradiol</i>	229
		<i>lamivudine-zidovudine</i>	122	LEVORA-28.....	230
		<i>lamotrigine</i>	49	<i>levorphanol tartrate</i>	28
		<i>lamotrigine (blue)</i>	49	<i>levothyroxine sodium</i>	241
KAITLIB FE.....	228	<i>lamotrigine (green)</i>	49	LEVOXYL.....	241
KALETRA.....	124	<i>lamotrigine (orange)</i>	49	<i>lidocaine</i>	31
KALYDECO.....	285	<i>lansoprazol-amoxicil-</i>		<i>lidocaine hcl</i>	31
KARIVA.....	228	<i>clarithro</i>	202	<i>lidocaine hcl viscous</i>	31
<i>kcl-d5w-0.2% nacl</i>	196	<i>lansoprazole</i>	204	<i>lidocaine-prilocaine</i>	31
<i>kcl-d5w-0.225% nacl</i>	197	LANTUS.....	139	LILETTA.....	230
<i>kcl-d5w-0.45% nacl</i>	197	LANTUS SOLOSTAR.....	139	<i>linezolid</i>	37
<i>kcl-d5w-0.9% nacl</i>	197	<i>lapatinib</i>	90	<i>linezolid-d5w</i>	37
KELNOR 1-35.....	229	LARIN.....	229	LINZESS.....	200
KERENDIA.....	168	LARIN FE.....	229	<i>liothyronine sodium</i>	242
<i>ketoconazole</i>	71	<i>latanoprost</i>	278	<i>lisinopril</i>	151
<i>ketorolac tromethamine</i>	276	LAZCLUZE.....	90	<i>lisinopril-</i>	
KEVEYIS.....	207	<i>ledipasvir-sofosbuvir</i>	118	<i>hydrochlorothiazide</i>	161
KEVZARA.....	252	<i>leflunomide</i>	259	LITFULO.....	252
KINERET.....	252	<i>lenalidomide</i>	79	<i>lithium carbonate</i>	129
KINRIX VACCINE.....	263	LENVIMA.....	90	<i>lithium carbonate er</i>	130
KIONEX.....	198	LESSINA.....	229	<i>lithium citrate</i>	130
KISQALI.....	89	<i>letrozole</i>	83	LITHOSTAT.....	213
KISQALI FEMARA CO-		<i>leucovorin calcium</i>	100	LIVTENCITY.....	116
PACK.....	81,82	LEUKERAN.....	78	LO LOESTRIN FE.....	230
KLAYESTA.....	71	LEUKINE.....	256	LOCAL ANESTHETICS.....	31
KLOR-CON 10.....	190	<i>leuprolide acetate</i>	244	LOESTRIN.....	230
KLOR-CON 8.....	190				

LOESTRIN FE.....	230				METABOLIC BONE DISEASE
<i>lofexidine hcl</i>	33	M			AGENTS.....
LOJAIMIESS.....	230	M-M-R II VACCINE.....	264	<i>metformin hcl</i>	133
LOKELMA.....	198,199	MACROLIDES.....	44	<i>metformin hcl er</i>	133
LONSURF.....	82	<i>magnesium sulfate</i>	190,197	<i>methadone hcl</i>	29
<i>loperamide</i>	201	<i>malathion</i>	188	<i>methazolamide</i>	279
<i>lopinavir-ritonavir</i>	124	<i>maraviroc</i>	123	<i>methimazole</i>	246
<i>lorazepam</i>	129	MARLISSA.....	231	<i>methocarbamol</i>	293
LORAZEPAM INTENSOL.....	129	MARPLAN.....	61	<i>methotrexate</i>	259
LORBRENA.....	90,91	MAST CELL STABILIZERS.....	286	<i>methotrexate sodium</i>	259
LORYNA.....	230	MATULANE.....	78	<i>methoxsalen</i>	186
<i>losartan potassium</i>	150	MAVENCLAD.....	177	<i>methsuximide</i>	52
<i>losartan-</i>		MAVYRET.....	118	<i>methylphenidate</i>	172
<i>hydrochlorothiazide</i>	162	MAYZENT.....	177,178	<i>methylphenidate er</i>	172,173
LOTEMAX.....	276	<i>meclizine hcl</i>	67	<i>methylphenidate er (la)</i>	173
<i>loteprednol etabonate</i>	276	<i>medroxyprogesterone</i>		<i>methylphenidate hcl</i>	172,173
<i>lovastatin</i>	165	<i>acetate</i>	239	<i>methylphenidate hcl cd</i>	173
LOW-OGESTREL.....	230	<i>mefloquine hcl</i>	101	<i>methylphenidate hcl er (cd)</i>	173
<i>loxapine</i>	106	<i>megestrol acetate</i>	239	<i>methylphenidate la</i>	173
<i>lubiprostone</i>	200	<i>megestrol acetate 40mg/ml oral</i>		<i>methylphenidate sr</i>	174
LUMAKRAS.....	91	<i>suspension</i>	239	<i>methylprednisolone</i>	215
LUMIGAN.....	278	MEKINIST.....	91	<i>methyltestosterone</i>	218
LUPKYNIS.....	259	MEKTOVI.....	92	<i>metoclopramide hcl</i>	67
LUPRON DEPOT.....	244	MELEYA.....	239	<i>metolazone</i>	165
LUPRON DEPOT		<i>meloxicam</i>	28	<i>metoprolol succinate</i>	155
(LUPANETA).....	245	<i>memantine hcl</i>	59	<i>metoprolol tartrate</i>	155
LUPRON DEPOT-PED.....	245	<i>memantine hcl er</i>	59	<i>metoprolol-</i>	
<i>lurasidone hcl</i>	111	MENOSTAR.....	221	<i>hydrochlorothiazide</i>	162
LUTERA.....	230	MENQUADFI.....	264	<i>metronidazole</i>	37
LYBALVI.....	111	MENVEO VACCINE.....	264	<i>metyrosine</i>	162
LYLEQ.....	239	<i>mepredine hcl</i>	30	<i>mexiletine hcl</i>	153
LYLLANA.....	221	<i>meprobamate</i>	128	MIBELAS 24 FE.....	231
LYNPARZA.....	91	<i>mercaptopurine</i>	80	<i>micafungin</i>	71
LYSODREN.....	82	<i>meropenem</i>	44	<i>miconazole 3</i>	71
LYTGOBI.....	91	MERZEE.....	231	MICROGESTIN.....	231
LYUMJEV.....	140	<i>mesalamine</i>	267	MICROGESTIN FE.....	231
LYUMJEV KWIKPEN U-100140		<i>mesalamine dr</i>	267	<i>midodrine hcl</i>	149
LYUMJEV KWIKPEN U-200140		<i>mesalamine er</i>	267	<i>mifepristone</i>	245
LYZA.....	239	<i>mesna</i>	100	MIGERGOT.....	75
		METABOLIC BONE DISEASE		<i>miglustat</i>	207
		AGENTS.....	268	MILI.....	231

MIMVEY.....	231	<i>mycophenolic acid</i>	259	<i>neomycin-polymyxin-</i>	
MINERALOCORTICOID		MYFEMBREE.....	245	<i>hydrocort</i>	280
RECEPTOR		MYFORTIC.....	259	NEORAL.....	260
ANTAGONISTS.....	168	MYHIBBIN.....	260	NERLYNX.....	92
<i>minocycline hcl</i>	47	MYRBETRIQ.....	211	NEUAC.....	181
<i>minoxidil</i>	169	MYTESI.....	201	NEULASTA.....	146
MINZOYA.....	231			NEUPOGEN.....	146
MIPLYFFA.....	207	N		NEUPRO.....	103
MIRENA.....	231	N-METHYL-D-ASPARTATE		NEVANAC.....	276
<i>mirtazapine</i>	60	(NMDA) RECEPTOR		<i>nevirapine</i>	121
<i>misoprostol</i>	204	ANTAGONIST.....	59	<i>nevirapine er</i>	121
<i>modafinil</i>	294	<i>nabumetone</i>	28	NEXLETOL.....	162
MODEYSO.....	92	<i>nadolol</i>	155	NEXLIZET.....	167
<i>moexipril hcl</i>	151	<i>nafacillin sodium</i>	42	NEXPLANON.....	239
MOLECULAR TARGET		<i>naftifine hcl</i>	189	NEXTSTELLIS.....	232
INHIBITORS.....	83	<i>naloxone hcl</i>	33	<i>niacin er</i>	167
<i>molindone hcl</i>	106	<i>naltrexone hcl</i>	32	NICOTROL NS.....	34
<i>mometasone furoate</i>	184	<i>naproxen</i>	28	<i>nifedipine</i>	156
MONOAMINE OXIDASE B		<i>naratriptan 1 mg tablet</i>	75	<i>nifedipine er</i>	156
(MAO-B) INHIBITORS.....	105	<i>naratriptan 2.5 mg tablet</i>	75	NIKKI.....	232
MONOAMINE OXIDASE		NATACYN.....	274	<i>nilutamide</i>	79
INHIBITORS.....	61	NATAL PNV.....	197	<i>nimodipine</i>	157
<i>montelukast sodium</i>	282	NATAZIA.....	232	NINLARO.....	92
MOOD STABILIZERS.....	129	<i>nateglinide</i>	134	<i>nitazoxanide</i>	102
<i>morphine sulfate</i>	30	NAYZILAM.....	53	NITRO-BID.....	169
<i>morphine sulfate er</i>	29	<i>nebivolol hcl</i>	155	<i>nitrofurantoin</i>	37
MOUNJARO.....	134	NECON.....	232	<i>nitrofurantoin mono-macro</i>	37
MOVANTIK.....	200	<i>needles, insulin disp., safety</i>	295	<i>nitroglycerin</i>	169
<i>moxifloxacin</i>	46,274	<i>nefazodone hcl</i>	63	<i>nitroglycerin patch</i>	169
<i>moxifloxacin hcl</i>	46	NEFFY.....	284	NITROSTAT.....	169
MRESVIA.....	264	NEO-POLYCIN.....	271	NIVESTYM.....	146
MULTAQ.....	153	NEO-POLYCIN HC.....	271	<i>nizatidine</i>	204
<i>multiple electrolytes t1</i>		<i>neomycin sulfate</i>	35	NONSTEROIDAL ANTI-	
<i>ph5.5</i>	190	<i>neomycin-bacitracin-poly-hc</i>	271	INFLAMMATORY DRUGS.....	26
<i>multiple electrolytes t1</i>		<i>neomycin-bacitracin-</i>		NORA-BE.....	239
<i>ph7.4</i>	190	<i>polymyxin</i>	272	NORDITROPIN FLEXPRO.....	217
MULTIPLE SCLEROSIS		<i>neomycin-polymyxin-</i>		<i>norelgestromin-eth</i>	
AGENTS.....	176	<i>dexameth</i>	272	<i>estradiol</i>	232
<i>mupirocin</i>	189	<i>neomycin-polymyxin-</i>		<i>norethin-eth estra-ferrous</i>	
MYALEPT.....	202	<i>gramicidin</i>	272	<i>fum</i>	232
<i>mycophenolate mofetil</i>	259	<i>neomycin-polymyxin-hc</i>	272,280		

<i>oxacillin sodium</i>	43	<i>penicillin g sodium</i>	43	PLATELET MODIFYING
<i>oxazepam</i>	129	<i>penicillin gk-iso-osm</i>		AGENTS.....
<i>oxcarbazepine</i>	56	<i>dextrose</i>	43	PLEGRIDY.....
OXERVATE.....	272	<i>penicillin v potassium</i>	43	PLEGRIDY PEN.....
<i>oxiconazole nitrate</i>	189	PENMENVY MEN A-B-C-W-		PLENAMINE.....
OXISTAT.....	189	Y.....	264	<i>pmdd fluoxetine 10mg tablet</i>
<i>oxybutynin chloride</i>	211	PENTACEL VACCINE.....	264	<i>pmdd fluoxetine 20mg tablet</i>
<i>oxybutynin chloride er</i>	211	<i>pentamidine isethionate</i>	102	<i>podofilox</i>
<i>oxycodone hcl</i>	30	PENTASA.....	267	POLYCIN.....
<i>oxycodone-acetaminophen</i> ..	26	<i>pentoxifylline</i>	162	<i>polymyxin b sul-</i>
<i>oxymorphone hcl</i>	31	<i>perampanel</i>	50	<i>trimethoprim</i>
<i>oxymorphone hcl er</i>	29	<i>perindopril erbumine</i> ... 151,152		<i>polymyxin b sulfate</i>
OZEMPIC.....	134	<i>permethrin</i>	188	POMALYST.....
		<i>perphenazine</i>	107	PONVORY.....
		<i>perphenazine-amitriptyline</i> ..	60	PORTIA.....
P		PERSERIS.....	112	<i>posaconazole</i>
<i>paliperidone er</i>	112	PERSERIS ER 90 MG		POTASSIUM BINDERS....
PALYNZIQ.....	207	SYRINGE KIT.....	112	<i>potassium chloride</i>
PANCREAZE.....	208	PERTZYE.....	208	<i>potassium chloride in d5lr</i> ..
PANRETIN.....	99	<i>phenelzine sulfate</i>	61	<i>potassium chloride proamp</i> ..
<i>pantoprazole sodium</i> ... 204,205		<i>phenobarbital</i>	53	<i>potassium chloride-0.45%</i>
PANZYGA.....	249	<i>phenoxybenzamine hcl</i>	150	<i>nacl</i>
PARASYMPATHOMIMETICS.7		PHENYTEK.....	56	<i>potassium chloride-0.9%</i>
6		<i>phenytoin</i>	57	<i>nacl</i>
<i>paricalcitol</i>	269	<i>phenytoin sodium extended</i> ..	57	<i>potassium chloride-dextrose</i>
<i>paroxetine hcl</i>	63,64	PHOSPHODIESTERASE		5%.....
PAXLOVID.....	127	INHIBITORS, AIRWAYS		<i>potassium chloride-water</i> ..
<i>pazopanib hcl</i>	93	DISEASE.....	286	<i>potassium citrate er</i>
PEDIARIX.....	264	PIFELTRO.....	121	<i>pramipexole</i>
PEDICULICIDES/SCABICIDES		<i>pilocarpine hcl</i>	179,272,279	<i>dihydrochloride</i>
187		<i>pimecrolimus</i>	184	<i>prasugrel hcl</i>
PEDVAXHIB.....	264	<i>pimozide</i>	107	<i>pravastatin sodium</i>
<i>peg 3350-electrolyte</i>	203	PIMTREA.....	233	<i>praziquantel</i>
<i>peg-3350 and electrolytes</i> ..	203	<i>pindolol</i>	155	<i>prazosin hcl</i>
<i>peg3350-sod sul-nacl-kcl-asb-</i>		<i>pioglitazone hcl</i>	134	PRED MILD.....
<i>c</i>	203	<i>piperacillin-tazobactam</i>	43	<i>prednisolone</i>
PEGASYS.....	256	PIQRAY.....	93	<i>prednisolone acetate</i>
PEMAZYRE.....	93	<i>pirfenidone</i>	289	<i>prednisolone sodium</i>
PENBRAYA VACCINE.....	264	<i>piroxicam</i>	28	<i>phosphate</i>
<i>penciclovir</i>	127	PLASMA-LYTE A.....	191	<i>prednisone</i>
<i>penicillamine</i>	213	PLASMA-LYTE A PH 7.4... 190		PREDNISONE INTENSOL.216
<i>penicillin g potassium</i>	43			

<i>pregabalin</i>	54	PROTECTANTS.....	204	<i>ramipril</i>	152
<i>pregabalin er</i>	175	PROTON PUMP		<i>ranolazine er</i>	162
PREMARIN.....	222	INHIBITORS.....	204	<i>rasagiline mesylate</i>	105
PREMASOL.....	198	<i>protriptyline hcl</i>	67	RAVICTI.....	209
PREMPHASE.....	233	PRURADIK.....	188	RAYALDEE.....	269
PREMPRO.....	234	PULMONARY		REBIF.....	178
<i>prenatal vitamin with minerals</i>		ANTIHYPERTENSIVES.....	287	REBIF REBIDOSE.....	178
<i>and folic acid greater than 0.8</i>		PULMONARY FIBROSIS		RECLIPSEN.....	234
<i>mg oral tablet</i>	198	AGENTS.....	289	RECOMBIVAX HB.....	265
PREVALITE.....	168	PULMOZYME.....	285	RECORLEV.....	245
PREVYMIS.....	116	<i>pyrazinamide</i>	77	RELENZA.....	126
PREZCOBIX.....	125	<i>pyridostigmine bromide</i>	76	RELEUKO.....	146
PREZISTA.....	125	<i>pyridostigmine bromide er</i>	76	RELISTOR.....	200
PRIFTIN.....	77	<i>pyrimethamine</i>	102	<i>repaglinide</i>	134
<i>primaquine</i>	102	PYRUKYND.....	208	REPATHA SURECLICK.....	168
<i>primidone</i>	54	PYRUKYND 20 MG		REPATHA SYRINGE.....	168
PRIORIX.....	264	TABLET.....	208	RESPIRATORY TRACT	
PRIVIGEN.....	249	PYRUKYND 5 MG TABLET	208	AGENTS, OTHER.....	289
<i>probenecid</i>	73	PYRUKYND 50 MG		RESPIRATORY	
<i>probenecid-colchicine</i>	73	TABLET.....	209	TRACT/PULMONARY	
<i>prochlorperazine</i>	68			AGENTS.....	280
<i>prochlorperazine maleate</i>	68	Q		RETACRIT.....	147
PROCRIT.....	146	QBREXZA.....	187	RETEVMO.....	93
PROCTO-MED HC.....	184	QINLOCK.....	93	RETINOIDS.....	99
PROCTOSOL-HC.....	185	QUADRACEL DTAP-IPV.....	265	REVCIVI.....	209
PROCTOZONE-HC.....	185	<i>quetiapine fumarate</i>	112	REVUFORJ.....	82
<i>progesterone</i>	240	<i>quetiapine fumarate er</i>	112	REXULTI.....	113
PROGESTINS.....	238	<i>quinapril hcl</i>	152	REYATAZ.....	125
PROGRAF.....	260	<i>quinidine gluconate</i>	153	REZDIFFRA.....	242
PROLASTIN C.....	208	<i>quinidine sulfate</i>	154	REZLIDHIA.....	93
PROLIA.....	269	<i>quinine sulfate</i>	102	REZUROCK.....	249
<i>promethazine hcl</i>	68	QUINOLONONES.....	45	RHOPRESSA.....	279
PROMETHEGAN.....	68	QVAR REDIHALER.....	281	<i>ribavirin</i>	118
<i>propafenone hcl</i>	153			<i>rifabutin</i>	77
<i>propafenone hcl er</i>	153	R		<i>rifampin</i>	77
<i>propranolol hcl</i>	155	RABAVERT VACCINE.....	265	<i>riluzole</i>	170
<i>propranolol hcl er</i>	156	<i>rabeprazole sodium</i>	205	<i>rimantadine hcl</i>	126
<i>propylthiouracil</i>	246	RADICAVA ORS.....	170	RINVOQ.....	253
PROQUAD.....	265	RALDESY.....	64	RINVOQ LQ.....	253
PROSOL.....	198	<i>raloxifene hcl</i>	240	<i>risedronate sodium</i>	270
		<i>ramelteon</i>	293		

<i>risedronate sodium 35 mg tab (dose pack of 12)</i>	270	SELZENTRY.....	123	SMOKING CESSATION AGENTS.....	34
<i>risperidone</i>	113	SEREVENT DISKUS.....	284	<i>sod sulf-potass sulf-mag sulf</i>	203
<i>risperidone er</i>	113	SEROSTIM.....	203,217	SODIUM CHANNEL AGENTS.....	55
<i>risperidone odt</i>	113	SEROTONIN (5-HT) <i>sertraline hcl</i>	64	<i>sodium chloride</i>	192
<i>ritonavir</i>	125	SETLAKIN.....	234	<i>sodium chloride-water</i>	193
<i>rivaroxaban</i>	144	SHAROBEL.....	240	<i>sodium fluoride 2.2 mg (fluoride ion 1 mg) oral tablet</i>	193
<i>rivastigmine</i>	58	SHINGRIX VACCINE.....	265	<i>sodium oxybate</i>	294
RIVELSA.....	234	SIGNIFOR.....	246	<i>sodium phenylbutyrate</i>	209
RIVFLOZA.....	209	SIKLOS.....	209	<i>sodium polystyrene sulfonate</i>	199
<i>rizatriptan</i>	75	<i>sildenafil</i>	288	<i>sodium sulfacetamide</i>	46
<i>roflumilast</i>	286	<i>sildenafil citrate</i>	170,288	<i>sofosbuvir-velpatasvir</i>	118
ROMVIMZA.....	93	SILIQ.....	253	SOGROYA.....	218
<i>ropinirole hcl</i>	104	SILVADENE.....	187	SOHONOS.....	270
<i>rosuvastatin calcium</i>	166	<i>silver sulfadiazine</i>	187	<i>solifenacin succinate</i>	212
ROSYRAH.....	234	SIMLANDI(CF).....	260	SOLOSEC.....	38
ROTARIX.....	265	SIMLANDI(CF) AUTOINJECTOR.....	260	SOLTAMOX.....	80
ROTATEQ.....	265	SIMPONI.....	260,261	SOMAVERT.....	246
ROZLYTREK.....	94	<i>simvastatin</i>	166	<i>sorafenib</i>	94
RUBRACA.....	94	<i>sirolimus</i>	261	<i>sotalol</i>	154
<i>rufinamide</i>	57	SIRTURO.....	77	SOTALOL AF.....	154
RUKOBIA.....	123	SIVEXTRO.....	38	SOTYKTU.....	253
RYBELSUS.....	134	SKELETAL MUSCLE RELAXANTS.....	292	SOVALDI.....	118
RYDAPT.....	94	SKELETAL MUSCLE RELAXANTS.....	292	SPIRIVA RESPIMAT.....	283
S		SKYCLARYS.....	175	<i>spironolactone</i>	168
<i>sacubitril-valsartan</i>	162	SKYLA.....	234	<i>spironolactone-hctz</i>	162
SAFYRAL.....	234	SKYRIZI.....	253	SPRINTEC.....	234
SAJAZIR.....	247	SKYRIZI 180 MG/1.2 ML ON-BODY.....	253	SPRITAM.....	50
SANDIMMUNE.....	260	SKYRIZI ON-BODY.....	253	SPS.....	199
SANTYL.....	187	SKYRIZI PEN.....	253	SRONYX.....	234
<i>sapropterin dihydrochloride</i>	209	SKYTROFA.....	217	SSD.....	187
SAVELLA.....	175,176	SLEEP DISORDER AGENTS.....	293	SSRIS/SNRIS (SELECTIVE SEROTONIN REUPTAKE INHIBITOR/SEROTONIN AND NOREPINEPHRINE REUPTAKE INHIBITOR).....	61
SCEMBLIX.....	94	SLEEP PROMOTING AGENTS.....	293	STELARA.....	254
<i>scopolamine</i>	68				
SECUADO.....	113				
SELECTIVE ESTROGEN RECEPTOR MODIFYING AGENTS.....	240				
<i>selegiline hcl</i>	105				
<i>selenium sulfide</i>	185				

STIMUFEND.....	147	TABRECTA.....	83	<i>testosterone</i>	218
STIOLTO RESPIMAT.....	292	<i>tacrolimus</i>	185,261	<i>testosterone 10 mg gel</i>	
STIVARGA.....	95	<i>tadalafil</i>	212	<i>pump</i>	219
<i>streptomycin sulfate</i>	35	<i>tadalafil 20mg tablet (adcirca</i>		<i>testosterone cypionate</i>	219
STRIBILD.....	119	<i>generic)</i>	288	<i>testosterone enanthate</i>	219
STRIVERDI RESPIMAT.....	284	TADLIQ.....	288	<i>tetrabenazine</i>	175
SUBVENITE.....	50	TAFINLAR.....	95	<i>tetracycline hcl</i>	48
SUBVENITE (BLUE).....	51	TAGRISSE.....	95	TETRACYCLINES.....	47
SUBVENITE (GREEN).....	51	TAKHZYRO.....	247	THALOMID.....	80
SUBVENITE (ORANGE).....	51	TALTZ 80 MG/ML		<i>theophylline</i>	286
<i>sucralfate</i>	204	AUTOINJECTOR.....	254	<i>theophylline 80 mg/15ml oral</i>	
<i>sulfacetamide sodium</i> ... 46,274		TALTZ 80 MG/ML		<i>solution</i>	286
<i>sulfacetamide-prednisolone</i> 272		SYRINGE.....	254	<i>theophylline anhydrous</i>	287
<i>sulfadiazine</i>	47	TALTZ SYRINGE.....	254	<i>theophylline er</i>	287
<i>sulfamethoxazole-</i>		TALZENNA.....	95	<i>thioridazine hcl</i>	107
<i>trimethoprim</i>	47	<i>tamoxifen citrate</i>	80	<i>thiothixene</i>	107
SULFAMYLON.....	189	<i>tamsulosin hcl</i>	213	THYQUIDITY.....	242
<i>sulfasalazine</i>	267	TARINA 24 FE.....	235	TIADYLT ER.....	158
<i>sulfasalazine dr</i>	267	TARINA FE.....	235	<i>tiagabine hcl</i>	54
SULFONAMIDES.....	46	TARINA FE 1-20 EQ.....	235	TIBSOVO.....	96
<i>sulindac</i>	28	TARPEYO.....	249	TICOVAC.....	265
<i>sumatriptan</i>	75	TASCENSO ODT.....	178	<i>tigecycline</i>	38
<i>sumatriptan succinate</i>	75	TASIGNA.....	95	TIGLUTIK 50 MG/10 ML	
<i>sunitinib malate</i>	95	<i>tasimelteon</i>	293	SUSP.....	170
SUNLENCA.....	123	TAVALISSE.....	149	TILIA FE.....	235
SUPPLIES.....	295	TAVNEOS.....	250	<i>timolol maleate</i>	156,277
SUPPLIES.....	295	<i>tazarotene</i>	181	<i>tinidazole</i>	38
SUTAB.....	201	TAZICEF.....	41	<i>tiopronin</i>	213
SYEDA.....	235	TAZVERIK.....	96	<i>tiotropium bromide</i>	283
SYMDEKO.....	285	TEFLARO.....	41	TIROSINT-SOL.....	242
SYMLINPEN 120.....	134	<i>telmisartan</i>	150	TIVICAY.....	120
SYMLINPEN 60.....	134	<i>temazepam</i>	293	TIVICAY PD.....	120
SYMPAZAN.....	54	TENIVAC.....	265	<i>tizanidine hcl</i>	116
SYMTUZA.....	125	<i>tenofovir disoproxil</i>		TOBI PODHALER.....	286
SYNAREL.....	246	<i>fumarate</i>	117	TOBRADEX.....	272
SYNJARDY.....	135	TEPMETKO.....	83	<i>tobramycin</i>	275,286
SYNJARDY XR.....	135	<i>terazosin hcl</i>	150	<i>tobramycin sulfate</i>	35
SYNTHROID.....	242	<i>terbinafine hcl</i>	72	<i>tobramycin-</i>	
		<i>terconazole</i>	72	<i>dexamethasone</i>	272
		<i>teriflunomide</i>	178	TOBEX.....	275
		<i>teriparatide</i>	270	<i>tolcapone</i>	103
TABLOID.....	81				

<i>tolterodine tartrate</i>	212	<i>triazolam</i>	294	<i>ursodiol</i>	203
<i>tolterodine tartrate er</i>	212	TRICYCLICS.....	65	UZEDY.....	113,114
<i>tolvaptan</i>	194	TRIDACAINE.....	32		
TOPICAL ANTI- INFECTIVES.....	188	TRIDACAINE II.....	32	V	
<i>topiramate</i>	51	TRIDERM.....	185	VABOMERE.....	44
<i>toremifene citrate</i>	80	<i>trientine hcl</i>	194	VACCINES.....	261
TORPENZ.....	96	<i>trifluoperazine hcl</i>	107	<i>valacyclovir</i>	127
<i>torse mide</i>	164	<i>trifluridine</i>	275	VALCHLOR.....	187
TPN ELECTROLYTES.....	198	<i>trihexyphenidyl hcl</i>	102	<i>valganciclovir hcl</i>	116
TRACLEER.....	288	TRIKAFTA.....	286	<i>valproic acid</i>	51
<i>tramadol hcl</i>	31	<i>trimethobenzamide hcl</i>	68	<i>valsartan</i>	150
<i>trandolapril</i>	152	<i>trimethoprim</i>	38	<i>valsartan-</i> <i>hydrochlorothiazide</i>	163
<i>tranexamic acid</i>	147	<i>trimipramine maleate</i>	67	VALTOCO.....	54
<i>tranylcypramine sulfate</i>	61	TRINTELLIX.....	65	VALTYA.....	236
TRAVASOL.....	198	TRIUMEQ.....	122	<i>vancomycin hcl</i>	38
<i>travoprost</i>	279	TRIUMEQ PD.....	123	VANFLYTA.....	96
<i>trazodone hcl</i>	64	TROPHAMINE.....	198	VANRAFIA.....	163
TREATMENT ADJUNCTS.....	100	<i>tropium chloride</i>	212	VAQTA.....	266
TREATMENT-RESISTANT.....	115	<i>tropium chloride er</i>	212	<i>varenicline tartrate</i>	34
TRELEGY ELLIPTA.....	292	TRULANCE.....	201	VARIVAX VACCINE.....	266
TRELSTAR.....	246	TRULICITY.....	135	VASODILATORS, DIRECT- ACTING ARTERIAL.....	168
TREMFYA.....	254	TRUMENBA.....	266	VASODILATORS, DIRECT- ACTING ARTERIAL/VENOUS.....	169
TREMFYA 100 MG/ML PEN.....	254	TRUQAP.....	96	VAXCHORA VACCINE.....	266
TREMFYA PEN.....	254	TRYNGOLZA.....	168	VELIVET.....	236
TREMFYA PEN INDUCTION (2 PEN).....	254	TUKYSA.....	96	VELSIPITY.....	203
<i>tretinoin</i>	99,181	TURALIO.....	96	VEMLIDY.....	117
TRI-ESTARYLLA.....	235	TURQOZ.....	236	VENCLEXTA.....	97
TRI-LEGEST FE.....	235	TWINRIX.....	266	VENCLEXTA 10 MG TABLET.....	96
TRI-LO-ESTARYLLA.....	235	TYBOST.....	124	VENCLEXTA STARTING PACK.....	97
TRI-LO-SPRINTEC.....	235	TYMLOS.....	270	<i>venlafaxine besylate er</i>	65
TRI-MILI.....	236	TYPHIM VI.....	266	<i>venlafaxine hcl</i>	65
TRI-SPRINTEC.....	236	TYRVAYA.....	273	<i>venlafaxine hcl er</i>	65
TRI-VYLIBRA.....	236	TYVASO DPI.....	289	VENXXIVA.....	213
TRI-VYLIBRA LO.....	236	U		VEOZAH.....	175
<i>triamcinolone</i> <i>acetonide</i>	180,185	UBRELVY.....	74	<i>verapamil er</i>	158
<i>triamterene-</i> <i>hydrochlorothiazid</i>	163	UDENYCA.....	147		
		UDENYCA.....	147		
		AUTOINJECTOR.....	147		
		UNITHROID.....	243		
		UPTRAVI.....	289		

ZORTRESS.....	261
ZORYVE.....	187
ZOVIA 1-35.....	238
ZTALMY.....	55
ZURZUVAE.....	61
ZYDELIG.....	99
ZYKADIA.....	99

Văn Phòng Dịch Vụ CalOptima Health OneCare Flex Plus

Cách Thức	Văn Phòng Dịch Vụ – Thông Tin Liên Lạc
GỌI	1-877-412-2734 Các cuộc gọi đến số điện thoại này miễn phí. Quý vị có thể gọi văn phòng Dịch Vụ 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Văn phòng Dịch Vụ cũng có dịch vụ thông dịch miễn phí cho các thành viên không nói tiếng Anh.
TTY	711 Các cuộc gọi đến số điện thoại này miễn phí. Quý vị có thể gọi văn phòng Dịch Vụ 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần.
FAX	1-714-246-8711
GỬI THƯ	CalOptima Health OneCare Flex Plus Attention: Customer Service 505 City Parkway West Orange, CA 92868
EMAIL	OneCareCS@caloptima.org
TRANG MẠNG	www.caloptima.org/OneCare